

STEIN RIVERTON

CHIẾC XE SẮT

Phan Ba dịch





BA NGƯỜI CHẠY BỘ

Lúc đó là khoảng 11 giờ sáng, phần lớn du khách đến nghỉ hè đã dần rời bàn ăn sáng, di chuyển ra ngoài bãi cỏ trước hiên khách sạn.

Sau nhiều ngày ngấm ngấm lạnh, cuối cùng mùa hè ấm áp đã đến; trời mưa đêm nhưng đến tầm 7 giờ thì bắt đầu tạnh ráo, mặt trời lấp lánh cả ngày, cỏ cây và mặt đất đều đã khô cong, những vũng nước bốc hơi hoàn toàn, trả lại lối đi sáng lóa khô ráo.

Du khách cảm thấy vui mừng vì giờ đây, mùa hè tươi đẹp cùng sự ấm áp dễ chịu đến dư thừa của nó cuối cùng cũng đã đến. Vậy nên họ cùng ra ngoài, nằm phơi mình rải rác trên bãi cỏ, dưới ánh mặt trời nóng ấm rót từ trên cao xuống và họ nheo mắt nhìn lên. Họ nghe được tiếng ì ầm của biển cả từ phía xa, tiếng gió rì rào cất lên từ ngoài khơi, thổi qua núi và bị chặn lại trước những rặng vân sam, rồi nhẹ nhàng lướt trên bãi cỏ và nhiều lắm cũng chỉ có thể khiến những ngọn cỏ đung đưa, lướt qua lướt lại, gây nhột nhột trên khuôn mặt những du khách đang nằm đó.

Trên bãi cỏ nơi đang nằm, tôi còn có thể nhận ra nét óng ánh của dáng hình dưới lớp vải mousseline trắng, cần cổ của một người phụ nữ với mái

tóc vàng lá lướt nhẹ nhàng đang nghiêng nhẹ đầu. Nếu tôi vờ vĩnh ngoái lại nhìn, ánh mắt tôi sẽ hướng ra mái hiên bằng vải của khách sạn, nơi ánh nắng đang chơi đùa trên những sọc màu đỏ như lửa của nó.

Có năm người nằm xung quanh tôi; tất cả dường như đang ngủ, nhưng thật sự thì chẳng có ai ngủ cả. Về người phụ nữ mặc y phục trắng ở bên trái, tôi biết rằng cô ấy giấu khuôn mặt dưới đôi bàn tay và có một cuốn tiểu thuyết đang mở ra trước mặt; nhưng tôi không nghe thấy tiếng cô ấy lật trang. Không ai nói điều gì. Chúng tôi nằm hưởng thụ sự nhàn rỗi. Cơn buồn ngủ ập đến, sự nóng bức bóp ngạt dần mọi ý muốn và mọi năng lượng. Chúng tôi có thể nằm như thế hàng năm trời mà không ai muốn động dậy dù chỉ một bàn chân hay lật một trang sách. Ngay cả những ý nghĩ không bao giờ ngưng nghỉ cũng bắt đầu thiếp ngủ. Có ai còn muốn suy nghĩ nữa chứ? Tiếng biển ầm ào ngoài kia dần tắt, tai người ta tự khép lại, tiếng động nào cũng bị bỏ qua, chúng tôi chỉ còn nghe được đâu đây một cái gì đó. Có thể là một con ong bầu đang bay ngang qua, hay một cánh cổng vườn đóng lại. Tôi biết có một con két bị nhốt trong lồng, treo trên bức tường đầy nắng của khách sạn. Ngay cả nó cũng cảm thấy dễ chịu khi bộ lông được sưởi ấm và muốn đuổi bộ xương già nua ra thư giãn. Tôi có thể nghe được tiếng nó dùng mỏ ngậm chặt vào cái thanh ngang của chiếc lồng và đu qua đu lại. Nhưng đúng lúc đó có một cánh cổng được đóng lại, và lần này mạnh tới mức mọi thứ đều kêu lanh canh. Ngay sau đó tôi nghe thấy một giọng nói kề bên, “Xem kìa!”

Có gì để nhìn kìa chứ? Ai mà lại có hứng thú ngẩng đầu lên? Tiếng chân người vang lên trên con đường đất, những bước chân vội vã; đó hẳn là một người đàn ông chạy cùng một người đàn bà. Tôi có thể nghe rõ được tiếng

ùng đàn ông giậm xuống đất và tiếng váy kêu sột soạt. Tôi đứng dậy, nhưng đôi mắt bị ngợp bởi ánh mặt trời lấp lánh và lung linh tựa sương vỡ tan trong không khí.

“Hãy xem kìa!” Người phụ nữ mặc đồ trắng bên cạnh tôi nói và chỉ tay về phía trước. Qua những cây táo đầy hoa trắng, bây giờ tôi mới có thể nhìn thấy những gì đang diễn ra trên con đường đó.

Có ba người đang chạy. Dẫn đầu là một bé trai chân trần nhanh nhẹn, phía sau là một người đàn ông trung niên mang dáng dấp của cư dân thị trấn nhỏ bé này. Ông ta mặc một chiếc áo màu xanh dương, không có áo khoác, tay cầm chiếc mũ rơm nhỏ màu vàng đã cũ. Sau cùng là một du khách nữ đến nghỉ hè, nhưng bà ở tít đằng sau vì chiếc váy trắng cản trở không cho bà chạy nhanh về phía trước. Bà cố vén nó lên nhưng không được, đành phải tiếp tục chạy đi trong khi chiếc váy bay phấp phới như một ngọn cờ trắng ở phía sau.

“Có lẽ là một con bò điên,” người phụ nữ bên cạnh tôi nói.

Thế nhưng chắc chắn không phải vậy, vì nếu thế thì những người đó không cần phải chạy nữa sau khi cổng đã đóng.

Trong chớp mắt, chúng tôi, những con người uể oải, ngồi dậy; một vài người đã đứng lên và đưa tay che nắng.

Những người mới đến đi về phía chúng tôi. Một hàng rào nhỏ ngăn cách khuôn viên khách sạn với con đường; ở giữa hàng rào có một lối đi nhỏ. Người ta chỉ cần đẩy một thanh gỗ sồi sang một bên để bước vào bên trong.

Cậu bé và người đàn ông đến bên cạnh thanh gỗ gần như cùng lúc. Và

một cảnh tượng thật buồn cười lại diễn ra. Họ vội vội vàng vàng không biết làm gì với cái thanh gỗ, cứ giật tới giật lui nó. Rõ ràng họ không biết phải nhẩy qua nó, đập gãy nó, luồn dưới nó hay đẩy nó sang một bên. Cuối cùng, kết quả duy nhất cho mớ lộn xộn này là người phụ nữ trong bộ váy trắng đã đuổi kịp họ. Cậu bé chứng tỏ mình là người khôn lanh nhất; cậu nhẩy qua hàng rào, khụy gối xuống rồi đứng dậy và chạy tới chỗ chúng tôi. Khi người đàn ông chạy tới chỗ cái thanh gỗ, ông ta đẩy nó qua một bên thật dễ dàng. Vì vậy mà ba người này đến được chỗ chúng tôi gần như cùng lúc. Nhìn vẻ mặt của họ, chúng tôi biết rằng có chuyện gì đó đặc biệt đã xảy ra. Cả ba người họ đều bị kích động tới mức không thể tường thuật lại ngay lập tức. Người đàn ông bản địa lắp bắp nói điều gì đó không thể hiểu được, đôi mắt ông ta trợn ngược lên vì sợ hãi trong khi cố tìm từ diễn đạt. Người phụ nữ thở hổn hển ép tay lên ngực. Cậu bé lại là người nhanh mồm nhanh miệng nhất và bắt đầu nói.

Vì mới đầu hè nên lúc đó chỉ có sáu hay bảy người khách đến đây. Ba người trong số họ là phụ nữ, làm việc trong một cửa hàng lớn ở Christiania, nơi mà các kỳ nghỉ phép của nhân công được phân chia từ giữa tháng 5 cho tới tháng 9. Mùa du lịch thật ra chưa bắt đầu, nhưng nhiều phụ nữ phải chấp nhận hưởng kỳ nghỉ khi đến phiên mình. Ngoài ra còn có ba người đàn ông: một nhân viên thu ngân ở ngân hàng, một sinh viên trẻ, một nhân viên kiểm lâm và tôi - người đang viết những dòng chữ này.

Cho tới sáng nay, thời tiết không ủng hộ chúng tôi. Ban ngày thì đông bão, ban đêm thì lạnh và nhiều mây. Nhưng mùa hè đến thật đột ngột, với cái nóng bức và ánh nắng rực rỡ, vì vậy mà chúng tôi đang sung sướng hưởng thụ sự nhàn rỗi vào buổi sáng nay, rồi bất thành linh bị ba người kia

chạy đến quấy rầy.

Thị trấn nhỏ nơi chúng tôi đang ở thu hút nhiều du khách vào mùa hè, tức là trong tháng 7 và tháng 8. Một con đường di đạo sẽ dẫn xuyên qua khu rừng thông non ra đến biển chỉ trong vòng vài phút đi bộ. Trong đêm tối, ánh sáng nhấp nháy từ ngọn hải đăng chiếu sáng như từng dải cực quang vắt ngang bầu trời. Vùng này là một hòn đảo lớn nhưng trũng thấp và có nhiều chỗ đi lại tương đối khó khăn. Trên đảo có khá ít nhà cửa và cũng chỉ nằm quanh khách sạn, nhưng lại có một cánh đồng hoang trải dài xa hàng dặm với đầy những núi đá hình thành từ băng tích. Đây đó có một cái ao hay một con suối nhỏ chảy róc rách, và giữa cánh đồng hoang ấy có những con đường lầy lội với đầy bụi rậm và các loại cây thấp. Trang trại Gjaernaes ở phía xa như nằm trên một tấm thảm dệt từ những cánh đồng xanh màu mỡ và những khu vườn sum suê. Vào ban ngày, người ta có thể nhìn ra nông trại từ gian phòng áp mái của khách sạn, còn vào ban đêm thì có thể thấy ánh đèn nhấp nháy từ ô cửa sổ. Khi đến khách sạn, tôi đã yêu cầu nhất định phải sắp xếp cho tôi phòng này; vì thế mà tôi có thể tùy thích thưởng ngoạn phong cảnh đẹp đẽ của vùng đất hoang này. Tôi đã quen những người sống ở trang trại này, hai anh em Carsten và Hilde Gjaernaes, từ trước.

Vắt ngang cánh đồng hoang là con đường có từ xa xưa với nhiều đoạn mấp mô và quanh co, dẫn qua đồng đá, dọc theo cái ao, qua những con suối, xuyên qua bụi rậm và cây cỏ. Con đường đó thật lý tưởng để đi dạo; trong vòng gần nửa giờ đồng hồ, người ta có thể đi từ khách sạn đến trang trại. Ở đó, người ta có thể chào hỏi cô Hilde trẻ trung xinh đẹp, hay tán chuyện với Carsten Gjaemaes - dù thế nào đi nữa thì chuyển đạo chơi cũng hứa hẹn vô

cùng thú vị.

Vào buổi chiều tối trước vụ việc mà tôi muốn tường thuật, tôi đã đi dạo trên cánh đồng hoang.

Tôi khởi hành từ khách sạn độ chừng sau 9 giờ rưỡi một chút - sau bữa ăn tối. Tôi chỉ có một mình và đi khá nhanh, vì không khí từ chiều tối đã mát lạnh và ẩm ướt. Sau 10 giờ, tôi đến trang trại và nghĩ rằng sẽ thật thú vị nếu có thể nói chuyện phiếm một chút, hay thậm chí chơi bài hoặc chơi một ván cờ với Carsten Gjaernaes. Thường vào lúc này anh ta sẽ đến phòng làm việc và ở đó cho tới nửa đêm. Tôi coi đó là một điều hiển nhiên, rằng tôi là một vị khách được chào mừng, vì Carsten Gjaeraes là một người quảng giao và quen thân với tôi.

Tuy vậy - tôi buộc phải thú nhận điều này - tôi còn có một động cơ ẩn tình nữa: nếu Hilde còn chưa đi nghỉ thì có thể tôi sẽ có cơ hội thủ thi đôi điều cùng cô ấy. Như đã nói, cô rất xinh đẹp. Ở nơi vùng sâu vùng xa này, tôi cảm thấy thiếu vắng sự hiện diện của phụ nữ; ba bà nhân viên buôn bán trong khách sạn suốt ngày như bị kích động cao độ, khiến tôi về lâu về dài không thể chịu đựng được thói ngời lê đôi mách của họ, chỉ xoay quanh việc liệu họ có mạnh khỏe hơn không, liệu mặt trời có làm cho họ rám nắng không, hay liệu tôi có muốn đi hái hoa súng với họ không.

Tôi đi qua hàng rào và bước vào sân khiến con chó mực Hektor gầm gừ trong chuồng; khi tôi tỏ vẻ không thêm quan tâm thì nó chậm chạp đứng dậy và chạy đến chỗ tôi, kéo sợi dây xích theo sau. Trong lúc đó, nó sủa và gầm gừ không ngừng, khiến tôi hết sức ngạc nhiên vì cho tới lúc đó tôi vẫn coi Hektor là một con chó hiền lành.

Khi tôi định bước qua cửa chính thì ông quản gia chạy ra giữ tôi lại.

“Xin lỗi ông,” ông ta nói, “nhưng bây giờ ông không được phép làm phiền ông chủ.”

Tôi đứng lại, trừng trừng nhìn ông ta.

“Ông làm sao thế,” tôi hỏi, “ông ốm à?”

Dù đang trong cảnh tranh tối tranh sáng nhưng tôi vẫn thấy khuôn mặt ông ta trông thật xanh xao. Ông ta đứng trước tôi trên lối đi và bám vào cột cửa. Hẳn là do người này yếu tới mức không thể đứng vững, nhưng cũng có thể ông ta cố ý không cho tôi đi qua bằng bất cứ giá nào, và đang chặn cửa lại khiến tôi không bước vào được.

“Tôi không ốm.” Ông ta trả lời.

“Thế thì ông chủ của ông ốm à?”

“Không!”

“Có ai ở trong đó với ông ấy sao?”

“Không, hoàn toàn không có ai cả, ông chủ dùng bữa với em gái của ông ấy.”

Tôi không hiểu tại sao mình bị từ chối và tiếp tục hỏi.

“Tôi có làm gì khiến ông ấy buồn phiền không?” Tôi lầm bầm.

“Hoàn toàn không,” người quản gia đáp. “Nhưng ông Gjaemaes không thể tiếp ông tối nay được.”

Tôi nhìn kĩ người quản gia một lần nữa, và giờ thì tôi chắc chắn rằng ông ta xanh xao một cách khác thường. Tôi cũng nhớ rằng trong khoảnh khắc ấy tôi đã nghĩ thầm: *Tại sao ông ta không hỏi tôi liệu có cần chuyển lời hỏi*

thăm đến ông chủ không, hay có muốn nhắn điều gì không. Rồi tôi lại hỏi:

“Làm sao ông biết được sẽ gặp tôi ở ngoài này?”

“Cô chủ thấy ông đến.”

“Cô Hilde?”

“Vâng. Cô chủ bảo tôi đừng cho ông vào. Tôi đứng đây theo mệnh lệnh của cô chủ.”

Thế là tôi quay phắt người bỏ đi. Tôi còn chẳng thèm gật đầu chào từ biệt ông ta, mà phăm phăm băng qua sân. Con chó gầm gừ giận dữ còn hơn cả ban nãy. Có một con đường phụ dẫn qua khu vườn mà tôi quá quen thuộc vì đã nhiều lần qua đó. Tôi đi theo lối đó; nhưng nghi ngờ có gì đó mờ ám đang diễn ra, nên tôi đã làm một việc khác thường. Tôi đứng trong bóng tối dưới những rặng cây của khu vườn, vừa quan sát vừa nghe ngóng.

Tôi nhanh chóng nhận thấy rằng trang trại đang không có khách, bởi chỉ có ánh sáng trong phòng làm việc và trong gian phòng kế cận. Ánh đèn trong phòng làm việc tắt đi bật lại vài lần. Một lần duy nhất tôi thấy có ánh đèn sau tất cả những cửa sổ nhìn ra sân; rõ ràng có một người cầm cây đèn đi dọc hành lang. Đó chắc hẳn là Carsten Gjaernaes, vì phòng riêng của anh ta lúc đó tối đen. Trong trang trại rõ ràng có một sự chộn rộn. Tôi căng tai lắng nghe, và có một lần tôi cảm giác như mình nghe thấy những tiếng nói to hoặc phấn khích ở trong đó phát ra.

Trong lúc tôi đứng đó và nghĩ: *Bây giờ mình phải đi thôi*, thì bỗng thấy một cánh cửa nhỏ trong tòa nhà lớn được mở ra. Tôi biết rằng cánh cửa này dẫn đến chỗ ở của cô Hilde, vì cô ấy có tới ba căn phòng nhỏ của riêng mình.

Một người đàn ông trong bộ đồ đi săn màu xanh bước ra cửa, trên tay cầm khẩu súng, nòng súng hướng xuống mặt đất. Anh ta đứng lại ở bậc trên cùng; sau lưng có một bóng dáng phụ nữ bước ra - đó là Hilde. Cô đưa tay cho anh ta, mỉm cười và nói vài từ. Sau đó, anh ta bước đi, cố quay người lại vẫy chào và cô cũng vẫy tay chào lại. Từ nơi đang đứng, tôi có thể nhìn thấy toàn bộ sự việc. Tôi biết rõ người đàn ông trong trang phục đi săn màu xanh, đó là một anh chàng trẻ tuổi, dễ mến, sống chung với chúng tôi trong khách sạn; anh ta là nhân viên kiểm lâm, tên là Blinde.

Tôi hết sức quan tâm đến sự việc này, mặc dù không thể giải bày được lý do mình cảm thấy thế. Tôi rón rén bước tới sau một cây to, không muốn anh ta bắt gặp tôi theo dõi ở đây. Hilde đã đi vào trong. Rõ ràng cô ấy hoàn toàn không che giấu việc mình đã tiễn người đàn ông này ra về. Lúc đó, cô đã nói chuyện với anh ta, to tới mức tuy đứng tương đối xa trong vườn nhưng tôi vẫn có thể nghe được giọng nói của cô dù câu được câu mất. Bây giờ thì tôi nghe được tiếng cánh cửa đóng lại và tiếng chìa khóa xoay trong ổ khóa.

Trước tôi gần mười bước, người đàn ông ấy đứng lại và châm tẩu thuốc. Gương mặt anh ta sáng lên dưới ánh lửa diêm; anh ta có bộ râu màu nâu đỏ, nét mặt khắc khổ và nghiêm nghị. Rồi anh ta ném que diêm xuống đất, di chân lên nó và quay mặt về hướng gió để xem xét, một thói quen có được từ cuộc sống trong rừng và trên đồng ruộng; rõ ràng anh ta muốn biết thời tiết sẽ ra sao. Trước khi tiếp tục đi, anh ta ấn chiếc mũ sâu xuống tận mắt, rồi rải bước trên con đường dẫn qua cánh đồng hoang về đến khách sạn. Tôi chờ vài phút sau mới bám gót rời đi vì không muốn anh ta nhận ra là đang bị tôi theo dõi.

Khi tôi đến cánh đồng hoang thì anh ta đã biến mất sau đầm lầy ngay cạnh. Tôi không còn nghe thấy tiếng bước chân của anh ta nữa, và cũng không có tiếng động nào từ trang trại vang đến đây. Gió đã lặng, mọi thứ quanh tôi đều im ắng. Một cảm giác kỳ lạ giữa đồng không mông quạnh trong đêm hè. Phong cảnh xung quanh tôi trải rộng đến vô tận, chân trời biến mất và mặt đất dường như chạm tới chân trời. Người ta không biết bầu trời bắt đầu từ đâu và mặt đất chấm dứt ở đâu. Các đồng đá, những mảnh ruộng và cây cối đây đó có những hình dạng kỳ lạ và bí ẩn trong ánh sáng chạng vạng. Khi tới cánh đồng hoang xuôi theo sườn dốc ra biển, tôi cảm nhận được hơi mát lạnh từ biển thổi vào khiến tôi phải dựng cổ áo khoác lên. Tôi nhìn thẳng, phía trước là biển cả luôn lạnh lẽo mỗi khi đêm xuống; tôi có thể nghe được tiếng sóng cuộn cuộn vào bờ rồi chồm lên bờ cát. Cát bị gió thổi chất thành đống; thấp thoáng sau lùm cát, những cây vân sam đáng thương, đặc trưng cho hệ thực vật của những hòn đảo đá nhỏ của Na Uy, xác xơ vì bão tố. Ngọn của chúng gãy lìa trông như những cây quật bị bẻ cong và hướng vào đất liền.

Tôi biết rằng khu vực này không an toàn, hay có thuyền của người Digan ẩn nấp giữa những hòn đảo đá về đêm. Thuyền nào cũng chất đầy như sắp nứt, cánh buồm làm từ những mảnh vải cáu bẩn và kéo đủ loại cành cây vô dụng theo ở dưới nước và chiếc bánh lái thuyền nổi bật ở một bên. Chúng bám vào các vách đá như đĩa đói rồi bỏ thuyền lên đất liền và luôn xuất hiện ở những nơi người ta sống hay di dạo một mình, dẫn họ xuống địa ngục. Tôi không sợ mà chỉ sức nhớ như thế khi bước đi trên cánh đồng trống trải. Trong tay, tôi cầm một cây gậy to với một đầu tròn bằng ngà voi làm tay nắm. Tôi bước nhanh qua khoảng đất trống và chìm vào trong bóng

tối của cây cối.

Gần khách sạn, con đường này dẫn xuyên qua một khu rừng thông nhỏ tối tăm mịt mù. Tôi đứng lại vì có một tiếng động kỳ lạ đập vào tai. Nó có thể là gì? Tiếng động này đến từ xa, chỉ văng vẳng bên tai tôi. Nó gần giống như tiếng leng keng của một sợi dây xích kim loại cách xa hàng dặm. Tôi tiếp tục đi, được khoảng năm phút nữa thì bất thành linh nhìn thấy một vật đang di chuyển trong bóng tối, cách đó chỉ vài mét. Tôi nhận ra ngay đó hẳn phải là con người, liền nắm lấy cây gậy chặt hơn nữa, đi theo một đường vòng cung lớn...

Có một người đàn ông đang đứng ở đó, tướng tá chắc nịch với cái mũ rộng vành trên đầu. Tôi biết rằng tôi chỉ cần sai bước thêm chút nữa là có thể nhanh chóng bỏ lại ông ta phía sau, nhưng tôi đột ngột dừng lại. Và rồi khi tôi đứng đó, người đàn ông này tiến dần đến chỗ tôi. Bây giờ thì tôi cũng nhận ra ông ta. Tôi cảm thấy vừa buồn cười vừa hối hận vì đã muốn né tránh ông ta, bình thân cặp cây gậy vào người. Thế nhưng, khi ấy tôi không nén được cảm giác vui mừng rằng người đàn ông này không phải là người lạ. Ông ta sống trong thị trấn tôi đang ở, chỉ là trong khoảnh khắc này tôi nhất thời chưa thể nhớ ra tên ông ta, một ngư dân hiền lành mà trước đây tôi đã nhiều lần chào hỏi. Tôi nói với ông ta:

“Khuya thế này mà ông còn đi ra ngoài à?”

Thay vì trả lời câu hỏi đầy vẻ quan tâm của tôi thì người đàn ông này lại hỏi và nghe ngóng:

“Ông có nghe thấy không?”

“Cái gì?”

“Suýt!” Ông ta nói và ra về tiếp tục nghe ngóng.

Và bây giờ thì tiếng động đó lại xuất hiện, cái tiếng động xa bất tận của những sợi dây xích sắt rời nhau, kêu loảng xoảng.

“Cái gì thế?” Tôi hỏi.

“Đó là chiếc xe sắt,” người đàn ông nghiêm túc trả lời. “Đã lâu rồi tôi mới nghe được tiếng của nó.”

Chiếc xe sắt! Trong ký ức tôi chợt lóe lên, rằng tôi đã từng nghe về việc này rồi. Một câu chuyện kỳ lạ mà tôi đã quên mất. Tôi không còn nhớ rõ đầu đuôi thế nào nữa, nhưng màn đêm và bóng tối đã đánh thức cảm giác trong tôi, rằng đó là một câu chuyện đáng sợ.

Tôi nhanh chóng nắm lấy cánh tay người đàn ông đó và tiếp tục đi với ông ta thêm một đoạn.

“Chiếc xe sắt?” Tôi hỏi. “Lần cuối cùng ông nghe thấy nó cách đây bao lâu rồi?”

“Bốn năm, trong cái đêm mà ông già Gjaernaes qua đời.”

“Chiếc xe đó là của ai?”

“Vâng, chiếc xe đó thực sự là của ai?” Người đàn ông đáp lại rồi lắc đầu.

Tôi không hỏi tiếp, vì giờ đây chúng tôi đã ra khỏi khu rừng, và tấm bạt che nắng có sọc đỏ rực rỡ trước khách sạn đã xua tan không khí vắng vất của vùng đất hoang. Bây giờ, chúng tôi cũng không nghe thấy tiếng của chiếc xe sắt nữa, vì khu rừng đã ngăn âm thanh đó lại, không cho nó vang đến chỗ chúng tôi.

Tôi bước lên gian phòng áp mái của mình và mở cả hai cửa sổ. Cái tôi nhìn thấy đầu tiên là một thứ ánh sáng mờ ảo, xa tận chân trời. Tức là người

trong trang trại Gjaernaes vẫn chưa đi nghỉ. Tôi bất chợt muốn biết khi nào ánh sáng này sẽ tắt. Tôi ngồi xuống cạnh cửa sổ, nhưng chờ đợi khiến tôi mệt mỏi nên chẳng bao lâu sau tôi lại đi lại trong phòng, hút vài điếu thuốc lá rồi bước ra cửa sổ trầm nghĩ: *Giờ thì ánh sáng đó hẳn đã tắt.* Nhưng ánh sáng vẫn lấp lánh. Một giờ đồng hồ trôi qua. Tôi cảm thấy màn đêm bỗng nóng hơn và oi bức, liền giơ tay ra ngoài cửa sổ, để vài giọt mưa nặng hạt rơi vào lòng bàn tay. Không khí yên lặng, mưa đêm rả rích làm bên ngoài như ấm áp hơn. Tôi vừa lắng nghe vừa lắng nhìn; lúc đó tôi lại nghe thấy nó, cái tiếng sắt va loảng xoảng xa xa, nhưng giờ đây tiếng động đó còn ở xa hơn cả trước. Một lúc lâu tôi không nghe được nó, rồi đâu đó, một âm thanh yếu ớt vọng lại, sau đó yên lặng như tịnh không có gì và tôi lại nghe được tiếng loảng xoảng hơn một phút, hay lâu hơn thế.

Chiếc xe sắt! Tôi đóng cửa sổ lại. Ở ngoài, ánh sáng dần vén màn đêm, tia nắng bò chậm chậm lên những ngọn núi. Tôi nhìn thấy cảnh cây bắt đầu đâm sương mai. Một lần cuối cùng nhìn qua cánh đồng hoang... ánh sáng vẫn còn đó, tôi thả rèm xuống.

Thế là mùa hè nóng nực đã thực sự đến trong một khoảng thời gian dài. Sáng hôm sau là ngày mà năm người khách chúng tôi nằm trên cỏ và đắm mình trong ánh nắng mặt trời nóng nực.

Đúng lúc đó, ba người này chạy tới: thằng bé, ông đánh cá và người phụ nữ mặc váy trắng.

Rõ ràng tất cả bọn họ đều muốn nói điều gì đó đặc biệt, nhưng cậu bé - như đã nói - nhanh mồm nhanh miệng nhất; cậu ta thông báo trước cho

chúng tôi, bằng cách nói thật to:

“Bọn cháu nhìn thấy một xác chết trên đường!”



NGƯỜI CHẾT

“Bọn cháu nhìn thấy một xác chết trên đường,” cậu bé nói to. Trong lúc đó, mắt cậu nhấp nháy như người lên cơn sốt và cả thân hình run rẩy.

“Tôi cũng nhìn thấy,” ông lão đánh cá lặp bặp.

“Nhưng cháu nhìn thấy đầu tiên,” cậu bé nói to.

Rồi tôi không nghe được tiếng nói nào trong vài giây. Cái tin khủng khiếp ấy làm chúng tôi kinh ngạc. Tôi nhìn thấy khuôn mặt những người xung quanh hiện lên vẻ “thật không thể tin nổi”. Họ bị bất ngờ và kích động đến vậy vì cái tin từ trên trời rơi xuống ấy, thật tương phản mạnh mẽ với sự yên bình của mùa hè ấm áp dễ chịu đang ôm trọn chúng tôi. Gió thổi nhẹ nhàng qua bãi cỏ, bầu trời đầy tiếng chim ríu rít, và từ phía biển, người ta nghe được tiếng động cơ ồn ào gấp gáp của một chiếc thuyền máy. Một cái cửa kính trong khách sạn được mở tung ra, tôi nghe rõ tiếng bà chủ cãi nhau với mấy người khác. Bất thành linh, người nhân viên ngân hàng nói to:

“Trời ơi, thế thì chúng ta phải đến đó xem sao!”

Cánh đàn ông chúng tôi ngay lập tức nửa chạy nửa đi bộ, nhìn chăm

chăm về phía trước. Những người phụ nữ ngần ngừ trong giây lát, rồi cũng đi theo chúng tôi nhưng cách một đoạn. Cậu bé chạy trước chúng tôi dọc theo con đường như một con chó nhỏ nhanh nhẹn, rồi lại chạy ngược lại như để chỉ đường.

Chúng tôi bước vội qua khu rừng trong vòng chưa đầy năm phút. Ở đó, chúng tôi gặp một vài người và rủ họ cùng đi. Rồi chúng tôi bước ra cánh đồng hoang, dưới ánh nắng mặt trời như một sa mạc nóng bỏng. Chúng tôi đi theo con đường ôm lấy rìa khu rừng, và nói với cậu bé trong lúc đi:

“Cháu có chắc là nhìn thấy đúng như thế không?” Chúng tôi hỏi.

“Đúng mà, đúng là như vậy,” cậu bé trả lời, “cháu phải lừa bò ra đồng cỏ, lúc ấy cháu nhìn thấy chú ấy.”

“Cháu nhìn thấy chú ấy như thế nào? Cháu vấp vào người đó à?”

“Không phải thế, con bò lớn dừng lại và đánh hơi trong bãi cỏ. Cháu quát nó, nhưng nó vẫn không chịu đi tiếp; thế là cháu đến gần để nhìn xem có cái gì, thế rồi cháu nhìn thấy chú ấy trong một chỗ trũng; chú ấy nằm sấp mặt xuống.”

“Rồi sau đó?”

“Cháu sợ quá và bỏ chạy nhanh nhất có thể. Trong rừng, cháu gặp một bác đang cầm cái xô. Sau khi cháu nói cho bác ấy biết cháu đã nhìn thấy gì thì cả hai bác cháu chạy trở lại nơi đó và bác ấy nhìn thấy ngay lập tức...”

“Đúng rồi, tôi nhìn thấy,” giờ thì người đàn ông đang bước vội bên cạnh cậu bé lên tiếng, “tôi nhìn thấy ngay là anh ta bị giết hại.”

“Làm sao mà ông chắc thế?”

“Cái đầu,” người đàn ông lầm bầm, “trông đáng sợ lắm. Nhưng chúng ta

sắp đến nơi rồi.”

Chúng tôi đến nơi ngay sau đó. Người đàn ông nằm trong bóng râm, dưới một chỗ trũng nhỏ, khá gần với bìa rừng. Anh chàng sinh viên sắp thi tốt nghiệp ngành y chạy đến trước; tôi nghe thấy anh ta kêu lên:

“Đó là viên kiểm lâm Blinde.”

Giờ thì ai cũng biết người chết là ai, kể cả những người phụ nữ thờ hồn hển đến sau một chút. Người chết là viên kiểm lâm, người mà vào đêm hôm trước tôi đã nhìn thấy bước ra từ phòng của cô Hilde. Anh ta vẫn mặc bộ quần áo đi săn màu xanh và khẩu súng ngay bên cạnh.

Chúng tôi nhận thấy ngay rằng anh ta hẳn đã bị giết, vì có một vết thương lớn ở sau đầu nạn nhân. Con người đáng thương này hẳn vì cú đánh ấy mà ngã về phía trước, và có lẽ đã chết ngay lập tức vì mặt anh ta úp xuống đất mềm. Anh ta nằm lên nòng khẩu súng, báng súng nhô ra.

Anh sinh viên hỏi mượn một chiếc khăn tay. Sau khi nhận lấy nó từ những người phụ nữ, anh ta cẩn thận đặt lên vết thương của nạn nhân. Rồi anh ta đứng dậy và nói:

“Không ai được phép chạm vào anh ấy.”

Một trong những người đàn bà bật khóc. Một bầu không khí kỳ dị bao trùm, một cái gì đó khiến người ta nghĩ tới đám tang lặng lẽ vào một ngày xuân đẹp trời trước ngôi nhà thờ nghèo nàn ở trong làng. Không khí thật trong lành, ánh nắng nhảy múa khiến mép chiếc khăn tay trắng phất phơ trên đầu của người bị sát hại kia, mặt trời như dát vàng lên đàn bò đang ăn cỏ, chúng mở to đôi mắt tròn ngu ngơ nhìn chúng tôi.

Tôi chắc chắn rằng trong khoảnh khắc này, không ai trong số những

người đang đứng đó nghĩ về việc vụ giết người này đã xảy ra như thế nào, hay suy nghĩ xem ai là hung thủ. Tất cả đều bị sự kiện, bị những gì đã xảy ra lôi cuốn tới mức không có chỗ cho những suy nghĩ khác. Ấn tượng vẫn chưa định hình và hình ảnh của sự kiện vẫn chưa rõ ràng. Chỉ sau khi điều khó tin này ăn sâu trong nhận thức của từng người như là hiện thực thì câu hỏi mới xuất hiện: *Việc này đã xảy ra như thế nào?*

Anh chàng sinh viên y khoa nhỏ người rõ ràng là người có bản năng làm thám tử nhất. Anh ta đứng bật dậy khi nghe cậu bé nói:

“Chiếc mũ nằm ở đây.”

Và khi cậu bé cúi xuống định cầm chiếc mũ lên thì anh ta lao đến, nắm tay cậu bé.

“Cứ để chiếc mũ ở đây,” anh ta quát. Và thế là chiếc mũ bất di bất dịch.

Đó là chiếc mũ nỉ màu xanh mà những người đi săn thường đội, phía bên trái có cái nút lớn và một dải băng đẹp chạy vòng quanh đầu. Chiếc mũ của viên kiểm lâm.

Với kiến thức chuyên môn, anh chàng y khoa đưa ra lời giải thích:

“Một tội ác đã xảy ra tại đây,” anh ta nói, “người bạn của chúng ta, kiểm lâm viên Blinde, đã bị một người lạ đánh chết. Theo như tôi quan sát thì anh ấy đã chết ngay lập tức, bởi một vật khá cùn đánh vào ngay sau đầu.”

Khái niệm “bị tấn công bởi một vật khá cùn”, lại thêm loáng thoáng mấy chữ “nhà tù” và “cảnh sát” khiến cho những người đàn bà rùng mình. Họ lùi dần khỏi nơi đáng sợ ấy; cuối cùng chỉ còn mấy người đàn ông chúng tôi đứng quanh thi thể. Anh chàng sinh viên y khoa vẫn hăng say phân tích.

“Chiếc mũ của anh ấy nằm đây,” anh ta tiếp tục, “hẳn là nó rơi ra khỏi

đầu anh ấy trong khoảnh khắc bị đánh. Tốt nhất cứ để yên nó ở đấy, cho tới khi thám tử đến.”

“Thám tử ư?” Tôi hỏi. “Anh nghĩ thế à?”

“Vâng, tất nhiên rồi!” Anh chàng sinh viên y khoa trả lời. “Chúng ta phải đánh điện yêu cầu một thám tử đến đây. Tôi biết một người rất giỏi ở Christiania.”

“Nhưng ông ta phải mất vài tiếng mới đến được đây,” tôi phản đối, “không thể để người chết ở đây được.”

“Chúng ta không thể để anh ấy ở đây qua đêm,” anh ta nói. “Nếu như thám tử không thể đến đây trước nửa đêm thì chúng ta phải tìm cách mang thi thể vào một ngôi nhà nào đó.”

Là người đi lại nhiều, tôi lúc nào cũng có một cuốn sổ ghi lịch trình của tàu hỏa và tàu thủy. Tôi lôi cuốn sổ ra, ngồi xuống đám cỏ để tra cứu. Anh chàng sinh viên y khoa quỳ xuống cạnh tôi và cũng hăm hờ cúi đầu vào cuốn sổ.

“Bây giờ là 12 giờ,” tôi nói. “Anh có chắc rằng ông thám tử mà anh muốn nhờ hiện đang ở Christiania không?”

“Tương đối chắc chắn, tôi có địa chỉ của ông ấy.”

“Rất tốt. Thế thì chúng ta đánh điện tín thôi. Ông ta không thể nhận được bức điện tín trước 2 giờ chiều. Nếu thế thì ông ta không thể kịp đi chuyển tàu nhanh rời Christiania vào nửa giờ tới; hẳn là phải chờ chuyển tàu thường lúc 5 giờ 13 phút rồi.”

“Ông ấy có quyền được yêu cầu thêm một chuyến tàu.”

“Ông ta khó có thể làm điều đó. Đây không phải là việc ngăn chặn tội

phạm, mà chỉ là làm sáng tỏ một bí ẩn đang hiện diện. Chúng ta phải tính đến việc ông ta chờ tới 5 giờ 13 phút. Ông ta cũng không thể rời đi ngay lập tức. Từ Christiania cho tới trạm dừng gần chúng ta nhất phải mất năm tiếng đồng hồ ngồi tàu hỏa, vậy thì không thể bắt kịp chuyến tàu thủy ban đêm đến đây được.”

“Ông ấy chắc chắn sẽ tìm được một chiếc thuyền máy cao tốc.”

“Vâng, nhưng ngay cả một chiếc thuyền máy cao tốc cũng không thể đi hết quãng đường đó trong vòng dưới 4 tiếng đồng hồ. Tức là ông ấy không thể có mặt ở đây trước 2 giờ đêm.”

Anh chàng sinh viên y khoa lắc đầu.

“Ông không biết ông thám tử đấy thôi,” anh ta nói, “người mà tôi nói tới.”

“Không phải là vấn đề”, tôi đáp trả, “chúng ta phải dự tính trong hoàn cảnh hiện tại. Khi phần lớn khả năng cho thấy viên thám tử không thể có mặt trước 2 giờ đêm, thì tôi cho rằng chúng ta phải mang thi thể vào trong một ngôi nhà.”

“Vâng, vâng,” anh chàng sinh viên y khoa nói, “hẳn là không còn lựa chọn nào khác. Nhưng chúng ta đưa anh ấy về khách sạn như thế nào?”

Tôi đang định trả lời thì có một người đàn ông chen qua đám đông vây quanh chúng tôi. Đó là cảnh sát trưởng, người đại diện cho cảnh sát địa phương.

Tin đồn về một phát hiện đáng sợ đã lan đi rất nhanh. Từ khách sạn, người ta đã gọi điện cho cảnh sát trưởng, và ông ta vội vàng đạp xe đến đây chỉ trong ít phút.

Ông hẳn đang tim đập chân run bởi sự kiện khác thường này, tôi có thể nhận thấy điều đó qua gương mặt trắng bệch và đôi bàn tay lẩy bẩy. Ông ta cũng nhận ra ngay người đàn ông trong bộ đồ đi săn màu xanh và lăm lăm:

“Thật đáng thương! Mọi việc đã xảy ra như thế nào?”

“Anh ấy đã bị đánh chết,” anh chàng sinh viên y khoa nói, “ông có thể nhìn thấy rõ.”

Ông cảnh sát trưởng quỳ xuống nhìn xác chết, thì thào. “Đúng thế, đúng thế!”

“Chúng tôi cho rằng nên đưa người chết vào một ngôi nhà,” anh chàng sinh viên y khoa tiếp tục. “Ông thám tử chắc không thể đến đây trước sáng sớm mai được.”

Anh ta tiếp tục nói với cảnh sát trưởng, rằng chắc chắn một nhân viên cảnh sát có năng lực từ thủ đô sẽ tiếp nhận vụ việc. Ông cảnh sát địa phương đồng ý với anh ta về điều đó. Ông cảm ơn chàng sinh viên y khoa đã đảm nhận việc gọi một viên thám tử từ Christiania đến, trông bộ dạng hết sức vui mừng vì dường như trút bỏ được phần nào gánh nặng.

Nhưng bây giờ phải đưa thi thể đó đi đâu?

Lúc đầu người ta muốn mang vào khách sạn; cảnh sát trưởng nói rằng tất nhiên phải đưa người chết về nơi mà người đó đã ở lúc còn sống. Tôi phản đối, rằng làm như vậy sẽ khiến phần lớn du khách bỏ đi, ít nhất là đám phụ nữ sẽ bỏ chạy hết. Giờ ta phải tìm một nơi khác.

Lúc đó, cảnh sát trưởng sức nhớ ra có một ngôi nhà nhỏ bỏ không ở cách đây vài phút đi bộ, thường là chỗ dừng chân cho những người đào cát. Ngay lập tức, người ta quyết định đưa thi thể đến đấy.

Cả tá người sẵn sàng giúp. Người ta nhanh chóng làm một cái cang, đặt người chết lên đó và khẩu súng đặt ở bên cạnh.

Gương mặt của người chết hoàn toàn không thay đổi gì, nhiều lắm chỉ bị đất cát làm cho lấm lem thôi.

Anh chàng sinh viên y khoa nắm lấy cánh tay tôi.

“Nhìn anh ấy kìa!”

“Có điều gì kia chứ?”

“Hãy nhìn vào khuôn mặt, anh ấy đã mỉm cười.”

“Tôi không nhận thấy cảm xúc nào cả,” tôi trả lời.

Anh sinh viên y khoa nhìn người chết một lúc lâu.

“Anh ấy đã mỉm cười,” anh ta lầm bầm, “một nụ cười nhạo lướt trên gương mặt ấy, đúng vào lúc bị cú đánh chí mạng.”

Anh sinh viên y khoa đề nghị dùng chiếc mũ đi săn che mặt người chết; điều này được thực hiện ngay. Bốn người đàn ông khiêng thi thể nạn nhân đến gian nhà của những người đào cát. Chúng tôi có thể nhận ra mặt tiền màu xanh lá cây đậm của nó trước một ngọn đồi màu nâu đầy cây thạch nam. Ông cảnh sát trưởng đi bên cạnh, tôi lùi lại phía sau một chút vì bản thân luôn có ám ảnh không thể vượt qua đối với xác chết và đám tang.

Nhưng anh sinh viên y khoa đâu rồi?

Tôi quay người lại. Có thật là anh ta đang nằm rạp xuống đất, nơi xảy ra án mạng và đánh hơi mặt đất xung quanh như một con chó không?

Tôi mỉm cười. Đó là một chàng trai trẻ, tuổi đời chỉ khoảng mười chín, đôi mươi. Có lẽ anh ta đã lậm đủ mấy chuyện cướp giật vào người và giờ muốn đóng vai thám tử thật ngẫu. Anh ta khám xét dấu vết cứ như thể ngày

nay người ta tìm kiếm tội phạm bằng cách ấy vậy!

Tôi bắc hai tay lên miệng như một cái loa và gọi thật to tên anh ta.

“Này! Anh kia!” Giọng nói của tôi vang to trên vùng đất hoang. “Chúng ta không đi cùng họ à?”

Anh chàng chậm chạp đứng dậy, phúi bụi bẩn trên đầu gối và thông thả bước tới chỗ tôi.

“Một việc kỳ lạ,” anh ta nói. “Anh ấy bị giết mới đây thôi.”

Thế là các suy luận đã bắt đầu; giai đoạn quan sát đã qua, không có gì mới theo hướng này. Suy nghĩ của chúng tôi đi ngược trở lại; câu hỏi đầu tiên xuất hiện là: *Nó xảy ra lúc nào?* Câu kế tiếp tự nhiên là: *Nó xảy ra như thế nào?*

Tôi trả lời, “Tại khách sạn, chúng ta sẽ xác định thời điểm anh ta rời đi, vì tôi không nhìn thấy anh ta lúc ăn sáng.”

Khi tiếp cận những người phụ nữ đang đứng thành nhóm và dường như rất hoang mang, chúng tôi hỏi họ nhưng không ai nhìn thấy viên kiểm lâm; anh ta thường dậy sớm, sớm hơn những người khách khác rất nhiều.

Nửa tiếng sau, chúng tôi cùng nhau ngồi trên hàng hiên của khách sạn. Anh sinh viên y khoa đã đi đến sở điện tín, còn những người còn lại đang chờ anh ta trở về, chăm chú nhìn dọc theo con đường. Cảnh sát trường vội vã đạp xe ngang qua, người nọ người kia qua lại như thoi đưa. Bây giờ thì khắp nơi đã biết đến sự việc đó, và tin đồn đáng sợ lan truyền đi như lửa cháy từ trang trại này sang trang trại khác. Chúng tôi có thể nhìn thấy rõ rằng người dân đã ngừng công việc đồng áng, và một vài người bước nhanh về nhà, vác công cụ sau lưng. Có tiếng chuông ở cổng. Đó là chàng sinh

viên y khoa, vừa trở về từ sở điện tín. Anh ta vẩy cái mũ, để lớp vải lót màu đỏ sáng rực dưới ánh mặt trời, và gọi to từ đằng xa:

“Tôi đã nói chuyện qua điện thoại với ông ấy!”

Anh ta rất kích động, có vẻ đang run lên vì sốt sắng.

“Chính tôi đã nói chuyện với ông ấy qua điện thoại,” anh ta lặp lại, khi giậm bước đi lên hàng hiên một cách ồn ào.

Tuy anh ta không nêu tên ngài thám tử, nhưng tất cả chúng tôi đều biết anh ta muốn nói đến ai.

“Ông ta có đến không?” Chúng tôi đồng thanh hỏi.

“Có, ông ấy sẽ đến đây nhanh nhất có thể, nhưng ông ấy không nói chính xác là khi nào.”

“Chúng ta phải tỉnh táo đánh giá sự việc. Ai mà biết được liệu đó có phải là vụ án mạng hay không?” Tôi đưa ra nhận xét.

“Nếu không thì là gì?”

“Có thể là một sự cố đáng tiếc.”

“Không thể được, không thể như thế được!” Một vài người kêu to, và chúng tôi bàn luận về sự việc. Bất thành linh, một trong số những người phụ nữ lên tiếng hỏi:

“Nhưng ai đã giết anh ta kia chứ?”

Phải, đó là ai? Thật là một điều bí ẩn. Theo như chúng tôi biết thì anh kiểm lâm này không có kẻ thù. Anh ta là người hiền lành nhưng sống tương đối khép kín, không thích giao tiếp với những người khác, hiếm khi nói chuyện trong lúc ăn và hay đi dạo xa một mình.

“Ông biết anh ấy từ trước, đúng không?” Anh sinh viên y khoa nói với tôi. “Ông có suy đoán gì không?”

“Tôi chỉ quen biết sơ sơ thôi,” tôi đáp, “tổng cộng tôi chỉ gặp anh ta hai, ba lần, vì vậy tôi không thể đưa ra được thông tin nào cả.”

Có thể là một vụ giết người cướp của chăng?

Hầu như không thể; cả sinh viên y khoa và tôi đều thấy chiếc nhẫn kim cương và dây đeo đồng hồ bằng vàng của anh ta vẫn còn đó.

Giờ thì bà chủ khách sạn bước tới chỗ chúng tôi và nói rằng viên kiểm lâm đêm qua đã không về đây ngủ. Tức là anh ta đã đi vắng suốt đêm qua.

Vậy thì, vụ án mạng có thể đã xảy ra vào tối hôm trước.

Anh sinh viên y khoa rõ ràng khá bối rối.

“Lẽ ra tôi đã có thể nhìn thấy điều đó từ dấu vết để lại,” anh ta lầm bầm, “vì đêm qua trời mưa. Trời bắt đầu mưa từ lúc nào nhỉ?”

Hầu hết mọi người cho rằng trời bắt đầu mưa lúc nửa đêm.

Anh sinh viên y khoa nhìn tôi.

“Dường như ông đang nhớ ra điều gì,” anh ta nói.

“Đúng thế,” tôi đáp, “trời bắt đầu mưa lúc gần 1 giờ.”

“Làm sao ông biết?”

“Lúc đó tôi vẫn thức và nghe thấy những hạt mưa đầu tiên lộp độp rơi xuống. Tôi có thể kể tiếp, thưa quý bà và quý ông, rằng tôi đã đi qua cánh đồng hoang trong thời gian từ 11 giờ đến 11 giờ rưỡi đêm.”

“Ông có nghe được gì không?”

“Tôi nghe tiếng một chiếc xe từ đằng xa đang lăn bánh về đây, chỉ thế

thôi.”

“Ông từ trang trại trở về à?”

“Vâng, tôi trở về từ trang trại Gjaemaes. Ai là người cuối cùng nhìn thấy anh ta?” Tôi đột nhiên hỏi.

Các câu trả lời rất khác nhau.

Một vài người nhìn thấy anh ta tối qua lúc dùng bữa tối, bà chủ khách sạn nhìn thấy anh ta đi lên phòng một tiếng sau đó. Một người phụ nữ nhìn thấy anh ta lúc 9 giờ rưỡi trong bộ đồ đi săn với khẩu súng trên vai. Khi đó là lúc anh ta chuẩn bị rời đi, tươi cười chào người phụ nữ này và trao đổi vài lời, rằng trời sắp mưa, chỉ tay lên trời và nói rằng, “Cô xem mây bay kia kìa, một cơn dông đang thổi chúng đi đấy.”

“Nhưng còn ông,” sinh viên y khoa hỏi. “Sau đó, ông vẫn nhìn thấy anh ấy phải không?”

“Lúc 10 giờ rưỡi,” tôi trả lời, “tôi nhìn thấy Kiểm lâm Blinde lần cuối cùng vào lúc đó.”

Bây giờ tôi mới thuật lại những gì mình đã gặp tối qua; rằng tôi nhìn thấy Blinde đi ra từ căn nhà chính của gia đình Gjaemaes và biến mất trên cánh đồng hoang. Tôi đặc biệt cẩn thận lời ăn tiếng nói khi kể lại câu chuyện của mình, không nhắc đến việc nhân viên kiểm lâm đi ra từ phòng của cô Hilde. Khi tôi kể xong, những khán giả lặng lẽ và suy tư ngồi đó. Một vài người phụ nữ nhút nhát nhìn nhau và anh sinh viên nhận xét:

“Ông không được mời vào trong trang trại thì lạ thật, anh Gjaemaes vốn là người quảng giao mà.”

“Tôi cảm tưởng như có việc gì đó khác thường đã xảy ra trong trang trại.

Ông quản gia trông rất bối rối, giọng nói của ông ta hết sức nghiêm trọng khi không cho tôi vào nhà. Tôi nghĩ mình đã không hề được chào đón khi đó, nhưng chắc chắn rằng bản thân tôi không phải là nguyên nhân.”

“Ông cho rằng có việc gì đó xảy ra trong trang trại?”

“Vâng, tôi cho là thế.”

“Nhưng ông không nhìn thấy điều gì khác thường ư?”

“Không, tôi cũng không nghe được gì. Tuy vậy, tôi lại thấy ánh sáng chớp chớp đi từ phòng này sang phòng khác, chắc chắn trong nhà có người đi lại.”

Anh sinh viên lầm bầm rằng có lẽ cái chết của viên kiểm lâm có liên quan tới sự rối loạn rõ ràng xuất hiện trong trang trại vốn rất yên tĩnh kia.

“Blinde tối qua trông thế nào? Anh ấy có vẻ hồi hộp bồn chồn không?”

“Hoàn toàn không,” tôi trả lời, “anh ta bình thản như mọi ngày. Gương mặt không biểu lộ sự hồi hộp nào cả. Anh ta châm tẩu hút thuốc khi đứng cách tôi mười thước, đứng ở chỗ mấy cây lê lớn; que diêm cháy sáng rất gần gương mặt anh ta nên tôi có thể nhìn thấy mọi đường nét. Không, anh ta rất bình thản...”

Câu chuyện cứ thế tiếp tục qua cả buổi chiều. Tội ác bí ẩn ấy khiến chúng tôi bối rối tới mức những câu hỏi tương tự cứ lặp đi lặp lại. Thêm vào đó là trí tưởng tượng. Những việc khó tin nho nhỏ bắt đầu xuất hiện, và sự căng thẳng làm phái nữ choáng ngợp đến mức chẳng ăn được gì — họ chỉ rón rén gắp mấy miếng và còn bỏ lại cả ly sữa, để có thể quay lại nói chuyện về vụ giết người kia và làm người khác giật mình. Viên kiểm lâm đã

làm gì ở trang trại Gjaernaes vào lúc tối khuya như thế? Bắt đầu là một đôi mắt phụ nữ lóe lên bí ẩn, cùng một nụ cười nhẹ nhàng để lộ ra những thông tin đặc biệt - và chẳng bao lâu sau câu chuyện đã thành hình. Người ta đã thấy viên kiểm lâm và cô Hilde đi chung với nhau vài ba lần. Có trời mới biết anh Blinde cần gì ở vùng đồng quê này nếu không phải muốn gặp cô Hilde, bởi vì anh ta có cả một cánh rừng rộng rãi để đi dạo. Tôi đã cố tình không nhắc tới cái tên Hilde, vì tôi biết tài năng thiên bẩm của những người phụ nữ, dẫn dắt những suy đoán của họ đi theo một hướng nhất định. Chính vì lý do đó mà tôi không nói rằng mình đã nhìn thấy Blinde bước ra khỏi phòng riêng của cô ấy vào lúc 10 giờ rưỡi tối. Mặc dù vậy, các bà các chị vẫn say sưa theo dõi một tấn bi kịch yêu đương từ những chi tiết mơ hồ nhất. Có vẻ họ đã phần nào thuyết phục được chàng sinh viên nọ và khi, lúc chiều muộn, có tin đồn rằng cô Hilde đang lái xe trên con đường gần đó, hiên nhà cô đã chất đầy người, nam nữ đủ cả; người nọ người kia xô đẩy nhau trong háo hức muốn gặp nữ chính.

Cô Hilde đang lái một chiếc xe bốn bánh, một mình ngồi trong chiếc xe ngựa chạy thật nhanh, nắm chặt dây cương và mắt dán về phía trước. Cô đội chiếc mũ trắng bằng vải flannel, được cố định trên mái tóc nâu dày bằng một cây kim dài. Tôi có thể nhìn rõ cây kim, vì cái đầu kim mạ vàng óng ánh sáng ngời. Và tôi cũng thấy dáng vẻ của cô nữa; da dẻ cô xanh xao hơn bình thường và có vẻ gì đó căng thẳng, như thể đang cố gắng nín nước mắt. Cô vội vàng phóng vụt qua, rẽ phải và cái xe ngựa biến mất trong đám mây bụi.

“Đi gặp ông cảnh sát rồi,” ai đó nói. “Cô ấy đi gặp cảnh sát trưởng, ông ta sống ở phía đó.”

Chưa đầy năm phút sau, cô lại chạy ngang qua theo hướng ngược lại. Lần này ông cảnh sát trưởng ngồi cạnh cô. Cô cầm cây roi trên tay và những con ngựa túa mồ hôi như vừa được xông hơi.

Mấy người phụ nữ cho rằng cô muốn nhìn thấy thi thể, vì không ai được phép đi vào gian nhà của những người đào cát mà không có mặt ông cảnh sát trưởng. Vì vậy cô đã đến đón ông ấy. Cô quay trở lại rất nhanh và chắc đã dùng vũ lực để lôi ông cảnh sát trưởng ra khỏi văn phòng, tựa như đó là việc sống còn. Cô phóng xe ngựa đi như thế đó! Chúng tôi còn nghe được tiếng bánh xe lạo xạo trên đường một lúc lâu sau khi chiếc xe biến mất trong khu rừng rậm.

Trong khi vẫn lắng nghe tiếng chiếc xe đang nhỏ dần và biến mất trong rừng, tôi sức nhớ lại một việc vào đêm qua: tôi đã gặp ông đánh cá. Tôi nhớ rằng ông ta cũng trở về từ cánh đồng hoang, và cũng đã nghe tiếng bánh xe từ phía xa giống như tôi. Nhưng ông ta nói về cái gì nhỉ? Về một chiếc xe!

Hình ảnh ông đánh cá hiện ra trước mặt tôi, thân hình bé lùn gầy gò của ông ta đứng trong màn đêm trước mặt tôi như thế nào và trả lời câu hỏi “Chiếc xe đó của ai?” bằng cách lắc đầu và nói “Phải, chiếc xe đó của ai thế nhỉ?”

Buổi tối, nhiều người địa phương đã đến khách sạn. Họ muốn biết nhiều hơn về sự kiện đáng sợ đó. Trong lúc nói, họ hạ thấp giọng và cẩn trọng với ngôn từ, tựa như đang dự một tang lễ. Họ hỏi han đám người hầu và bà chủ, một vài người cũng tiếp cận khách du lịch và bắt chuyện bằng cách vòng vo tam quốc về mùa màng và thời tiết. Tất cả đều đã đến ngôi nhà của những người đào cát và ở lại hiện trường án mạng.

Ông chủ cửa hiệu bán nông cụ kể rằng cô Hilde hẳn đã phải ở trong căn nhà đó và nhìn thấy người chết, nhưng rồi vội vàng đi khỏi. Cô không khóc, nhưng mặt trắng bệch thật đáng sợ, nét mặt cứng đờ chẳng khác gì xác chết. Điều kỳ lạ là không ai trong số những người này đưa ra nhận định gì về nguyên nhân gây án hay về kẻ giết người. Tuy nhiên, qua những lời bàn tán linh tinh và từ nét mặt của họ, người ta có thể thấy rằng họ đều có những suy nghĩ riêng. Họ nói về cánh đồng hoang. Có gì đó kì lạ về cánh đồng hoang này; nhiều điều đã xảy ra ở đó. Còn trang trại cũ cũng chứa đựng vô số bí mật, những bí mật mà người ta có biết đến nhưng không dám bàn tán.

Đêm tối kéo đến, đẹp đẽ và yên lặng. Chúng tôi ngồi trên hàng hiên và tiếp tục bàn tán qua lại về đề tài nóng hổi trước mặt, những người phụ nữ càng cảm thấy sợ khi ánh chiều tà còn nấn ná mãi chưa tắt. Chúng tôi vẫn canh cánh trong lòng cảm giác hồ nghi, bất khả thi, vì những điều tương phản quá rõ ràng: Ở ngoài kia, trên cánh đồng hoang là sự kinh hoàng đen tối, trong khi chúng tôi, vài người khách du lịch, đang ngồi cùng nhau ở đây, trong một buổi tối ấm áp, an lành. Chúng tôi lắng nghe tiếng chèo thuyền từ biển và tiếng giậm chân từ con đường. Tiếng chim ríu rít xung quanh, làn khói xì gà bay thẳng lên cao, mang một sắc xanh huyền ảo. Khi đàn muỗi gây khó chịu quá mức, chúng tôi lui vào phòng khách. Các bà các cô đã buồn ngủ nhưng không muốn đi nghỉ; rõ ràng họ sợ phải ở một mình.

Bỗng tôi nghe thấy ai đó gọi tên tôi. Tiếng gọi từ ở ngoài hàng hiên, một giọng nói mà tôi thấy vô cùng lạ lẫm.

“Có người gọi ông kìa,” anh sinh viên y khoa nói.

“Vâng, tôi cũng nghe thấy.”

Tôi nhanh chóng đứng dậy, bước đến mở hai cánh cửa ra ngoài hàng hiên. Nhưng không có một bóng người nào cả, chỉ có những cái ghế đan và một cái bàn; trên bàn có hai chai nước khoáng và một vài cái ly rỗng. Tôi thấy chững hững trong khoảnh khắc, nhưng rồi lại nghe thấy tiếng người ta gọi tên tôi và lúc này tôi mới để ý thấy một cái mũ rơm màu vàng dưới hàng hiên. Tôi bước tới vài bước, cái mũ rơm biến mất, và một mái đầu hoa râu xuất hiện qua hàng song. Đó là ông đánh cá tối qua, đang đứng đó và chào tôi.

Tôi tựa người qua lan can và nói với ông ta, cảm giác nhẹ nhõm dạt dào khó tả:

“À, thì ra là ông. Được gặp lại ông thật hay quá. Chúng ta đã nói chuyện với nhau tối hôm qua, phải không?”

“Tôi phải đi làm cả ngày,” người đàn ông trả lời, “nếu không thì tôi đã đến đây từ lâu rồi.”

“Ông tìm tôi có việc gì?”

Người đàn ông nheo đôi mắt trắng đục nhìn tôi.

“Một điều kỳ lạ vừa xảy ra, phải không?”

“Ông muốn nói đến vụ án mạng ấy à?”

“Vâng, tôi nghe nói anh kiểm lâm bị đánh chết vào tối qua.”

“Đúng rồi.”

“Vào lúc 11 giờ à?”

“Không thể nói chính xác được, người ta nhìn thấy anh ta lần cuối cùng vào lúc 10 giờ rưỡi; chính tôi đã nhìn thấy anh ta.”

“Vâng, thật kỳ lạ, thật kỳ lạ...,” người đàn ông lầm bầm. “Ông cũng

nghe thấy nó có phải không?” Ông ta hỏi.

“Cái gì cơ?”

“Chiếc xe sắt. Ông với tôi cùng đứng và nghe thấy mà. Chiếc xe sắt lăn đi từ nơi xa.”

Một cảm giác kỳ lạ dâng lên trong ngực tôi.

“Ông từ cánh đồng hoang về đây à?”

“Vâng,” ông ta trả lời, “tôi đi qua ngôi nhà của những người đào cát lúc 11 giờ.”

“Ông có nghe thấy gì không?”

“Tôi không nghe thấy gì khác ngoài chiếc xe sắt.”

“Không có tiếng hét?”

“Không.”

“Ông chờ chút,” tôi nói, “tôi sẽ quay lại ngay.”

Tôi vội cầm lấy chiếc mũ và cây gậy có đầu nắm bằng ngà voi của mình.

Rồi tôi bước ra đường, vẫy tay gọi người đàn ông nọ.

“Đi theo tôi,” tôi nói, “và hãy kể cho tôi nghe những gì ông biết về chiếc xe sắt. Đó có phải là một truyền thuyết cổ hay không?”

“Truyền thuyết cổ ư?” Người đàn ông lăm bằm không hiểu. Ông ta lại lắc đầu. “Chúng ta hãy ngồi xuống ở đâu đó đi,” ông ta thêm vào, “vừa đi vừa kể chuyện không thoải mái chút nào. Vả lại ông đi nhanh như thế, còn tôi thì mệt mỏi lắm rồi, vì tôi đã làm việc cả ngày.”

Ông liền chỉ vào một hòn đá nằm trên đồng cỏ gần nhất như một cái đầu lâu giữa bãi cỏ um tùm. Chúng tôi băng qua bãi cỏ ướt sương đêm.

“Sắp muộn rồi,” tôi nói trong khi chúng tôi ngồi xuống. Tôi biết tính chậm chạp của những người ở nông thôn và muốn người đàn ông này khẩn trương một chút.

“Vâng,” ông ta nói, “tối qua vào giờ này là đã xảy ra chuyện rồi.”

“Ông nghe thấy tiếng chiếc xe sắt lần đầu tiên ở đâu?”

“Khi tôi bước vào rừng. Tôi biết rõ tiếng động ấy, không thể nào nhầm lẫn được. Tôi cũng có thể nói với ông rằng trước đây tôi đã nghe được tiếng chiếc xe sắt.”

“Khi nào?”

“Cách đây bốn năm, trong cái đêm ông già Gjaemaes qua đời.”

“Ông ấy cũng bị đánh chết?”

“Không, ông ấy chết đuối. Người ta tìm thấy chiếc mũ và cây gậy của ông ấy ở dưới kia, trên bãi cát lớn; vài ngày sau chúng tôi tìm thấy chiếc thuyền của ông ấy; nó bị lật và va phải bãi đá.”

“Thế còn cái xác?”

“Người ta không tìm thấy.”

“Ông ấy bao nhiêu tuổi?”

“Trên năm mươi rồi. Không ai hiểu nổi tại sao ông già đó lại nghĩ đến việc chèo một chiếc thuyền nhỏ ra ngoài biển.”

“Kỳ lạ thật đấy.”

“Vâng, hết sức kỳ lạ. Người dân vùng này thỉnh thoảng vẫn nói về việc đó, nhưng chỉ nói với nhau thôi. Chúng tôi có nghi ngờ riêng.”

“Tự tử ư?”

Nhưng người đàn ông không trả lời câu hỏi của tôi.

“Ai cũng phải chịu trách nhiệm cho hành động của mình,” ông ta nói.

“Tức là trong đêm đó ông cũng nghe được tiếng chiếc xe sắt?”

“Vâng, tôi nghe thấy rõ như đêm qua. Người ta nói rằng Gjaernaes là một trang trại cổ, nó có một bí mật khác thường.”

Người đàn ông thuật lại cho tôi nghe câu chuyện dài về những điềm báo hiểm ác đã xuất hiện ở trang trại cổ này. Theo truyền thuyết, người chủ cũ của trang trại, cách đây khoảng một trăm năm, đã chết trong một chiếc xe sắt. Ông ta là một người kỳ lạ, lập dị, đã đi đây đó khắp thế giới và tốt bụng nước tiếng gần xa. Ông ta phung phí gia tài thừa hưởng từ người cha vào việc theo đuổi những phát minh kỳ lạ. Ông ta đặc biệt ám ảnh với ngựa và những cỗ xe kì lạ. Cuối cùng, ông ta cho chế tạo một chiếc xe hoàn toàn bằng sắt. Với hai bánh và một lớp mái bảo vệ to ở phía trước, trông nó khá giống một chiếc xe đánh trận của người Do Thái trước đây, mà người ta có thể nhìn thấy trong những cuốn Kinh Thánh có hình minh họa. Ông ta đã chết trên chiếc xe này khi đánh nó chạy trên cánh đồng hoang. Sau này, khi có chuyện không hay xảy ra trong nhà Gjaernaes hay có ai đó sắp qua đời thì sau đó người ta luôn nghe thấy tiếng loảng xoảng của chiếc xe sắt trên cánh đồng hoang. Ấy vậy, chưa ai thấy chiếc xe đó hay dấu vết nó bỏ lại. Có vài người khẳng khẳng nói rằng ngày nay, chiếc xe sắt ấy vẫn được giấu đâu đó ở trang trại, trong một gian phòng được khóa kín ở nhà kho. Lần cuối cùng người ta nghe được tiếng chiếc xe sắt ấy là bốn năm trước, trong đêm mà ông già Gjaernaes biến mất. Lúc đó có nhiều lời đồn đại về ông ấy. Người ta nói rằng tình hình tài chính của ông ấy không được tốt cho lắm,

nhằm mắt cũng thấy trang trại làm ăn lụn bại như thế nào. Nhưng rồi người con trai mạnh mẽ và nhiều nghị lực của ông ấy đã giữ lại trang trại và trả được một ít nợ cho cha... Ông đánh cá kể lại cho tôi nghe tất cả những điều đó một cách ngăn ngừa và cẩn trọng, giống như ông ta lúc nào cũng sợ tôi không tin những gì ông nói.

“Lần này thì chúng ta hẳn là những người duy nhất nghe được tiếng chiếc xe sắt vào đêm hôm qua,” cuối cùng ông ta nói, “và tôi rất muốn hỏi ông rằng liệu tôi có được phép kể cho những người khác biết tôi đã nghe được gì không?”

“Tại sao không?”

Ông đánh cá ngồi im lặng một lúc lâu.

Cuối cùng, ông ta lầm bầm:

“Người ta không tin tôi. Có lần tôi đến gặp mục sư và kể cho ông ấy nghe nhiều trải nghiệm kỳ lạ mà tôi đã tận mắt nhìn thấy trên đất liền cũng như trên mặt nước. Tôi cũng đến gặp một thầy giáo, nhưng họ chỉ cười tôi và nói rằng tôi có trí tưởng tượng thật sống động. Nhưng lần này, tôi tự nhủ rằng có thể mình sẽ được xem xét công bằng, với một người thành phố hiểu xa trông rộng bên cạnh. Vâng, đúng vậy, vì chính ông cũng nghe được tiếng chiếc xe sắt, đúng không?”

Một lần nữa, tôi phải thán phục sự nhiệt tình của ông đánh cá và cam đoan với ông ta rằng tôi sẽ đứng ra chứng thực, nếu cần.

“Đúng là tôi đã nghe được tiếng một chiếc xe đang lăn đi trên cánh đồng hoang vào đêm đó; tuy vậy tôi không thể khẳng định được rằng đó chính là chiếc xe ma quái ấy.”

“Làm gì còn chiếc xe nào nữa,” ông đánh cá nói, “ông chỉ cần kiểm tra các con đường, đêm đó trời mưa mà. Một chiếc xe lăn đi nặng nề như chiếc xe mà chúng ta đã nghe thấy phải để lại dấu vết. Nhưng ông cứ khám xét tất cả - ông sẽ không phát hiện ra dấu bánh xe nào trên các con đường. Cả vùng này chỉ có gia đình Gjaernaes và ông linh mục là có ngựa.”

Vì tôi không muốn tiếp tục sa đà vào chuyện này nên tôi bảo ông ta hãy kể câu chuyện đợm mùi kỳ dị này vào ngày mai, khi một người nào đó sẽ đến đây.

“Ông tên gì?” Tôi hỏi ông ta.

“Jan Jansen.” Ông ta đáp.

“Được rồi, Jan Jansen! Sáng sớm mai sẽ có một viên thám tử đi tàu chở thư từ Christiania đến đây; ông có thể nói với ông ta. Chắc chắn ông ta sẽ thích thú lắng nghe đấy.”

Tôi chiêm một điệu xì gà để xua muối. Ông đánh cá ngồi im lặng thật lâu bên cạnh tôi và chán nản nhìn chăm chăm phía trước.

“Có gió thổi đâu đây,” ông ta lầm bầm.

“Gió ư?” Tôi giật mình. “Ồ đây hoàn toàn yên lặng. Ông không thấy khói xì gà luẩn quẩn xung quanh chúng ta thành những làn khói màu xanh đó sao?”

Ông đánh cá chỉ về phía cánh rừng hướng ra biển và nói:

“Gió nam. Nếu có tiếng động như thế từ biển vào, tận từ ngoài xa trên các đảo đá, thì sẽ có gió thổi về.”

Tôi lắng nghe, quả thật cảm giác như có tiếng rì rầm nhỏ vô tận vang đến tai mình; thứ âm thanh mà người ta phải lắng tai mới nhận ra, sau đó

trở thành âm thanh duy nhất họ nghe thấy. Nhưng màn đêm không chút gió thoảng, ánh sáng chỉ là một màu u ám, cảnh vật đã lụi tàn màu sắc và cây cối nhô cao lên bầu trời như những bộ xương cháy thành than.

Bất thành linh, ông đánh cá quay đầu, đứng bật dậy. Ông ta lắng nghe, khuôn mặt căng thẳng, miệng há hốc.

“Ông nghe được gì?”

“Tôi nghĩ là tôi nghe được...,” ông lắng nghe thật lâu, nhưng rồi lại ngồi xuống tảng đá và lẩm bẩm, “Không, không nghe được gì.”

Ông đánh cá nói đúng, trời bắt đầu có bão trong đêm ấy. Khi tôi bước vào phòng lúc 1 rưỡi đêm, cánh cửa sổ đập chan chát và cơn cuồng phong đã giật tung nó ra khỏi tay tôi rồi phản lại đánh rầm. Tôi không buồn đốt cây đèn lên mà đứng một lúc lâu cạnh cửa sổ, nhìn chăm chăm qua cánh đồng hoang hướng về phía trang trại Gjaemaes. Hôm nay, từ hướng đó không có chút ánh sáng lấp lánh nào.

Ngọn gió ngoài biển mang theo làn hơi ẩm ướt đầy muối vào đất liền, thổi vào mặt tôi. Nó nắm chặt cây cối, lay những ngọn cây to và lấp đầy cánh rừng bằng những tiếng ồn ào hoang dại, đến mức tôi có cảm giác như cả cánh rừng đang lao tới chỗ tôi. Cuối cùng, hơi thở mạnh mẽ của nó quét qua các cánh đồng lúa mì vàng ươm, dập dùi sóng bạt ngàn. Tôi giữ chặt chiếc áo khoác đang tung phần phật quanh mình và cảm thấy lạnh buốt hai bên sườn. Cơn nóng nực hầm hập khiến chúng tôi khó chịu cả ngày hôm nay đã bị cơn bão xé tung và thổi bay.

Tôi nắm chặt cửa sổ để đóng lại, nhưng bất thành linh lại dừng lại vì chợt nghe thấy tiếng động từ nơi xa, lại là tiếng kim loại rồn rảng trên đường

được những ngọn gió mang theo, lúc mạnh lúc yếu. Tiếng động ấy phát ra từ cánh đồng hoang.

Đó lại là chiếc xe sắt!



TRANG TRẠI CỔ

Ngày hôm sau, khi đã gần trưa, tôi giật mình tỉnh dậy và cảm thấy rằng khi ấy tôi không ở một mình trong phòng. Tôi ngồi dậy trên giường và đảo mắt nhìn quanh. Một cái hộp đen, không phải của tôi và tôi cũng chưa từng nhìn thấy nó trước đây, nằm trên bàn. Nó là một cái máy ảnh. Trên cái ghế ở cạnh bàn có một người đàn ông trung niên đang ngồi.

Tôi lại nằm xuống, vẫn ngái ngủ đến mức chưa hiểu gì, vì vẫn còn ngái ngủ.

Một giọng điềm tĩnh và dễ chịu cất lên:

“Anh cứ nằm xuống... Anh cứ nằm xuống, đừng ngại.”

Đó chắc hẳn là ông ta, vị thám tử. Tôi nghĩ.

Tôi hỏi:

“Ông vào phòng tôi bằng cách nào vậy?”

“Hết sức dễ dàng,” giọng nói dễ chịu đó trả lời, “qua cửa ra vào.”

“Vậy thì hẳn là ông bước êm lẫm. Tôi thường ngủ không sâu giấc.”

“Vâng,” người đàn ông trả lời, “tôi biết ông đang ngủ, vì vậy đã rón rén

bước vào hết sức cẩn thận, không gây ra tiếng động.”

Tôi ngồi dậy trên giường, chừng hững nhìn người đàn ông và hỏi:

“Tại sao ông không muốn gây ra tiếng động?”

“Để không quấy rầy ông.”

Người đàn ông xa lạ mỉm cười một cách rộng lượng, đồng thời cũng chứa nét mỉa mai.

Từ trên giường tôi có thể quan sát ông ta rất dễ dàng và chính xác. Tôi đoán tuổi ông ta chừng từ ba mươi lăm cho đến bốn mươi. Ông ta có chiều cao trung bình và đôi vai rộng. Đầu hơi nhỏ so với cái cổ to bè, tóc đang hói dần, một bộ ria mép đã lốm đốm bạc và đeo kính mắt không gọng có vành màu đen. Đôi mắt đảo liên tục lóe lên tia kỳ dị. Khi ông ta nheo hai mắt lại, chúng như hai đường màu đen ở phía sau mắt kính; làm ông như đang tỏ vẻ mỉa mai và nghi hoặc; nhưng khi ông ta nhìn tôi thì chúng lại mở to tới mức bất thường và sắc bén. Con người này cho tôi ấn tượng không dễ quên cho lắm.

“Ông là ai?” Tôi hỏi.

“Điều này thì ông đã đoán ra rồi,” ông ta trả lời. “Tên tôi là Asbjörn Krag.”

“Cảnh sát?”

“Thám tử,” ông ta sửa lại. “Cách gọi *nhân viên cảnh sát* chỉ dùng cho những người làm việc cho nhà nước. Từ lâu rồi tôi không còn làm việc nhận tiền lương cố định nữa. Tôi tự làm chủ bản thân, vì vậy mà tự gọi mình là thám tử tư. Mà này, ông ngu đúng là không sâu thật đấy.”

“Tại sao?”

“Tôi chỉ cần nhìn ông một chút là đủ để ông mở mắt ra.”

“Ông có thể đánh thức người đang ngủ chỉ bằng cách nhìn chòng chọc vào họ thôi à?”

“Có lẽ vậy! Dễ quá thể luôn. Nếu tôi biết trước rằng ông ngủ không say giấc thì tôi đã không nhìn ông lâu đến như thế.”

“Tại sao không?”

“Tôi luôn muốn quan sát những người đang ngủ và lắng nghe họ. Có một số người nói ra trong giấc ngủ những gì họ biết.”

“Ông muốn gì ở tôi?”

“Tôi muốn nói chuyện với ông về vụ án mạng. Người ta thuật lại với tôi rằng ông là người cuối cùng nhìn thấy nạn nhân lúc còn sống.”

“Đúng thế, tôi đã nhìn thấy anh ta lúc 10 giờ rưỡi đêm.”

“Rồi anh ta bị giết chết vào đúng 11 giờ.”

Gương mặt của tôi có lẽ đã biểu lộ một ít ngạc nhiên trước sự thẳng thừng đó, vì ông ta tiếp tục nói ngay:

“Suy ra điều này không khó lắm đâu. Đi từ trang trại ấy đến nơi xảy ra án mạng hết nửa giờ đồng hồ thôi.”

“Nhưng người ta không biết anh ta có đi đâu nữa hay không,” tôi phản đối.

“Ông quên là trời đã mưa,” vị thám tử trả lời. “Dấu vết cho thấy con người bất hạnh đó đã ngã xuống trước khi trời bắt đầu mưa.”

Tôi không có gì để đáp trả lại.

Asbjörn Krag đứng dậy.

“Bây giờ tôi sẽ đi dạo bên ngoài một chút, cho tới khi ông thay xong y phục,” ông ta nói. “Tôi hiếm khi có cơ hội về đồng quê; cho nên nếu có thể tranh thủ trong vài giờ ít ỏi mà tôi có được thì thật là hay. Không khí thật trong lành!”

“Ông muốn rời khỏi đây nhanh như thế à?”

“Có thể, nhưng tôi không đi khỏi đây một mình.”

“Ai sẽ đi cùng ông?”

Vị thám tử nheo mắt lại và mỉm cười:

“Kẻ giết người chứ còn ai nữa.”

Người ta bắt đầu to tiếng trong phòng bên cạnh. Krag lắng nghe.

“Người ta đang nói về người đã chết,” ông ta nói. “Tất cả mọi người đều nói về anh ta.”

Ông ta gật đầu chào tôi rồi đi ra ngoài, cầm theo máy ảnh.

Tôi nằm thêm một lúc và đuổi người trên giường, trần trối với những suy nghĩ của riêng mình. Dù không hề muốn nhưng cuối cùng tôi cũng ra khỏi giường, mặc quần áo mỏng mùa hè vào. Khi tôi mở cửa sổ ra, hơi ấm từ bên ngoài tràn vào thật dễ chịu. Bên ngoài yên lặng và có sương mù. Bầu trời dường như nằm sát mặt đất, như thể nó muốn ép bầu không khí lại, trở nên nóng nực và ngột ngạt hơn. Không một chiếc lá nào rụng đưa, cơn bão đêm qua cũng đã tan từ lâu.

Tôi đứng đó một lúc, lắng nghe tiếng nói từ phòng bên cạnh. - *Tường mỏng thật*, tôi nghĩ thầm, châm một điếu thuốc lá rồi bước ra ngoài. Khi

bước vào phòng khách lớn, tôi đến gặp bà chủ và yêu cầu cho tôi một phòng khác vì trên đó quá ồn ào, tiếng người nói xung quanh gây phiền cho tôi. Bà chủ khách sạn hứa sẽ giải quyết vấn đề. Bây giờ tôi mới nhìn quanh để tìm viên thám tử. Tôi nhanh chóng nhìn thấy ông ta trong bóng râm dưới tán cây to.

“Ông cứ đứng yên,” ông ta lớn tiếng gọi tôi. “Tôi chụp một tấm ảnh, nhìn nghiêng ông thật đẹp.”

Máy ảnh kêu *tách* một tiếng. Ông ta mỉm cười, bước đến bên tôi và xin lỗi.

“Chụp ảnh dạo”, ông ta nói, “là đam mê mới nhất của tôi. Vì tôi luôn cố sống cố chết với những sở thích, nhất là với tư cách một nhiếp ảnh gia nghiệp dư, thành thử cũng gây phiền phức cho những người xung quanh. Ông đứng nổi bật trước vách đá đen quá nên... Tôi hy vọng ông sẽ thứ lỗi cho tôi. À mà này, ông ăn sáng chưa?”

Câu hỏi này đến thật bất ngờ.

“Chưa,” tôi trả lời. “Vì ông háo hức muốn nói chuyện với tôi nên tôi không muốn để ông chờ lâu hơn nữa.”

“Biết mà, biết mà,” ông ta lăm bằm trong khi thong thả luồn cánh tay mình vào dưới cánh tay tôi. “Cứ đi theo tôi, ông sẽ ngạc nhiên khi thấy tôi sắp xếp hay ho tới nhường nào.”

Sau đó, ông ta kéo tôi vào một gian phòng nhỏ khá biệt lập trong khách sạn, nơi có một cái bàn đã được dọn sẵn bữa sáng cho hai người. Trên bàn có củ cải và trứng, bánh mì trắng mềm, tôm càng, cá ướp lạnh và nhiều món ngon khác, đặc biệt dễ chịu trong cái nóng nực của mùa hè; thêm vào đó là

những chiếc khăn ăn trắng tinh thoảng mùi thơm. Tinh thần của tôi phần chần hấn lên; tôi nói lời cảm ơn vị thám tử vì sự chu đáo của ông ta.

“Người ta dễ nói chuyện hơn khi ở cạnh một cái bàn ăn như vậy”, ông ta nói. “Tôi đói lắm rồi, vì hôm nay tôi đã đi khá nhiều.”

“Vậy thì chắc ông đến đây sớm lắm?”

“Lúc 5 giờ rưỡi, trên một chiếc thuyền máy. Tôi đã tới thăm ông mục sư rồi.”

“Ông muốn gì ở ông ấy kia chứ?”

“Chỉ muốn hỏi vài câu chung chung thôi. Vì ông ấy không có điện thoại nên tôi phải đích thân đến tìm. Tôi chỉ muốn biết con ngựa của ông ấy đêm qua có đi đâu không.”

Tôi nhìn vị thám tử.

“Thế tức là ông đã nói chuyện với ông đánh cá Jan Jansen rồi à?”

“Đúng rồi. Ông có tin vào chiếc xe sắt không?”

Sau một thoáng suy nghĩ, tôi trả lời:

“Ông đưa ra toàn những câu hỏi kỳ lạ, khiến tôi thật bất ngờ. Làm sao ông có thể cho rằng tôi, một người thực tế như này, lại có thể tin vào câu chuyện đặc mùi tưởng tượng xưa cũ ấy được.”

“Nhưng ông cũng nghe được tiếng loảng xoảng của chiếc xe kia mà?”

“Đúng thế!”

“Từ phía xa?”

“Vâng! Rất, rất xa. Nhưng tôi vẫn dám thề rằng tôi nghe được tiếng chiếc xe chạy trên cánh đồng hoang.”

“Ông có thể mô tả lại tiếng động đó được không? Nó có giống tiếng loảng xoảng của một sợi xích không?”

“Khá là giống đấy. Tiếng sắt rồn rảng như thế hiển nhiên là nghe thấy rồi.”

“Thật là thú vị,” vị thám tử lầm bầm. “Ông có muốn thuật lại cho tôi nghe tất cả những gì ông đã trải qua hay không, bắt đầu từ lúc ông nhìn thấy viên kiếm lâm đáng thương đó trong khu vườn của trang trại cho tới khi ông đi ngủ, càng chi tiết càng tốt?”

Tôi thuật lại cho ông ta nghe tất cả những gì tôi biết. Khi kể đến đoạn tìm thấy xác chết, tôi cũng không quên mô tả sự sợ hãi của những người phụ nữ lẫn bộ dạng làm ra vẻ quan trọng của anh sinh viên y khoa. “Ông thử nghĩ xem,” tôi nói, “anh ta đánh hơi quanh dấu vết, vâng, lại còn đo khoảng cách đến cái cây gần nhất nữa.”

Nhưng các chi tiết ấy dường như không gây được sự chú ý ở người thám tử.

“Thật thế ư,” ông ta lơ đãng nói, “thế, cứ tiếp tục đi.”

Khi tôi nói đến cái mũ, ông ta hỏi:

“Chiếc mũ nằm cách người chết một khoảng à?”

“Vâng.”

“Chừng bao xa?”

“Tôi không thể nói chính xác, nhưng tôi nghĩ chừng hai, ba mét.”

Khi tôi dứt lời, Asbjörn Krag ngồi trầm tư suy nghĩ một lúc lâu.

“Một câu chuyện lạ lùng,” ông ta thì thầm.

“Vâng, bây giờ thì tôi đã kể đến đoạn tối hôm qua,” tôi tiếp tục. “Nhưng tôi còn phải nhắc đến một việc.”

Vị thám tử nhú mắt lại, và rồi cái nét mỉa mai, nghi ngờ lại xuất hiện trên mặt ông ta.

“Đêm qua ông đi ngủ lúc mấy giờ?”

“Lúc một rưỡi,” tôi trả lời.

“Thế thì tôi biết chính xác là ông còn muốn kể thêm điều gì nữa. Tôi tin chắc ông cũng nghe thấy tiếng chiếc xe sắt vào đêm qua.”

Tôi không biết phải trả lời như thế nào, vì ông ta nói rất đúng.

Đúng lúc này, một chiếc xe dừng lại bên đường. Vị thám tử nhìn ra cửa sổ.

“Ông cảnh sát trưởng đến đón tôi. Ông được phép đi cùng.”

“Đi đâu?”

“Đến trang trại. Tôi còn chưa đến đó. Ông không thích đi cùng à?”

Tôi suy nghĩ.

“Ông chắc cũng hiểu rằng,” tôi nói, “tôi khá căng thẳng vì những sự việc ngày hôm qua. Tôi không muốn phát sinh thêm vấn đề gì nữa.”

“Căng thẳng nào nữa vậy?” Vị thám tử mỉm cười hỏi. “Tôi muốn nói chuyện với người chủ trang trại Gjaemaes và muốn nghe về chuyến viếng thăm cuối cùng của con người bất hạnh đó. Ông sẽ giúp ích cho tôi rất nhiều, nếu như ông đi cùng.”

“Nhưng tôi không quan tâm nhiều đến sự việc này cho lắm. Ông mang anh chàng sinh viên y khoa đi theo thì hơn.”

Vị thám tử cương quyết nắm lấy cánh tay tôi.

“Ông cứ đi cùng,” ông ta nói, “ông sẽ không bỏ lỡ việc gì đâu.”

Cảnh sát trưởng cư xử hết sức lịch sự đối với vị thám tử. Ông ta thậm chí còn chải sạch chỗ ngồi trên xe, mặc dù nó không hề bẩn. Khi chúng tôi khởi hành, một số vị khách của khách sạn đứng trên hàng hiên, hiếu kỳ quan sát chúng tôi; sinh viên y khoa đi xuống trong bộ đồ thể thao trắng tinh; anh ta rất muốn được đi cùng nhưng ông cảnh sát đã cho xe chạy ngang qua. Anh ta thất vọng đứng lại, lấy tay che mắt nhìn theo. Tôi vẫy tay chào mĩa mai, thật không có thiện cảm với anh chàng ấy, mặc dù trông anh ta khá bảnh bao. Bộ râu của anh ta được chăm sóc kỹ lưỡng và ẩn giấu bên dưới là nụ cười nhạo báng.

Khi chúng tôi đến căn nhà của những người đào cát, ông cảnh sát trưởng đứng lại theo yêu cầu của Asbjörn Krag. Krag kiểm tra lại chiếc máy ảnh và nhờ ông cảnh sát trưởng mở cửa ngôi nhà nhỏ đó.

“Ông muốn gì ở trong đó?” Tôi hỏi. “Ông đã nhìn thấy người chết rồi mà?”

“Đúng thế,” vị thám tử trả lời, “nhưng lúc đó tôi không có đủ ánh sáng.”

“Không đủ ánh sáng?”

“Vâng, để chụp ảnh người chết. Ông không hiểu à?”

“Nhưng như vậy thì ông đã vi phạm thỏa thuận rồi,” tôi phản đối. “Ông hứa với tôi là không căng thẳng gì cơ mà.”

Trong lúc đó, ông cảnh sát trưởng loay hoay kéo thanh chốt cửa ra. Asbjörn Krag và tôi đứng bên cạnh chiếc xe. Đôi mắt híp cùng biểu cảm hoài nghi trên khuôn mặt cho thấy ông ta đang khó chịu.

“Ông sợ không dám nhìn anh ta à?” Ông ta hỏi. “Nếu thế thì ông có thể ở lại ngoài này. Tôi không ép ông phải đi vào trong đó.”

Không trả lời, tôi bước nhanh về phía ngôi nhà. Asbjörn Krag đi theo sau, vẫn còn bận bịu chỉnh sửa cái máy ảnh của ông ta.

Ngôi nhà nhỏ của những người đào cát giống như những căn nhà bé tí được xây ở các vùng đất không người trong lúc làm đường sắt. Căn nhà này trước kia được dùng để chứa cuốc, xẻng và những đồ dùng khác phục vụ việc đào cát. Vẫn còn một dãy những dụng cụ được để dựa vào các bức tường, trên đó phủ một lớp đất sét đã khô cứng.

Chỉ có một gian phòng trong căn nhà này.

Vị thám tử mở cửa sổ, để không khí trong lành có thể ulla vào. Ngay giữa phòng có một cái bàn rộng, thô sơ. Nạn nhân được đặt trên đó.

Tôi bước lại gần, nhìn vào mặt ông ta. Bây giờ thì tôi cũng nhớ lại những gì anh chàng sinh viên y khoa đã nói ngày hôm qua, và phải thm công nhận rằng anh ta nói đúng. Người chết đúng là trông như đang mỉm cười, và trong nụ cười ấy có một nét nhạo báng nhất định, một nét gì đó tựa như đắc thắng.

Tôi bất chợt giật mình vì nghe thấy một tiếng *tách* phát ra từ chiếc máy ảnh của vị thám tử. Khi quay lại, tôi thấy ông ta đang chăm chú nhìn tôi.

“Tôi nghĩ, ông muốn chụp hình người chết,” tôi nói.

“Đúng thế,” vị thám tử trả lời, “nhưng tôi phải đồng thời chụp gương mặt của ông. Ông bộc lộ một nét ngạc nhiên và kinh sợ không thể nhầm lẫn được. Nó giống như một thói quen khó bỏ của tôi, đó là ghi lại những cảm xúc biểu lộ ra ngoài.”

Vị thám tử xoay chiếc bàn đặt thi thể nạn nhân, để ánh sáng ban ngày chiếu được vào khuôn mặt. Viên kiểm lâm bây giờ trông như vẫn còn sống; má vẫn còn nét hồng hào. Tôi đứng trước anh ta và kinh ngạc nhìn xuống gương mặt nằm nghiêng với vầng trán cao. Tóc anh ta dày và có màu nâu, được chải sang bên phải. Bộ râu của anh ta ánh lên màu đỏ nhẹ.

“Chúng ta có nên chỉnh lại cà-vạt cho anh ta không,” tôi hỏi vị thám tử. Chiếc cà-vạt đã bị đẩy ra sau trong lúc ngã xuống nên cái nút cà-vạt nằm trên một tai, và cái chiếc áo được hồ cứng bị gãy ở hai nơi.

“Không,” vị thám tử trả lời, “ông cứ để yên như cũ.”

Tôi có cảm giác rằng vị thám tử này không muốn ngừng việc chụp hình người chết. Không khí trong phòng càng lúc càng ngột ngạt hơn, tôi cảm thấy khó chịu nhưng không muốn để ông ta nhận ra sự yếu đuối của mình. Cuối cùng thì ông ta cũng xong, nhưng khi ông ta gập chiếc máy lại thì tôi suýt chút nữa cũng bất tỉnh. Asbjörn Krag mở cửa để gió thổi vào gian phòng. Điều này khiến cho tôi cảm thấy dễ chịu. Tôi có thể nhận thấy gương mặt viên cảnh sát trưởng cũng hơi tái xanh một chút, vì ông ta chưa bao giờ liên quan đến những việc như thế này. Ngược lại, Asbjörn Krag vẫn cứ bình thản và điềm tĩnh như trước đó. Ông ta vừa huýt sáo vừa đưa một tấm phim khác vào trong chiếc máy ảnh. Người chết trên cái bàn trước mặt ông ta dường như chỉ là một mô hình chụp ảnh hay ho.

“Bây giờ chúng ta đi tiếp được chưa?” Tôi hỏi.

“Chưa,” ông ta trả lời. “Tôi còn muốn xem xét chiếc mũ nữa.”

Ông ta cầm chiếc mũ của người chết, đặt nó lên những đầu ngón tay và trầm ngâm xem xét, tựa hồ như đang đứng ở nơi gửi áo mũ dành cho đàn

ông và tìm một cái mũ.

“Ông có nhớ,” ông ta quay sang hỏi tôi, “anh ta đội mũ như thế nào không, khi ông nhìn thấy anh ta lần cuối cùng?”

“Thì như người ta luôn đội một chiếc mũ đi săn màu xanh thối, không có gì khác thường,” tôi trả lời.

Rõ ràng vị thám tử không quan tâm rằng tôi đang bực mình vì ông ta đã phí nhiều thời gian đến thế trong gian phòng này, bên cạnh một người đã chết.

“Để xem nào,” ông ta lăm bằm trong lúc chụp chiếc mũ đi săn màu xanh ấy lên đầu tôi.

“Tức là như thế này,” ông ta tiếp lời, và chỉnh chiếc mũ một chút. “Nó phải như thế này... Rất thú vị. Ông cảm thấy không ổn à?” Ông ta hỏi.

“Tôi không có thần kinh thép,” tôi nói. “Ông nhìn ông cảnh sát trưởng mà xem, dường như ông ấy cũng cảm thấy không được khỏe.”

“Ô, ngược lại,” người này nhanh nhẩu trả lời. “Tôi chỉ cảm thấy không khí trong này... hơi oi bức và ngột ngạt.”

“Vâng, nhưng giờ thì chúng ta cũng xong việc rồi. Xin lỗi vì tính chậm chạp của tôi.”

Vị thám tử đặt tay lên vai tôi; nheo mắt nhìn cho đến khi mắt ông ta trở thành hai cái vạch đen ở phía sau cặp kính không gọng.

“Ông nói đúng đấy, thần kinh của ông không phải bằng thép.”

Ông ta đặt chiếc mũ đi săn màu xanh lên ngực người chết; rồi chúng tôi rời ngôi nhà của những người đào cát. Ông cảnh sát trưởng đẩy chiếc then cài cửa lại.

Tôi có cảm giác như được giải thoát khi có thể bước ra ngoài trên cánh đồng hoang và hít thở không khí trong lành dưới bầu trời xanh cao. Trong lúc chúng tôi vắng mặt, con ngựa đã đi xa khỏi con đường để ăn cỏ và kéo chiếc xe xuống một con mương: ba chúng tôi phải hợp sức để cố kéo chiếc xe về lại đường như cũ. Rồi chúng tôi tiếp tục đi đến trang trại Gjaemeas, lúc này đã 2 giờ chiều. Vị thám tử dường như cũng thích phong cảnh vùng này, ông ta chỉ tay về phía khu rừng và ao nước, như thể đang vẽ một bức tranh, và nói:

“Cảnh đẹp này phải họa sĩ vẽ mới xứng.”

Thật ngạc nhiên khi ông ta có thể nghĩ đến những điều như thế trong lúc này, đáng lẽ mọi ý nghĩ của ông ta chỉ nên xoay quanh cái điều bí ẩn đáng sợ và kỳ lạ ấy, mà giải đáp nó chính là nhiệm vụ ông ta tự đặt ra cho mình.

Chúng tôi đến gần trang trại Gjaernaes. Trên cánh đồng, mọi người đang luôn tay luôn chân. Họ đứng thẳng người và dùng tay che trên mắt để không bị chói nắng khi xe của chúng tôi chạy ngang qua. Asbjörn Krag trầm trồ khen ngợi con đường đầy bóng cây xinh đẹp dẫn vào trang trại. Ở phía cuối lối đi, người ta nhìn thấy mặt tiền màu trắng của ngôi nhà. Khi chúng tôi chạy ngang qua khu vườn, tất cả những màu sắc sắc sỡ tươi đẹp đập vào mắt: những tán hoa màu tím nhô ra giữa các tấm ván trắng như tuyết của hàng rào; tất cả cửa ra vào và cửa sổ của ngôi nhà chính đều được mở tung ra, gió tự do thổi vào nhà và chơi đùa với các tấm màn. Thoảng trong gió có mùi thơm và mùi cỏ ba lá đang nở hoa - tóm lại, đó là một ngày hè sôi nổi dưới bầu trời rộng lớn của Chúa.

Ông cảnh sát trưởng giật cương dừng ngựa, làm những hòn đá dăm nóng

bóng kêo lạo xạo dưới chân chúng. Chúng tôi vẫn ngồi trên xe và nhìn cánh cửa ra vào, xem có ai đó bước ra hay không. Cuối cùng, một người đàn ông đầu trần xuất hiện trong chiếc áo khoác màu trắng ở khung cửa. Đó là ông quản gia; tôi gật đầu chào ông ta và nhảy xuống.

“Ông bà chủ có ở nhà không?” Tôi hỏi.

“Có chứ.”

Ông ta vẫn đứng yên tại chỗ, thọc tay vào túi quần và tò mò nhìn chúng tôi.

“Chúng tôi muốn nói chuyện với ông Gjaemaes,” tôi bước tới đề nghị.

“Thế thì ông phải vào trong nhà,” người quản gia trả lời nhưng không rời ô cửa.

Giờ thì tôi nhìn ông ta kĩ hơn. Đó vẫn là ông quản gia đã không cho tôi vào nhà đêm hôm kia. Tôi thấy ông ta vẫn còn rất xanh xao. Đôi mắt ông ta nheo lại, chứng tỏ ông ta đã có những đêm không ngủ; nét xanh xao cùng với vẻ ngoài vàng nhợt nhạt, như những con người khỏe mạnh, cứng cỏi biểu lộ khi họ có một nỗi lo âu nặng trĩu hay sự sợ hãi tột độ.

Cuối cùng con người chậm chạp ấy cũng bắt đầu cử động, ông ta dẫn chúng tôi vào một gian phòng. Vị thám tử đặt hộp máy ảnh lên trên bàn, và đứng trân trân nhìn ông quản gia. Mãi một lúc sau, cho tới khi ông quản gia ngạc nhiên về sự tò mò của vị thám tử, quay sang hỏi tôi:

“Ông ta là ai?”

“Tôi đến từ Christiania,” Krag trả lời, “và là thám tử.”

Krag lại nhìn chăm chú ông ta và nói thêm:

“Còn ông là quản gia ở đây, đúng không?”

“Đúng vậy.”

Ông quản gia xoay người lại và lăm bằm về việc thông báo cho chủ nhà biết. Ông ta rõ ràng có chút ngượng ngùng, xoay người lại một lần nữa ở cửa ra vào, nhưng khi chạm phải ánh mắt của Asbjörn thì ông ta nhanh chóng biến mất.

Một nụ cười kỳ lạ xuất hiện quanh miệng của vị thám tử. Ông ta ngồi xuống cạnh cửa sổ, quay lưng lại với ánh sáng. Đôi mắt ông ta khép lại một nửa, giống như đang quan sát chiếc mũ rơm trên đầu gối mình bằng tất cả sự chú ý. Ông ta bất động trong khi ngài cảnh sát trưởng đứng cạnh cửa sổ và trông chừng con ngựa. Thỉnh thoảng, giọng nói giận dữ của một phụ nữ vang lên trong ngôi nhà, còn ở ngoài đường có tiếng chuông xe đạp kêu. Nhưng lại không có ai.

“Ông đã nhìn kĩ người quản gia chứ?” Tôi hỏi.

“Hử?” Vị thám tử đáp lời như muốn nói, “Thì sao?”

“Ông có quan sát gương mặt của ông ta không? Tôi có cảm giác ông ta rất không vui.”

“À há.”

“Ông nên nói chuyện với ông ta.”

“À há, tại sao vậy?”

“Có thể ông ta biết điều gì đó.”

“Ông ta có thể biết điều gì kia chứ?”

Câu hỏi này làm tôi bối rối; tôi không muốn tiếp tục nói chuyện nữa. Cuối cùng, sau hơn mười phút chờ đợi, chúng tôi nghe được tiếng bước chân trong gian phòng kế cận, người đó bước một cách nặng nề về phía

chúng tôi.

Đó chính là Gjaemaes, người đàn ông vạm vỡ ở độ tuổi bốn mươi. Anh ta tươi cười gật đầu chào tôi, bắt tay tôi và chào mừng tất cả chúng tôi sau khi tôi giới thiệu về Asbjörn Krag.

Anh ta hỏi ngay vị thám tử:

“Ông đến đây vì vụ án mạng?”

Asbjörn Krag xác nhận điều đó. Gjaemaes trầm tư gật đầu và lăm bầm nói, tựa như chỉ để cho chính mình nghe:

“Vâng, vâng, người ta có thể trải qua những việc thật kỳ lạ.”

Thái độ của anh ta trong khoảnh khắc này kỳ lạ tới mức khiến tôi giật mình. Tôi chợt nghĩ: *Asbjörn Krag phải nghĩ như thế nào về việc đó? Ông ta đến đây để làm sáng tỏ một vụ giết người bí ẩn, và những người mà ông ta trao đổi cho tới nay chỉ thể hiện sự ghê tởm và kính sợ về hành động đó. Bây giờ thì ông ta đến trang trại này, hy vọng tìm được một vài thông tin về hành vi của kẻ bạc mệnh trong những giờ phút cuối cùng. Ông ta gặp người quản gia của Gjaernaes và ngạc nhiên về vẻ ngoài hờ hững và u sầu của người đàn ông này. Cả người chủ trang trại cũng ứng xử như thế vừa gặp phải một bất hạnh lớn lao, không thể nào bù đắp. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một người nào buồn bã, bất hạnh như Gjaemaes! Chẳng cần gì nhiều thì kể cả người lạ cũng sẽ nghi ngờ rằng những người ở trang trại này, người chủ cũng như người quản gia, phải biết nhiều về tên tội phạm hơn chúng tôi. Asbjörn Krag ngạc nhiên nhìn anh ta. Gjaemaes lúc đầu đi lại trong gian phòng trước mặt vị thám tử. Rồi anh ta kiềm chế, khó nhọc buộc mình phải bình tĩnh lại và đứng bất động ở giữa phòng - không chớp mắt*

cũng không động ngón tay. Tôi biết trạng thái đó, khi sự hồi hộp đang áp đảo người ta lại đem lại sự bình thản, trong khi mọi dây thần kinh đều căng như dây đàn.

“Kiểm lâm Blinde rời trang trại này vào khoảng 11 giờ đêm hôm kia,” vị thám tử bắt đầu. “Ở khách sạn, người ta nhìn thấy anh ta lúc 9 giờ. Tức là có lý do để cho rằng anh ta đã ở đây trong khoảng một tiếng rưỡi. Có đúng không?”

“Vâng, đúng thế.”

“Anh ta đến đây với mục đích gì?”

“Cậu ta đến đây vì một việc quan trọng.”

“Vì một việc quan trọng?”

“Vâng, cậu ta đến đây để xin cưới em gái tôi.”

Tiếp đó là một sự im lặng kéo dài trong bầu không khí nặng nề.

Rồi Asbjörn Krag hỏi tiếp:

“Khi rời khỏi nơi đây Blinde hạnh phúc hay không vui?”

“Tôi đoán rằng,” Gjaemaes nói, “cậu ta đã vô cùng hạnh phúc, vì cậu ta yêu em gái tôi và em tôi đã đính hôn với cậu ta.”

Tôi không chờ được cho tới khi vị thám tử lái câu chuyện sang hướng khác mà nói xen vào:

“Trước khi rời khỏi đây, anh ta có nói điều gì đó về việc mình có kẻ thù hay không?”

“Tôi nghĩ là cậu ấy có nhắc đến việc đó.”

Asbjörn Krag đứng bên cạnh nhìn tôi và để cho tôi hỏi tiếp:

“Anh ta có nói tên họ của ai đó ra không?”

“Không, cậu ta không làm điều đó. Cậu ta hạnh phúc và hài lòng tới mức ý nghĩ về những kẻ thù chỉ như bóng tối thoáng qua trong tâm trạng cậu ta mà thôi. Tôi nhớ lúc sắp sửa ra về, cậu ấy còn nói to: *Nghĩ xem sẽ có bao nhiêu người ghen tị với tôi đây. À mà, hẳn là tôi đã gây thù chuốc oán với bao nhiêu kẻ thù tôi tệ rồi.*”

“Ông có tán thành cho cuộc hôn nhân này không?”

“Có, tất nhiên rồi,” Gjaernaes trả lời.

“Tại sao lại là tất nhiên?”

“Vì chính em tôi muốn thế. Tôi không bao giờ phản đối những gì em tôi muốn.”

“Thế thì tôi muốn hỏi thẳng ông một câu,” Asbjörn Krag tiếp tục. “Mối liên kết này có khiến ông hài lòng không?”

“Không,” Gjaemaes nghiêm trang trả lời.

“Tại sao không?”

“Tất nhiên là vì tôi không thích anh kiểm lâm đó. Tôi không có thiện cảm với cậu ta. Tôi luôn có ấn tượng rằng cậu ta rất trịnh thượng và cao ngạo, kể cả khi đã quen lâu rồi nhưng cậu ta vẫn không biết sửa. Ngay cả trong khoảnh khắc đính hôn với em gái tôi, cậu ta cũng làm cho tôi cảm thấy không dễ chịu. Có vẻ cậu ta tỏ vẻ đắc thắng.”

Asbjörn Krag bất ngờ tỏ vẻ quan tâm nhiều hơn.

“Ông vừa mới dùng từ *đắc thắng*, phải không?” Ông ta hỏi.

“Phải, tôi đã thấy như thế...”

“Nhưng người ta có thể dùng từ đó với nhiều nghĩa khác nhau. Anh ta *đắc thắng* vì đã may mắn được đính hôn với em gái ông, hay là *tự cao tự đại* vì là anh ta đã có được cái phúc ấy chứ không phải đối thủ nào khác.”

“Tôi muốn nói *tự cao tự đại*. Cậu ta luôn luôn có một vẻ tự cao.”

“Ông có ngạc nhiên không khi nghe về vụ việc?”

“Ngạc nhiên là một mô tả quá nhẹ nhàng,” Gjaemaes trả lời. “Tôi sợ đến cứng đờ cả người.”

“Còn em gái ông?”

“Con bé đã khóc cả ngày. Nó vừa lên giường nằm nghỉ vì cảm thấy đau khổ và không được khỏe.”

“Tôi rất muốn nói chuyện với cô ấy.”

Gjaemaes đột nhiên cảm thấy bất an tới mức anh ta bắt đầu nói lắp.

“Điều này khó đấy,” anh ta nói, “em tôi đã đi ngủ.”

Asbjörn Krag không nói gì, nhưng ngay lập tức lại chuyển sự quan tâm của mình sang những đồ vật trong phòng. Trần gian phòng tương đối thấp, như ở phần lớn các trang trại; bàn ghế đã cũ được bọc bằng một loại vải sọc đã bạc màu.

“Tôi luôn rất hứng thú khi được lang thang tại các trang trại cổ,” vị thám tử nói trong lúc đứng dậy. “Tôi có được phép tham quan các gian phòng khác không, thưa ông Gjaemaes?”

“Tất nhiên rồi, rất sẵn lòng. Nhưng ông đến không đúng lúc lắm,” Gjaemaes trả lời. “Chúng tôi đang rất bận rộn với công việc mùa hè và không có thời gian để quét dọn chúng.”

“Không sao cả.”

Vị thám tử nhìn ra cửa sổ, gật đầu hài lòng. Trên sân, ông quản gia đang đứng đó và giữ dây cương ngựa, mặc dù điều đó hoàn toàn không cần thiết. Trong lúc đó, ông ta thì thầm với con ngựa, còn con ngựa lại phe phẩy hai tai để đuổi ruồi. Tôi có cảm giác ông quản gia đứng đó chỉ để chờ đến khi vị thám tử đi về.

Gjaernaes dẫn chúng tôi đi qua các gian phòng cũ, và Asbjörn Krag quan tâm nhìn hết mọi thứ, hỏi điều này, sờ vào thứ kia, hỏi bàn ghế đã bao nhiêu năm rồi và người này là ai trong lúc xem những bức ảnh gia đình. Trên chiếc bàn viết của Gjaernaes có treo một bức ảnh được phóng to từ một tấm hình. Là ảnh của một ông già, có chòm râu dề, đôi mắt nhỏ, sắc sảo, và cái mũi khoằm.

“Là ai đấy?” Krag hỏi.

“Cha tôi,” Gjaernaes trả lời.

Tôi cố ra hiệu cho vị thám tử đừng hỏi tiếp nữa, vì tôi lập tức nhớ lại câu chuyện của ông đánh cá về kết cục thảm thương của người đàn ông này. Hoặc là vị thám tử không nhìn thấy ám hiệu của tôi, hoặc ông ta không quan tâm đến nó.

“Ông ấy chết rồi à?”

“Vâng.” Gjaernaes trả lời và mở cửa đi vào gian phòng kế tiếp.

“Ông ấy chết như thế nào?”

“Cha tôi chết đột ngột.” Gjaernaes lẩm bẩm.

“Hừm, đột ngột...”

Vị thám tử đứng lại và ngắm nhìn bức ảnh. Nhưng khi Gjaernaes sốt sắng đánh lạc hướng thì rốt cuộc Krag cũng phải bước đi.

Gjaemaes chỉ cho chúng tôi gian phòng của em gái mình.

“Nhưng cô ấy không có ở đó à?” Asbjörn Krag ngạc nhiên hỏi to.

“Cái gì cơ?”

“Ông nói rằng cô ấy đã đi ngủ rồi.”

“Vâng, tất nhiên, nhưng em tôi đang ở trong một phòng khác.”

Gjaernaes nhìn chăm chăm vào căn hộ đầy ánh sáng của cô gái.

“Con bé nằm trong một phòng ở phía khuất ánh mặt trời,” anh ta nói.

“À thì ra thế, thảo nào.”

Chúng tôi đi tiếp và bước vào thư viện của Gjaemaes. Anh ta là một người rất thích sách. Một tấm màn dày treo trước cửa sổ duy nhất của căn phòng, cho nên trong này tương đối tối.

“Bây giờ thì tôi không có gì để chỉ cho các ông xem nữa,” Gjaernaes nói.

“Nhưng còn cánh cửa này?” Asbjörn Krag hỏi và chỉ vào một cái cửa có hai cánh ở phía trước. “Nó dẫn đi đâu?”

Gjaemaes đứng chặn trước cửa.

“Em tôi đang nằm ngủ trong đó,” anh ta nói.

Tôi bất chợt giật mình. Trong giọng nói của người đàn ông này có âm điệu của sự vô vọng và chán nản, và tôi lại nhớ tới cái cảnh trong đêm trăng ấy, khi người quản gia cố ngăn không cho tôi vào nhà.

Tôi không biết Asbjörn Krag có nhận ra sự thay đổi trong thái độ của người chủ nhà hay không, có vẻ như nó không gây được sự chú ý, dù là nhỏ nhất, với ông ta. Ý nghĩ của ông ta lại xoay quanh vụ giết người. Khi chúng tôi từ từ đi ngược trở lại gian phòng đã đi qua trước đó, ông ta hỏi:

“Ông không biết ai là kẻ giết người à?”

Gjaernaes đứng lại và chống tay vào lưng ghế.

“Tôi chịu,” anh ta trả lời.

“Còn em gái ông?”

“Em gái tôi cũng không biết gì đâu.”

“Và ông không thể đưa ra cho chúng tôi manh mối nào đáng giá để tiếp tục điều tra ư?”

“Không, hoàn toàn không. Tất cả những gì tôi có thể kể về chuyến thăm của con người bất hạnh đó chỉ khiến cho sự việc càng thêm khó hiểu.”

“Ông nói đúng đấy,” Asbjörn Krag nói.

Khi chúng tôi chuẩn bị từ giả Gjaemaes, vị thám tử bất ngờ nói:

“Nhưng còn chuyện chiếc xe?”

Gjaemaes tỏ vẻ không hiểu.

“Chiếc xe nào?” Anh ta hỏi.

“Thế ông không biết à?” Asbjörn Krag trả lời. “Người ta đã nghe được tiếng chiếc xe sắt trong đêm xảy ra vụ án mạng.”

Người chủ nhà mỉm cười — một nụ cười gượng gạo, kỳ lạ.

“Câu chuyện cũ rích,” anh ta lẩm bẩm. “Tất nhiên là câu chuyện cũ này giờ lại xuất hiện trong trí tưởng tượng phong phú của mọi người. Ông nghĩ gì về chiếc xe sắt, ông thám tử?”

“Tôi không tin vào ma quỷ,” Asbjörn Krag trả lời, “nhưng người ta nghe được tiếng chiếc xe sắt lăn đi trên cánh đồng hoang vắng vẻ, đó là điều chắc chắn.”

“Vâng, rồi sao nữa?”

“Thì tất nhiên đó là một chiếc xe, không phải một chiếc xe ma mà là một chiếc xe thật sự. Trong vòng nhiều dặm quanh đây, chỉ có ông, ông mục sư và ông cảnh sát là có ngựa. Ngựa của ông mục sư không đi ra ngoài vào đêm đó, cũng giống như ngựa của ông cảnh sát.”

“Và của tôi cũng không,” Gjaemaes thêm vào rất nhanh.

Trong khoảnh khắc đó, anh ta nhìn thấy người quản gia qua chiếc cửa sổ mở, vẫn đứng ở bên ngoài và giúp con ngựa của ông cảnh sát đuổi ruồi nhặng.

Anh ta vỗ tay vào trán và bất thành linh sốt sáng hăn lên.

“Các ông đã còn một chặng đường dài trước mắt,” anh ta lầm bầm, mặc dù thực tế thì chúng tôi không phải đi xa lắm. “Tốt nhất nên cho ngựa của ông ăn một ít lúa mạch.”

Ông cảnh sát trưởng ngạc nhiên rồi phản đối, nói rằng điều đó là không cần thiết.

Nhưng Gjaernaes bước nhanh ra sân và chúng tôi đi theo sau.

Bây giờ thì ai cũng có thể thấy rằng câu chuyện lúa mạch chỉ là cái cớ - chỉ có Chúa mới biết tại sao, nhưng dù thế nào đi nữa thì nó cũng quá rõ ràng. Gjaemaes bước tới chỗ ông quản gia và hấp tấp thì thảo vài câu trong khi bồn chồn xoa mõm con ngựa khiến nó phải ngẩng đầu lên, nhe ra những chiếc răng trắng.

Cả ông cảnh sát trưởng lẫn tôi đều thấy, chỉ có Asbjörn Krag bất chợt bị một việc khác thu hút. Ông ta mỉm cười chăm chú nhìn một con chó nhỏ, tròn và có đốm đen như nòng súng, đang gầm gừ và rõ ràng là bức bối, há

miệng nhìn chăm chăm.

Cuối cùng, chúng tôi bước lên xe. Asbjörn Krag vẫy tay chào từ biệt Gjaemaes.

“Xin tạm biệt,” ông ta nói to, “tôi hy vọng chúng ta còn gặp lại nhau. Tôi ở trong khách sạn.” Nhưng trong cùng lúc đó thì ông ta lại nhìn người quản gia, đang đưa mắt nhìn xuống.

Khi chúng tôi đi trên con đường lớn, tôi nhận xét:

“Tôi không hiểu tại sao ông không hỏi người quản gia.”

“Về việc gì?”

“Tất nhiên là về việc vài con ngựa của Gjaemaes có đi đâu trong đêm hôm đó hay không.”

“Tôi nghĩ hoàn toàn không cần thiết,” vị thám tử trả lời.

Xe đưa chúng tôi chạy qua cánh đồng hoang.

Asbjörn Krag đặt chiếc mũ rơm trên mắt, để bảo vệ chúng trước ánh mặt trời như thiêu như đốt. Chiếc máy ảnh màu đen, không thể thiếu được, lắc lư trên đầu gối phía trước ông ta.

Ông ta im lặng một lúc lâu, nhưng tôi có cảm giác ông ta đang suy nghĩ trong khi ngồi im, dưới cái mũ rơm như thế.

Cuối cùng, ông ta hỏi:

“Ông ấy chết như thế nào?”

“Ai?”

“Người đàn ông lớn tuổi, cha của Gjaemaes.”

“Ông ấy chết đuối.”

“Tức là ông ấy không bị giết chết?” Vị thám tử hỏi.

“Không,” tôi trả lời.



ÔNG QUẢN GIA

Trong nhiều ngày, không có việc gì quan trọng xảy ra. Điều bí ẩn đáng sợ trên cánh đồng hoang phủ bóng đen đáng sợ lên vùng quê nhỏ bé này, tới mức nhiều khách du lịch đã rời khách sạn.

Thật ra thì tôi cũng phải rời đi, nhưng Asbjörn Krag cương quyết yêu cầu tôi ở lại, một mực nói rằng tôi có thể giúp ông ta. Chàng sinh viên y khoa, con người đam mê thâm kín nghệ thuật điều tra của cảnh sát, chút nữa thì xanh mặt vì ghen tị vì Asbjörn Krag không hề đếm xỉa gì tới anh ta. Nhưng bản thân tôi có giúp ích được gì cho ông ta hay không thì tôi thật sự không biết được. Vì dù sao thì cho tới bây giờ tôi vẫn chưa giúp được gì cho ông ta cả. Ngược lại, tôi đâu đó còn mĩa mai về cách làm việc của ông ta, vì cung cách ấy đối với tôi thật xa lạ, cũng không mấy phù hợp với một thám tử năng động. Ông ta tương đối lè mề, ngủ dậy muộn, ăn nhiều, tắm rửa và đi dạo. Tóm lại, ông ta cư xử giống hệt như một người đang nghỉ phép.

Khi có ai đó cố hỏi thì ông ta đánh trống lảng hoặc im lặng, rồi nhú mắt nhìn người hỏi một cách mĩa mai. Ông ta ra vẻ hoàn toàn dừng dừng trước

những lời bóng gió về nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội, dù người đó là khách du lịch hay dân địa phương, thậm chí cả cảnh sát. Ông ta bình thản lắng nghe, nhưng rồi ngay khi người nói đi đến kết luận: “Tôi tin là như thế này hay thế kia,” thì Asbjörn Krag trả lời với giọng hết sức dừng dừng:

“À há...”

Hoặc ông ta sẽ nói:

“Vâng, vâng, hừm, đúng thế.”

Nhưng khi có ai đó hỏi:

“Bây giờ ý của ông thật ra là như thế nào?”

Thì ông ta trả lời, ra vẻ hết sức ngạc nhiên về câu hỏi:

“Tôi? - À, tôi vẫn còn chưa có thời gian suy nghĩ.”

Chỉ có Chúa mới biết ông ta thực ra đang làm gì! Như tôi có thể thấy, ông ta giờ còn chẳng thêm làm những công việc điều tra cơ bản nhất. Khi tình cờ gặp Gjaemaes, ông chủ của trang trại cổ kia, trong những lúc đi dạo, ông ta chỉ nói với anh ta về triển vọng mùa màng.

Vào một ngày nào đó, những bóng áo đen xuất hiện bên cạnh nhóm khách du lịch tươi vui. Gia đình của nạn nhân đã đến để sắp xếp việc mang thi thể về. Nhưng những chiếc mạng đen che mặt và những chiếc khăn tay trắng phủ bên ngoài đôi găng tay đen lại biến mất không lâu sau đó. Krag còn không buồn chào hỏi gia đình này, và tất cả vẫn như cũ.

Lúc này, ông cảnh sát trưởng và cảnh sát thị trấn làm việc độc lập với vị thám tử tư. Ông cảnh sát trưởng đạp xe đạp đi đây đó ra vẻ gấp rút, nhưng cũng không tiến đến gần lời giải đáp cho sự việc bí ẩn này thêm chút nào. Giả thuyết rằng đây là một vụ giết người cướp của không thể được bỏ qua

nữa, vì người ta phát hiện ra rằng người kiếm lâm đó sở hữu một khối tài sản khá khá khi anh bị giết — một khoản phải đến hàng trăm kroner. Ngoài ra, anh ta có một chiếc ví xanh bằng da cá sấu, và không ai tìm được cái ví hay khoản tiền đó trên thi thể nạn nhân. Tất nhiên, việc chiếc đồng hồ vàng và những chiếc nhẫn vẫn còn trên người nạn nhân cũng khiến giả thuyết cướp của giết người lung lay đôi chút. Ít ra thì cảnh sát cũng ra thông báo tìm kiếm những người Di-gan có thể đã ở gần nơi đó, vào đúng thời gian đó.

Nhưng sự lễ mễ và dừng dưng của Asbjörn Krag lại đang trấn an tinh thần người dân. Sự hồi hộp và lo âu giảm dần, và cuộc sống mùa hè đã quay trở lại. Tiếng xì xào sau lưng, tiếng thì thầm nho nhỏ, bí mật đã nhường chỗ cho tiếng trò chuyện cười vui trên mọi con đường, và biển cả lại vang lên tiếng chèo thuyền đưa những du khách mới tới.

Bạn đọc hẳn nhớ rằng vào buổi sáng hôm đó, khi Asbjörn Krag xuất hiện, tôi đã yêu cầu đổi sang phòng khác. Chỉ nhờ ngẫu nhiên mà lúc đó tôi phát hiện ra rằng các bức tường khách sạn đưa âm thanh đi tốt chẳng kém đường dây điện thoại; tôi luôn thấy bức mình khi không thể nói chuyện trong phòng mà không bị cả phòng bên trái lẫn bên phải nghe được. Nhưng vì lúc đó khách sạn có ít phòng trống, nên bà chủ đã tìm cho tôi một chỗ chỉ cách khách sạn vài phút đi bộ, nằm trên một mũi đất nhỏ, được gọi là mũi đất Hải Cầu. Tôi sống ở đó một mình trong một căn nhà rất nhỏ nhưng vẫn dùng bữa tại khách sạn.

Một ngày sau khi tôi chuyển chỗ ở, vị thám tử hỏi tôi:

“Sống một mình như thế ông không sợ à?”

“Không,” tôi đáp, “tại sao tôi lại phải sợ cơ chứ?”

“Ban đêm bây giờ vẫn còn sáng,” Asbjörn Krag nói và ngược nhìn lên trời, “nhưng rồi những đêm đen sẽ tới ngay.”

“Tôi không hiểu.”

“Sự việc đáng sợ ấy không khiến ông căng thẳng à?”

“Không.”

“Thế thì tốt. Ông chính là người có thể giúp được tôi. Tôi hy vọng ông sẽ cho tôi thêm vài ngày nữa.”

“Tôi sẽ rất vui nếu được ở lại thêm vài ngày nữa,” tôi ngắt lời ông ấy, “và tin rằng tôi sẽ không có khó khăn gì khi giúp ông.”

“Thế à?”

“Vì tôi không thấy bản thân ông làm bất cứ điều gì hết.”

Asbjörn Krag mỉm cười và nói một câu khiến tôi hết sức ngạc nhiên vào lúc đó cũng như sau này nhớ lại. Ông ta nói rằng:

“Nhưng ông cũng phải thừa nhận rằng thời gian đang trôi qua.”

“Thật ra thì ông làm những gì trong ngày?” Tôi hỏi.

“Tôi viết thư,” ông ta trả lời. “Tôi đã làm cho một vài người ở Christiania tương đối bận rộn để tìm thông tin cho tôi, và bây giờ thì tôi chờ - một sự việc sẽ xảy ra.”

“Sẽ xảy ra?”

“Đúng thế.”

Lúc bắt đầu trao đổi, tôi đang định đi về ngôi nhà nhỏ trên mũi đất; Asbjörn Krag đi theo tôi, vì ông ta tỏ vẻ rất quan tâm đến chỗ đó. Ngoài

những điều khác, ông ta nói rằng nó khiến cho ông ta liên tưởng đến một ngôi nhà của người canh gác hải đăng, vì nó nằm cheo leo trên một mũi đất như thế.

Khi chúng tôi tiến gần đến ngôi nhà, ông ta chỉ vào nó và nói:

“Ông có thấy ông sống cô đơn như thế nào không?”

“Có, tất nhiên là tôi sống lẻ loi rồi.”

“Đây là ngôi nhà cuối cùng, và từ đây đến nhà của ông, còn phải đi thêm vài phút nữa.”

“Tôi thừa nhận đúng vậy.”

Vị thám tử trầm tư lắc đầu và đi tiếp.

Khi chúng tôi đến tận cửa nhà, ông ta mới quay về. Trước khi ông ta rời đi, tôi hỏi:

“Ông nghĩ thế nào về giả định những người Di-gan đã làm chuyện đó?”

“Ông phải hiểu rằng,” ông ta trả lời, “tôi đã không nghĩ đến việc anh Blinde có lẽ đã chào hỏi Di-gan nào đó mà mình gặp trong đêm ấy.”

Tôi chững hững nhìn ông ta.

“Chào hỏi ư?”

“Vâng, tất nhiên rồi,” ông ta nói tiếp và giờ thì đầy vẻ hăng hái. “Anh kiểm lâm Blinde đã nhận cú đánh chí mạng ấy trong khi đang chào hỏi một người nào đó.”

“Làm sao mà ông có thể quả quyết như vậy?”

“Nhiều bằng chứng cho thấy điều đó. Ông có nhớ chiếc mũ không? Nó nằm cách xác chết vài bước chân và hoàn toàn không bị hỏng, mặc dù

Blinde lãnh cú đánh của hung thủ từ phía sau đầu. Nếu như anh ta vẫn còn đội mũ trong khoảnh khắc ấy thì nó cũng phải có dấu vết nào đó từ cú đánh đáng sợ ấy chứ! Nhưng anh ta đã cầm chiếc mũ trong tay, anh ta vừa mới chào hỏi xong.”

“Anh ta đã chào ai?”

“Kẻ giết người,” Asbjörn Krag trả lời, “và trong khoảnh khắc ấy, hắn đã ra tay.”

“Điều ông vừa nói làm cho tôi ngạc nhiên đấy,” tôi trả lời sau một lúc lâu suy nghĩ, “nhưng rất có thể ông nói đúng.”

“Tôi nói đúng mà. Hay nói cách khác, kẻ giết người là người quen của anh kiểm lâm; đó là một trong những kẻ thù mà Blinde đã nói đến trước khi rời khỏi nhà Gjaernaes trong đêm đó.”

Lần đầu tiên, tôi có thể nhận ra từ những lời nói của Asbjörn Krag rằng ông ta rõ ràng có quan tâm đến tấn thảm kịch ấy và cũng rút ra kết luận. Tôi hăng hái hỏi dò tiếp, tận dụng thời cơ ông ta bất ngờ biến thành một người biết nói chuyện. Vì thế, tôi hỏi ông ta có tìm ra được dấu vết nào nữa không, có nghĩ ra ai là thủ phạm không, hay ít nhất hắn ta thuộc tầng lớp nào.

Nhưng vị thám tử không muốn đào sâu vào vấn đề; ông ta đánh lạc hướng bằng cách nhắc đến vị trí trợ trợ của ngôi nhà nhỏ tôi đang ở.

“Xin tạm biệt,” tôi nói.

“Tạm biệt,” ông ta trả lời, “tôi sẽ trở về phòng mình để chờ.”

“Ông chờ gì vậy?”

Thay vì trả lời, ông ta nhìn tôi với ánh mắt kỳ lạ và hỏi:

“Ông có tin vào sức mạnh nằm trong đôi mắt không?”

“Ý ông muốn nói đến thôi miên ư?”

“Ông cũng có thể gọi đó là thôi miên, nếu muốn. Với đôi mắt này, tôi đã ép buộc được một người đến với tôi, và tôi đang chờ người đó.”

Ông ta không muốn giải thích nhiều hơn, chậm rãi rời đi. Tôi vẫn đứng đó, nhìn theo và ngạc nhiên về thái độ kỳ lạ của ông ta. Bất thành linh, ông ta ngồi xổm xuống và lấy cái máy ảnh ra. Ông ta muốn chụp cái gì nhỉ? Ở đây làm gì có gì ngoài mặt biển sáng như gương đâu? Mặt trời hun hằm hập trên những tảng đá trắng, có lẽ ông ta vẫn có được một ý tưởng nào đó. Đây đó cỏ mọc tùm lại với nhau, rong biển nhấp nhô trên mặt nước, nước chảy trên một vài mòm đá khiến chúng lóng lánh dưới ánh nắng mặt trời. Rồi một làn sóng nhỏ chồm tới và nuốt chửng mọi thứ... Krag bấm máy, đứng dậy và tiếp tục đi. Một con người kỳ lạ.

Vào khoảng 8 giờ, tôi đi đến khách sạn để dùng bữa. Trên đường đi, tôi gặp Asbjörn Krag.

“Tôi có chuyện muốn kể cho ông nghe,” ông ta nói ngay sau khi thấy tôi, “người đó đến rồi.”

“Tôi không biết ông muốn nói về ai.”

Asbjörn Krag nắm lấy cánh tay tôi và thông thả kể:

“Ông không nhớ là tôi mới vừa nói về sức mạnh của đôi mắt à? Tốt thôi. Với ánh mắt của mình, tôi đã ra lệnh cho một người đến gặp tôi, và tôi đã chờ người này suốt mấy hôm nay rồi. Ông cũng biết người này đấy, ông ta

đang ngồi trong phòng tôi.”

Bây giờ tôi mới nhớ lại, rằng vị thám tử đã nói điều gì lúc từ già ông chủ trang trại Gjaemaes nhưng lại nhìn ông quản gia, “Chúng ta sẽ gặp nhau, tôi sống trong khách sạn.”

“Thế thì người đến gặp ông chắc chắn là ông quản gia của gia đình Gjaemaes,” tôi trả lời.

“Suy luận đúng đấy,” vị thám tử trả lời. “Tôi muốn ông làm nhân chứng cho cuộc nói chuyện của chúng tôi, vì vậy tôi đã đi tìm ông.”

Lời nói của ông ta khiến tôi xúc động mạnh.

“Tức là có một mối liên hệ giữa Gjaernaes và vụ án mạng,” tôi lẩm bẩm. “Chúa ơi! Tôi phải nghĩ đến những gì ông vừa kể về chiếc mũ của người bị đánh chết.”

“Anh ta nhắc chiếc mũ ra chào trong lúc nhận cú đánh chí mạng ấy.”

“Đúng thế! Và ông hẳn cũng nhớ chính Gjaemaes đã nói rằng anh ta phản đối cuộc hôn nhân giữa Blinde và em gái mình. Có thể Gjaernaes đã căm ghét Blinde. Chính anh ta nói rằng Blinde tạo một ấn tượng không thiện cảm và ích kỷ.”

“Đặc thẳng một cách tự cao tự đại,” vị thám tử nói.

“Đúng rồi, nhưng điều quan trọng là kẻ giết người dường như quen biết Blinde. Tôi rất tò mò muốn nghe ông quản gia kể cho chúng ta nghe những gì.”

Asbjörn Krag lắc đầu, nheo mắt nhìn tôi một cách mỉa mai.

“Bây giờ thì ông sốt sắng quá rồi đấy,” ông ta chậm rãi nói, điều này làm giảm bớt sự hăng hái của tôi. “Ông quá vội vã rồi, ông bạn thân mến.”

“Tôi chỉ cần nhắc các tình huống khác nhau thôi,” tôi nói.

“Vậy thì hãy cho tôi biết ông đã đi đến kết luận gì?”

“Gjaemaes phản đối cuộc hôn nhân.”

“Đúng, nhưng vẫn chấp thuận vì cô em gái muốn như thế.”

“Nhưng dẫu sao thì anh ta cũng rất phản đối cuộc hôn nhân và không ưa Blinde. Một khi đã thổ lộ mạnh mẽ như thế với chúng ta thì anh ta hẳn phải căm ghét viên kiểm lâm lắm.”

“Trước khi ông tiếp tục, tôi muốn hỏi thẳng,” Krag ngắt lời, “rằng ông có tin chính Gjaemaes là kẻ giết người hay không?”

Câu hỏi bất ngờ và thẳng thắn này khiến tôi run rẩy.

“Tôi không muốn nói ra một lời buộc tội đáng sợ như vậy,” tôi trả lời. “Ông yêu cầu tôi đưa ra kết luận, nhưng tôi cảm thấy thật ngớ ngẩn khi ông phủ nhận rằng một loạt sự việc đang ám chỉ trực tiếp đến Gjaemaes. Ngoài ra, tôi đoán rằng ông cũng có nhận định của riêng mình. Tôi không tin Gjaemaes phạm tội, nhưng khi chúng ta kết hợp mọi điều với nhau, những gì chống lại anh ta, thì có thể chúng ta sẽ dễ dàng xóa bỏ nghi ngờ đáng sợ này. Gjaemaes là bạn tôi.”

Vị thám tử vẫn nắm cánh tay tôi. Ông ta bước chậm lại để không đến khách sạn quá nhanh. Bất chợt, tôi có ấn tượng rằng ông ta muốn nghe ý kiến của tôi và rõ ràng ông ta lại cáo buộc Gjaemaes như một kẻ tội đồ.

“Chúng ta không được phép chỉ bám vào các bằng chứng,” ông ta nói, “cuối cùng thì chúng ta cũng phải xem xét sự việc từ phía con người. Ông có nghĩ là Gjaemaes có khả năng làm một việc như thế không?”

Sau khi suy nghĩ một lúc, tôi trả lời:

“Khó lắm.”

“Ông hãy đặt mình vào vị trí của ông ta,” vị thám tử tiếp tục. “Ông có một cô em gái mà ông rất tự hào.”

“Và rất yêu quý cô ấy.”

“Tốt. Cô ấy tuyên bố cô muốn kết hôn với một người đàn ông mà ông căm ghét.”

“Và tất nhiên là tôi ghét anh ta vì tôi biết đó là một người xấu.”

“Tất nhiên rồi. Ông cố thuyết phục em gái mình hãy rời xa gã, nhưng gã đó quá đẹp và em gái ông đã mù quáng vì tình yêu. Ông biết rằng cuộc hôn nhân sẽ không có kết thúc tốt đẹp và em gái của ông sẽ vô cùng bất hạnh, nhưng đồng thời cũng nhận thấy rằng thuyết phục cô ấy từ bỏ chẳng khác gì nước đổ lá khoai. Cô ấy tuyên bố sẽ kết hôn với con người đáng ghét ấy và rồi, trong khoảnh khắc ấy, gã ta tự bộc lộ mình theo kiểu *đắc thắng tự cao tự đại*. Tôi cho rằng cái tí mà Gjaemaes vô tình nói ra này rất chính xác. Tôi đồ rằng Blinde biết anh trai cô sẽ phản đối, và rằng anh ta cố tình bộc lộ rõ sự dương dương tự đắc ra sau khi nhận được sự đồng ý của cô. Bây giờ ông hãy đặt mình vào vị trí của Gjaernaes. Ông không nghĩ rằng trong khoảnh khắc bị kích động ấy, khi ông nhìn thấy nụ cười đắc thắng, mĩa mai của gã và biết rằng cô em gái yêu quý của mình đang dính phải bùa mê của con người xấu xa này, ông sẽ mất tự chủ và sát hại gã sao?”

Những lời nói đanh thép của Asbjörn Krag khiến tôi hoàn toàn bị động.

“Tôi nghĩ có thể là như thế,” tôi trả lời không chắc chắn lắm. “Tôi tin là như thế, nhưng tất nhiên tôi làm gì cũng phải cân nhắc.”

“Vâng tất nhiên. Ông hành động bộc phát trong lúc nhạy cảm, bị cơn

thịnh nộ dữ dội hay nổi thất vọng đang cay kiêu soát. Hãy để cho tôi giả định thêm rằng ông gặp con người đó trên một con đường vắng vẻ, rằng gã ta chào ông và mỉm cười *đắc thắng mỉa mai* như muốn nói: *Giờ thì nhìn xem, anh bạn của tôi ơi, cô em gái yêu quý của anh đã ăn phải bùa mê thuốc lú của tôi rồi; cô ta là của tôi*. Giờ thì ông sẽ có thể làm được những gì, khi bị mờ mắt bởi nỗi căm ghét đó? Lúc đó thì tôi tin rằng ông chắc chắn sẽ tấn công gã ta, có lẽ ông không muốn giết gã, chỉ bị thôi thúc bởi ý muốn đánh cho gã một trận... Nhưng mà ông đang nghĩ gì đấy? Ông không thích thú với câu chuyện của chúng ta à?”

Tôi lau mồ hôi trên trán, có cảm giác như đôi môi mình bắt đầu tái nhợt.

“Tôi nghĩ đến nạn nhân,” tôi lắp bắp nói. “Ông có nhớ nét mặt của anh ta không? Nó đúng là đắc thắng giễu cợt như ông đã nói. Thêm nữa, tôi nghĩ đến sự bối rối của anh bạn Gjaemaes. Mặt anh ta trắng bệch và run rẩy, trông giống như đã không ngủ nhiều ngày. Rồi còn ông quản gia nữa chứ! Ông ta bây giờ đến gặp ông để kể chuyện gì vậy?”

“Chúng ta sẽ nghe được ngay ấy mà,” vị thám tử trả lời.

Chúng tôi đi lên phòng của vị thám tử. Khi chúng tôi bước vào, người quản gia đứng dậy và ngượng nghịu chào. Có vẻ ông ta đã lựa bộ đồ đẹp nhất để mặc, nhưng ngoài điều đó ra tôi không nhận thấy sự thay đổi nào: sự muộn phiến vẫn thường trực trên khuôn mặt, ánh mắt vẫn đảo qua đảo lại không yên.

“Ông đã gặp người bạn của tôi rồi,” thám tử hỏi. “Ông ấy giúp tôi điều tra và cũng muốn nghe xem ông có điều gì để tường thuật lại.”

“Vâng...” Ông quản gia nói mà nghe rất nặng nề. Ông không biết phải

bắt đầu từ đâu; chỉ im lặng và thất thần.

“Tôi có một chuyện muốn kể lại,” ông ta bắt đầu nói sau khi im lặng khá lâu. “Nhưng nói ra thì thật là khó. Ông hỏi tôi trước đi?”

“Có thể ông muốn nói về vụ giết người.”

“Không. Về vụ giết người thì tôi không biết gì cả,” ông ta vừa nói vừa e dè nhìn sang một bên. “Tôi không biết gì về chuyện đó, tôi chỉ muốn kể lại những gì chính mình nhìn thấy thôi.”

“Chúng tôi cũng không muốn biết điều gì khác,” vị thám tử trả lời.

Người quản gia gật đầu về phía tôi.

“Ông có nhớ cái đêm mà tôi không muốn cho ông vào nhà không?”

“Có,” tôi trả lời. “Tôi có cảm giác ông hơi thô lỗ trong đêm đó.”

“Hẳn là thô lỗ rồi, nhưng tôi bị ép buộc phải làm điều đó, vì nó bắt đầu vào đêm hôm đó.”

“Điều gì bắt đầu?”

“Tất cả những điều kỳ bí trong trang trại. Thật buồn khi đã lại xảy ra những điều như vậy, sau khi chúng tôi sống trong yên bình qua từng ấy năm. Tôi muốn khẳng định với các ông rằng tôi rất kính trọng Gjaemaes, cậu ấy rất giỏi giang, ngăn nắp và cũng mềm mỏng hơn cha cậu.”

Asbjörn Krag lập tức ngắt lời ông ta.

“Ông muốn nói đến người cha đã khuất của Gjaemaes?”

“Đúng thế.”

Vị thám tử nhân cơ hội đó để quay trở lại với vụ chết người đã bị lãng quên từ lâu.

“Người ta có chắc chắn là ông ấy bị chết đuối không?” Ông ta hỏi.

“Có,” người quản gia trả lời, “ông ấy chết đuối. Chiếc thuyền bị lật úp, trôi dạt từ những đảo đá vào bờ... Vâng, như đã nói, nó bắt đầu vào đêm hôm đó,” ông ta tiếp tục. “Có một người đàn ông mang một lá thư đến cho gia đình Gjaemaes; khi đọc xong lá thư, cậu chủ chạy băng qua các gian phòng như lên cơn điên và gọi to tìm cô chủ.”

“Ông có biết lá thư ấy từ đâu đến không?”

“Không, tôi không biết điều đó, nhưng tôi đang đứng trong phòng làm việc của Gjaernaes khi nó được gửi tới. Đó là một phong bì lớn, màu vàng.”

“Ông có nhìn thấy nét chữ viết không?”

“Không, trong khi cậu Gjaemaes đọc những hàng chữ trên phong bì thì cậu chủ bắt đầu cư xử kỳ lạ.”

“Ông ấy có nói gì không?”

“Có, cậu ấy nói: *Chúa ơi, tôi chưa bao giờ gặp điều gì như thế này...* rồi xé phong bì ra và đọc lá thư. Vừa mới đọc xong những hàng đầu tiên thì cậu ấy như muốn ngã ra bất tỉnh. Mặt cậu trắng bệch một cách đáng sợ, vâng, như một xác chết ngồi trên ghế. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy điều kỳ lạ như thế.”

“Ông nói rằng, ông ta chạy băng qua các gian phòng?”

“Vâng, đấy là sau khi cậu chủ tỉnh lại. Nhưng trước đó, cậu ấy đuổi tôi đi: *Ông không được phép ở đây lâu hơn nữa. Trời đất quỷ thần ơi, ông không được phép ở lại đây lâu hơn nữa.* Cậu ấy không chờ cho tới khi tôi đi khỏi mà vội chạy như ma đuổi qua các gian phòng và gọi tìm cô chủ.”

“Cô ấy có ở nhà không?”

“Có, cô ấy có ở nhà.”

“Ông ấy nói gì với cô ấy?”

“Tôi không biết, vì tôi đã đi ra ngoài. Nhưng sau đó, tôi nghe các cô hầu bảo rằng cô chủ đã la lớn lên, nhưng rồi cố gắng trấn an Gjaemaes. Hai người nói chuyện rất lâu trong thư viện, đóng kín các cánh cửa. Sau đó tôi được gọi vào. Ông nghe này, ông quản gia, Gjaernaes nói, *mới đây tôi nhận được một lá thư rất bất ngờ. Một mặt thì đó là một tin rất khủng khiếp, nhưng mặt khác thì cũng rất vui. Dù sao thì tôi cũng đã bị kích động mạnh trong lúc đọc, và tôi xin ông hãy quên việc đó đi và không nói với bất cứ ai về điều này. Đó là một việc hết sức riêng tư và không có gì phải bàn tán về nó cả. Nhưng tôi không tin ông ấy, vì mặt Gjaernaes vẫn tái nhợt.*”

“Chuyện đó xảy ra lúc nào?”

“Khoảng 9 giờ tối.”

“Tức là trước khi viên kiểm lâm đến?”

“Vâng, nửa giờ trước đó. Khi anh ta đến, Gjaemaes lúc đầu không muốn cho anh ta vào nhà, nhưng cô chủ đã cho anh ta vào. Ba người nói chuyện một lúc lâu, và khi đã sắp trao đổi xong thì ông đến.”

Nói đến đây, ông quản gia gật đầu về hướng tôi.

“Cô chủ nhìn thấy ông qua cửa sổ,” ông ta nói tiếp. “Cô ấy chạy ra tìm tôi và yêu cầu tôi không cho ông vào nhà. Cả Gjaemaes cũng bước ra và bắt đầu hét lên như người điên: *Tôi không muốn bị ai quấy rầy*, cậu ấy nói rất to, *ông không thấy tôi đang ốm à?* Vì vậy, tôi buộc phải đối xử thô lỗ với ông, đó là lý do duy nhất.”

“Ông không nghe được họ nói gì à?” Vị thám tử hỏi.

“Không, không nghe được gì cả. Nhưng có một lần tôi nghe cô chủ trách móc Gjaemaes rất nhiều. *Đúng ra anh phải vui mừng, cô ấy nói, nhưng thay vì vậy thì anh lại tuyệt vọng.*”

“Rồi ông ta trả lời ra sao?”

“Cậu chủ nói: *Ừ thì tất nhiên là anh vui chứ, Hilde, nhưng chuyện này cũng thật đáng sợ. Chúng ta làm sao che giấu được?* Tôi cũng nghe ông ấy nói một điều gì khác nữa.”

Vị thám tử không hỏi thêm; tôi hiểu là chúng tôi đã đi đến mấu chốt vấn đề trong câu chuyện kỳ lạ của ông quản gia.

“Ông ấy còn nói một điều gì đó khác nữa”, ông quản gia nhắc lại, giọng nói nhỏ như đang thì thầm. “Tôi nghe được vì đúng lúc đó tôi đi qua phòng của họ. Gjaernaes nói: *Nhưng anh ta sắp lìa đời rồi.*”

Vị thám tử lắng nghe, nét mặt không biểu lộ điều gì.

“Ông ấy nói câu đó với ai?”

“Với cô chủ.”

“Tại sao không nói với kiểm lâm Blinde có mặt ở đó?”

““Lúc đó Blinde không có mặt; anh ta đang chờ trong phòng của cô chủ. Cô chủ và Gjaernaes ở trong phòng làm việc.”

“Ông có đoán được Gjaernaes muốn nói đến ai hay không?”

“Làm sao tôi biết được?”

Ông quản gia nhút nhát nhìn sang bên cạnh. “Nhưng có lẽ ông đã có suy nghĩ riêng của mình,” ông ta nói, “trong đêm đó, việc đáng sợ ấy đã xảy ra trên cánh đồng hoang. Viên kiểm lâm rời trại vào lúc 11 giờ.”

Asbjörn Krag ngồi im lặng một lúc lâu, rồi hỏi thẳng vào vấn đề.

“Làm sao Gjaemaes lại có thể liên quan đến vụ giết người này? Gjaernaes ở lại trang trại kia mà.”

Ông quản gia không trả lời, chỉ cúi đầu ngòl đó và ngượng ngùng xoay xoay chiếc mũ giữa những ngón tay. Sau một lúc lưỡng lự, ông ta lẩm bẩm:

“Tôi không có ý định đi gặp các ông nhưng rồi lại nghe được một chuyện khác. Tôi nghe người ta nói rằng ông đi khắp nơi và hỏi về một con ngựa... hay một chiếc xe.”

“Phải, tôi muốn biết rõ xem có ai trong vùng này đi lại bằng một chiếc xe trong đêm đó hay không.”

Ông quản gia ngẩng đầu lên.

“Hẳn là không có ai đúng không?”

“Không có ai... cả ông cảnh sát trưởng lẫn ngài mục sư đều không.”

“Hay là Gjaemaes?”

“Gjaemaes cũng không.”

Không ai nói gì một lúc lâu.

Vị thám tử lại hỏi. “Gjaemaes có nói gì với ông khi chúng tôi rời trang trại hôm đó không?”

“Ông có thể tự đoán ra được mà,” ông quản gia trả lời. “Cậu ấy yêu cầu tôi giữ kín mọi chuyện, điều mà bây giờ ngày nào cậu chủ cũng nói, kể từ khi nhận được lá thư đó.”

“Ông phải giữ kín chuyện gì?”

Sau khi ngần ngừ một lúc lâu, ông quản gia bắt đầu lắp bắp thật chậm,

“Gjaemaes... đúng là có đi ra ngoài bằng xe của ông ấy.”

Tôi đã nghĩ Asbjörn Krag hẳn phải đứng bật dậy sau thông tin mang tính quyết định này, nhưng ông ta vẫn ngồi hết sức bình thản, tựa như không có gì xảy ra. Sự bình thản ấy khiến tôi bức mình, cảm giác khó chịu lẫn cồn trong lòng. Tôi rất muốn đi ra ngoài để làn gió mùa hè làm dịu bớt gương mặt đang nóng rực của mình. Tuy vậy tôi vẫn ngồi yên như đã bị tê liệt, với những sợi dây thần kinh căng như dây đàn. Tôi muốn nói hay hỏi một điều gì đó, nhưng không dám mở miệng vì sợ chính giọng nói của mình; cổ họng tôi nặng nề đau đớn đến mức tôi không thể nói được gì. Còn người đàn ông kia thì cứ ngồi đó - mỉm cười, với đôi mắt khép hờ, tỉnh bơ! Trong khoảnh khắc này, tôi càng thấy ông ta thật đáng ghét. Ông ta xứng đáng bị như vậy, vì tôi biết rằng tôi không thể đoán được suy nghĩ của ông ta, dù chỉ một điều. Ông ta đang nghĩ gì? Ông ta tin điều gì, ngay lúc này? Đúng lúc đó, ông ta lên tiếng, chậm rãi đến bức mình, bằng một giọng lạnh đậm:

“Tức là Gjaemaes cũng đánh xe đi ra ngoài trong đêm đó, à há?”

“Vâng,” ông quản gia trả lời, “và không ai ở trang trại biết điều đó, ngoài tôi. Ngay sau khi viên kiểm lâm đi khỏi, Gjaemaes yêu cầu tôi âm thầm thắng ngựa vì muốn đi ra ngoài. Điều này thật là kỳ lạ, ông ấy còn muốn đi đâu trong đêm khuya như vậy? Và tại sao không ai được phép biết điều này? Tôi lặng lẽ dẫn ngựa ra phía sau sân trong, nơi chúng tôi để một chiếc xe ngựa ở đó, và thắng chúng vào chiếc xe này.”

“Tại sao ông lại dùng đúng chiếc xe đó?”

“Tôi không thể đi vào nhà để xe, vì nếu làm thế tôi sẽ đánh thức mọi người dậy hết. Như thế thì làm sao giữ bí mật được việc cậu chủ muốn đi ra

ngoài?”

“Ông ta đi một mình à?”

“Chỉ một mình. Tôi đề nghị cho tôi đi cùng, nhưng vừa mới nghe vậy cậu chủ đã giật mình thấy rõ và quát. Ông điên rồi à? Tôi phải hứa là sẽ đi ngủ ngay và không cần phải chờ cho đến khi cậu chủ về. Gjaemaes chạy xe ra cánh đồng hoang. Tôi đứng nhìn theo cho tới khi chiếc xe biến mất trong màn đêm, rồi tôi đi ngủ.”

“Ông ngủ ngay sau đó chứ?”

“Không, tôi không ngủ được. Tôi nằm thức trắng đêm, và nghĩ về những gì tôi đã nhìn thấy và nghe được. Trong lúc đó, tôi có cảm giác nhất định đã xảy ra chuyện gì đó thật kỳ lạ. Cậu chủ trông thật đáng sợ khi rời đi, giống như đang say rượu; nhưng tôi chắc chắn rằng cậu ấy chưa uống giọt nào cả.”

“Ông có nghe thấy tiếng ông ta trở về không?”

“Có, tôi nghe thấy tiếng ngựa và tiếng ồn từ chuồng ngựa khi cậu ấy trở về.”

“Ông ta dùng chiếc xe trông như thế nào để ra ngoài?”

“Một chiếc xe cũ, cọc cạch.”

“Bằng sắt à?” Vị thám tử hỏi.

Ông quản gia mỉm cười.

“Tôi biết ông có ý gì,” ông ta trả lời. “Tôi cũng đã nghe được câu chuyện xưa cũ đó, nhưng tôi không tin chuyện ma quỷ. Chiếc xe cũ ấy hẳn là gây khá nhiều tiếng ồn, nhưng dù thế nào đi nữa thì rất khó mà phân biệt được nó với những chiếc xe khác khi nó đã đi khá xa.”

“Nếu thế thì nó không phải là chiếc xe mà tôi nghe được phải không?”
Tôi sốt sắng nói xen vào.

“Chính nó đấy,” ông quản gia mỉm cười trả lời, “ông nghe đúng tiếng chiếc xe này đấy.”

Tôi im lặng.

Vị thám tử hỏi, “Nhưng sau đêm đó thì ông không nhìn hoặc nghe được điều gì kỳ lạ ở trang trại nữa chứ?”

“Ngược lại. Trang trại bây giờ có điều bí mật; tôi có cảm giác như nhiều điều kỳ lạ xảy ra mọi lúc mọi nơi. Bản thân cậu Gjaernaes và cô chủ cũng hoàn toàn khác trước đây.”

“Ông nghĩ gì khi nghe tin về vụ giết người?”

“Tôi không nghĩ gì cả,” ông quản gia lầm bầm, “nhưng khi tôi biết rằng ông đi khắp nơi để hỏi về một chiếc xe thì lương tâm tôi không cho phép tôi cứ lặng im về những gì tôi biết.”

“Tôi biết là ông sẽ tới gặp tôi,” vị thám tử nói cộc lốc.

“Ông nhìn tôi một cách rất kỳ lạ khi từ già Gjaernaes lúc ra về,” ông quản gia trả lời. “Tôi không được phép chần chừ lâu hơn nữa.”

Ông ta đứng dậy.

“Tôi cũng không nghĩ rằng mình đã làm điều gì không đúng,” ông ta nói tiếp. “Tôi đã nói với cậu chủ rằng tôi muốn tới gặp ông.”

“Ông ta có muốn ngăn cản ông không?”

“Tất nhiên rồi, những khi nhận ra là không thể nào ngăn cản được tôi thì cậu ấy đã nhấn mạnh rằng tất cả những gì xảy ra chỉ liên quan đến bản thân cậu thôi.”

Asbjörn Krag ngồi đó rất lâu, trầm ngâm suy nghĩ.

“Bây giờ thì ông có thể trở về trang trại,” cuối cùng Asbjörn Krag nói.

“Thưa, vâng.”

“Thế thì cho tôi gửi lời hỏi thăm Gjaernaes và nhờ ông hỏi ông chủ giúp tôi rằng, khi nào thì ông ta cảm thấy thích hợp để tiếp tôi?”

“Thích hợp ư?” Tôi ngạc nhiên nói to.

Asbjörn Krag xua xua tay về phía tôi và tiếp tục nói với ông quản gia:

“Thêm nữa, ông có thể nói với ông ta rằng tôi không muốn đi sâu vào những chuyện bí mật của ông ta.”

Ông quản gia rời đi không lâu sau đó, và tôi ở lại với Asbjörn Krag.

“Ông đang nghĩ gì?”

“Tôi cảm thấy Gjaemaes tiêu tùng rồi,” tôi trả lời. “Đó thật là một điều bất hạnh - một người bạn đáng thương!”

Nhưng những ý nghĩ của Asbjörn Krag hẳn phải đi xa lắm rồi, vì ông ta nói mơ hồ:

“Tiêu tùng rồi, vâng, vâng. Ông có ý thế à?” Ông ta càng lúc càng ít nói, và tôi cho rằng ông ta muốn yên tĩnh suy nghĩ nên đã rời khỏi đó.

Tôi đến phòng ăn để ăn bữa tối khá muộn, mãi 11 giờ mới ăn xong. Khi tôi đi ngang qua cửa sổ phòng ông ta, tôi nghe thấy tiếng bước chân qua lại. Nhưng vì không muốn quấy rầy ông ta nên tôi lại trở về căn nhà nhỏ của tôi. Một cơn mưa đông đang kéo đến. Cho đến lúc đó thì trời quang mây tạnh, nhưng đột nhiên mưa ào ào kéo đến từ phía chân trời. Gió thổi rất mạnh, mang theo không khí ẩm ướt và không gian bắt đầu mịt mù. Cơn

dông bão kéo đến bất chợt, tựa như một làn hơi nước nhanh chóng đọng lại trên tấm kim loại khi người ta hà hơi vào. Biển xô những đợt sóng xanh xám vào cảng. Vài tiếng trước vẫn còn lặng sóng, nhưng bây giờ mặt biển phía chân trời đang đổ xuống, tạo thành một rãnh sâu màu đen ở ngoài khơi; mưa bão bắt đầu tiến đến gần.

Tôi đi nhanh dọc theo bãi biển để có thể mau chóng về đến ngôi nhà nhỏ. Bất giác, tôi cũng nhận thấy nó cô đơn thế nào khi nằm ở ngoài này. Tôi chưa từng có cảm giác ấy trước đây, và tôi hối hận rằng đã không cố gắng tìm một nơi ở khác. Khi tôi đóng cánh cửa sau lưng lại thì nước mưa cũng đã chảy dài trên các tấm kính cửa sổ.

Bạn đọc sẽ hiểu rằng sau tất cả những gì đã trải qua và nghe thấy, tôi không tài nào ngủ được.

Tôi khóa cửa, kéo màn che các cửa sổ lại và bật đèn. Rồi tôi cố gắng đọc một cuốn sách nhưng nhiều câu tôi phải đọc đi đọc lại mà vẫn không hiểu gì. Tôi không thể tập trung tâm trí được. Cuối cùng, tôi đặt cuốn sách xuống, nhắm mắt và nhắc lại câu nói cuối cùng của Asbjörn Krag, “Xong rồi, vâng, vâng. Ông có ý thế à?...”

Dần dần, tôi bình tĩnh lại và ngủ thiếp đi; trong lúc nghe tiếng mưa nhỏ dần rồi tạnh hẳn. Có lẽ tôi đã ngủ được một hay hai phút nhưng rồi đột ngột choàng dậy vì tiếng đập cửa ồn ào.

Thật sự là có người đang gõ cửa.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là: *Cửa khóa rồi, thật là tốt!*

Nhưng ai đó vẫn tiếp tục gõ cửa.

“Ai đấy?” Tôi lên tiếng hỏi to.

Không có tiếng trả lời. Tôi có thể đếm được nhịp tim của mình, ngực trái rung lên thành thạch. Sợ hãi lúc này thật ngớ ngẩn nhưng cũng dễ hiểu, bởi tôi giật mình tỉnh dậy từ một giấc ngủ không sâu.

Lại có tiếng gõ cửa bằng những ngón tay xương xẩu, cứng rắn vang lên. Đó thực sự là một cảm giác khó tả, khi biết rằng có ai đó đứng ở ngoài kia trong bóng đêm. Là ai thế nhỉ?

Tôi hỏi, giọng to hết sức có thể. Cuối cùng cũng có tiếng trả lời, nhưng tôi không hiểu được nó; tiếng nói vừa trầm vừa lùng bùng.

“Ai đó?”

“Hãy mở cửa,” giọng nói ấy trả lời.

Đó là vị thám tử. Tôi xoay chìa khóa và mở tung cánh cửa. Ông ta đứng đó, trong ánh sáng mờ mờ. Ông ta chào tôi một cách châm biếm, hạ mũ xuống mức thấp nhất để lộ cái đầu hói loang loáng trong màn đêm.

“Ông đấy à?” Tôi ngạc nhiên hỏi. “Sao đến muộn thế?”

“Vâng,” ông ta trả lời. “Đã 1 giờ đêm rồi. Tôi làm ông giật mình à?”

“Không đâu.”

“Ôi, cứ thừa nhận đi! Ông ngủ chưa?”

“Chưa.”

“Sao ông còn chưa đi ngủ?”

Tôi tin rằng ông ta đang giễu cợt tôi và bắt đầu thấy bức mình, nhưng ông ta nhanh chóng nói tiếp mà không chờ câu trả lời của tôi:

“Tôi hy vọng ông thứ lỗi cho tôi, nhưng tôi đến đây với một yêu cầu quan trọng.”

“Tại sao ông không trả lời ngay khi tôi hỏi lần đầu?”

Asbjörn Krag cười khố không thành tiếng. Đèn chỉ vừa đủ sáng để nhìn thấy ông ta, nhưng tiếng cười ấy như phát ra từ chốn tranh tối tranh sáng.

“Xin lỗi,” ông ta nói, “tôi thử nghiệm thôi. Tôi nghĩ là ông sợ và cảm thấy buồn cười khi nghe ông hỏi to thêm lần nữa. Tôi nghĩ chỉ một người đang sợ hãi mới hỏi như thế.”

“Thế thì ông lầm rồi,” tôi trả lời và đóng bớt cánh cửa lại. “Như ông thấy đây, tôi đang chuẩn bị đi nghỉ. Tôi không muốn bị quấy rầy.”

Nhưng ông ta cứ đẩy chiếc gậy đi đường vào giữa cửa.

“Đi với tôi nào,” ông ta nói, “tại sao ông lại muốn bỏ lại tôi một mình vào đúng lúc này nhỉ?”

“Có chuyện gì thế? Có chuyện gì lạ thường xảy ra à?”

“Đúng thế.”

Tôi nhận thấy nét mặt Asbjörn Krag có vẻ rất nghiêm trọng và nhanh chóng quyết định sẽ đi cùng ông ta, dù thế nào đi chăng nữa. Vì vậy tôi đội mũ lên, sau đó hết sức nhẹ nhàng mở ngăn kéo cất súng ra.

“À,” tôi nghe tiếng vị thám tử lẩm bẩm, “ông mang theo súng.”

“Một thói quen từ những chuyến đi xa của tôi,” tôi trả lời. “Có nhiều điều kỳ lạ xảy ra ở ngoài kia. Tôi có cần mang theo áo mưa không?”

Asbjörn Krag ngẩng lên nhìn trời.

“Mây tan rồi,” ông ta nói, “chắc không mưa nữa đâu.”

Và chúng tôi lên đường.

Đi được khoảng trăm bước chân, Asbjörn Krag đứng lại nói:

“Ông quên tắt đèn rồi.”

Ông ta chỉ tay về phía ngôi nhà nhỏ của tôi, im lìm trong đêm hè tĩnh mịch, trông thật sự giống một ngôi nhà của người canh gác hải đăng.

“Vâng,” tôi nói, “nhưng không sao cả. Tôi sẽ không mất công đốt lại cây đèn khi trở về. Hy vọng là chuyến đi này không lâu lắm.”

Vị thám tử không trả lời, nhưng sau khi chúng tôi đi được nhiều lắm cũng chỉ trăm bước nữa, ông ta lại hỏi:

“Ông cố tình không tắt đèn à?”

“Tôi không hiểu ý của ông.”

Asbjörn Krag lại cười, nhưng ngắn và ngưng đột ngột.

“Nhà của ông ở nơi vắng vẻ,” ông ta nói, “rất vắng vẻ - và đúng là trong đêm nay thực sự rất tối tăm.”

Như để xoa dịu cơn giận dữ đang trỗi dậy trong tôi, ông ta nhẹ nhàng nắm lấy cánh tay tôi, liên tục đưa ra vài câu xin lỗi, rằng ông ta đã quấy rầy tôi.

“Vâng, tại sao ông lại đến gọi tôi?” Tôi hỏi, giọng mất kiên nhẫn.

“Tôi muốn giải thích với ông,” ông ta trả lời. “Có những lúc tôi không thể tin vào giác quan của mình. Tôi đã nghe được tiếng động nào đó trong đêm nay.”

“Tức là ông vẫn còn thức à?”

“Phải, và không chỉ đêm nay. Tôi ngủ rất ít, ông bạn thân mến ạ.”

“Ông đã nghe được gì?”

“Tôi nghe tiếng chiếc xe sắt,” vị thám tử trả lời.

Ông ta nói điều đó nhẹ nhàng như không, hoàn toàn không chút cảm xúc nào, giống như người ta nói về một bài hát hoặc tiếng chim hót. Chúng tôi cứ thế tiếp tục bước đi trong đêm tối. Sóng biển vỗ rì rầm lên bờ, chúng tôi không thể nghe được tiếng bước chân của mình.

“Có thể ông không tin tôi,” vị thám tử nói tiếp, “vì ông không trả lời gì cả.”

“Có, tôi tin ông, nhưng tôi phải nói gì đây?”

Chúng tôi mở một cái cổng và đi ngang qua vài ngôi nhà. Không có chút ánh sáng nào, tất cả các cửa sổ đều tối đen. Tôi có cảm giác như những căn nhà đó giờ đã bỏ hoang, không một bóng người, và tất cả mọi người đều đã đi xa, rất rất xa. Chúng tôi không thấy được gì nhiều, con đường, cây cối và nhà cửa, tất cả đều xuất hiện trong bóng tối khi chúng tôi bước tới. Xung quanh chúng tôi, những chòm cây cao màu đen nhô lên như một bức tường tăm tối.

“Chúng ta đi đâu?” Tôi hỏi.

“Ra ngoài cánh đồng hoang,” Asbjörn Krag trả lời.

“Ông tin là có chiếc xe sắt à?”

“Tôi đã nghe được tiếng của nó. Tôi đứng ở cạnh cửa sổ mở và nghe tiếng nó ở rất xa, như tiếng loảng xoảng của dây xích sắt. Tiếng động ấy được gió mang đến chỗ tôi, và bây giờ thì tôi muốn đi ra cánh đồng hoang để xem nó là cái gì mà lại đang chạy lòng vòng trong đêm như vậy.”

Chúng tôi đi vào khu rừng; cây cối bao quanh chúng tôi khắp mọi phía

một cách ngọt ngào. Bây giờ, chúng tôi không còn nghe được tiếng động nào nữa, tiếng rì rào của biển cũng không vào được đến đây. Chúng tôi rảo bước nhanh hơn.

“Ông có nghĩ rằng không lâu nữa trời sẽ sáng không?”

“Nửa giờ nữa trời sẽ bắt đầu rạng sáng,” Krag trả lời.

Nhưng trời như đã bình minh khi chúng tôi bước ra khỏi khu rừng. Tôi có thể nhìn rõ từng thân cây gần nhất và nhìn xa ra cánh đồng hoang trước khi bị bóng tối che mắt.

Ở bên phải chúng tôi, những ngọn núi như đám thung bầu trời đêm tối tăm. Ngôi nhà của những người đào cát nằm cạnh chân núi với mái nhà rộng và nhô ra phía trước, dễ khiến người ta liên tưởng tới một bàn tay che nắng cho đôi mắt.

“Ông có nhìn thấy ngôi nhà màu xám đỏ không?” Vị thám tử hỏi.
“Trông như một sinh vật sống, đang nhìn trừng trừng chúng ta.”

Tôi bất chợt nói thêm vào, hoàn toàn không có chủ ý gì:

“Vâng, nhưng xác chết đã được lấy đi rồi.”

Chúng tôi đứng đó và lắng nghe.

Tôi không nghe thấy gì.

“Cái đồng hồ khốn kiếp,” Asbjörn Krag thì thào, “tôi chỉ nghe thấy tiếng của nó!”

Khi được nhắc về cái tiếng ấy, tôi cũng nghe được tiếng tíc tắc vô tận...

Krag lôi nó ra khỏi túi và giữ không cho nó chạy nữa.

Tuy nhiên, những đêm như vậy luôn vang lên tiếng ù ù trầm trầm không

ngủt. Nếu không nghe thấy gì thì bạn sẽ chỉ thấy xung quanh mình toàn tĩnh lặng và chết chóc, nhưng nếu lắng tai nghe thì kể cả tĩnh lặng cũng sẽ bắt đầu thì thầm. Có thể là tiếng gió thổi qua những ngọn cây, càng cố lắng nghe thì tiếng càng lớn. Mà cũng có thể là chẳng có tiếng gì thật; như thế chính sự tĩnh lặng ấy đang thì thầm trong tai ta, những tiếng vù vù đều đều lớn dần thành một cơn bão dữ dội ở đằng xa. Một gợi ý, một ấn tượng về thứ gì đó vĩ đại, đầy bí ẩn nằm ngoài những giác quan của con người.

“Chúng ta đi thôi!” Krag nói.

Tôi muốn hỏi ông ta rằng chúng tôi sẽ đi đâu, nhưng vừa mở miệng nói được mấy từ: “Tôi không hiểu chúng ta đang...,” thì Asbjörn Krag đã nắm chặt lấy cánh tay tôi.

Không cần phải vận hết mọi giác quan, vì bây giờ chúng tôi nghe thật rõ ràng tiếng ồn ào đặc trưng của kim loại đang vọng tới từ xa, nghe như tiếng những nô lệ kéo lê sợi xích trên mặt đất ở phía chân trời vậy. Đó chính là cỗ xe sắt.

Tiếng động ấy to lên và rồi lại giảm dần. Trong giây lát, tôi cảm giác âm thanh đó ồn ào đến nỗi tôi có thể nghe thấy cả tiếng trục bánh xe lăn ầm ầm nhưng rồi ngay sau đó lại nhỏ dần, văng vẳng, vang đến từ độ xa chừng một dặm và tắt ngúm, để rồi lại to dần lên, giội thẳng vào tai chúng tôi.

Chúng tôi đứng đó lắng tai nghe tiếng động của chiếc xe sắt chừng mười phút hoặc hơn thế.

“Tôi có cảm giác nó chạy lòng vòng,” Asbjörn Krag lẩm bẩm, “giống như nó chạy một vòng tròn rất lớn trên cánh đồng hoang.”

Ông ta cố nhìn qua màn đêm, nhưng tù mù và tuyệt không thể thấy gì.

Thế là ông ta bực dọc chửi thề.

Tôi hỏi ông ta rằng chúng tôi có nên đi ra cánh đồng hoang với hy vọng nhìn thoáng qua được chiếc xe ngựa bí ẩn ấy không.

“Nhưng chúng ta phải đi theo hướng nào bây giờ?” Krag hỏi lại gần như tức khắc. “Không thể biết được tiếng động ấy đến từ đâu, nó cứ đi một vòng thật lớn, lúc ở hướng bắc, lúc ở hướng tây. Ông cứ nghe đi, giờ thì dường như nó đang đến gần!”

Và thật sự có vẻ như vậy, vì tiếng động leng keng rồn rảng của sắt càng lúc càng ồn ã và rõ ràng.

Ngay sau đó, Krag nói:

“Bây giờ nó không còn xa nữa đâu.”

“Tôi chỉ nghe được tiếng bánh xe lóc cóc,” tôi thì thầm, “và hoàn toàn không có tiếng vó ngựa. Đó phải là một chiếc xe kỳ lạ.”

Nhưng chúng tôi vẫn không nhìn thấy nó. Chiếc xe ấy chạy trong bóng tối. Chúng tôi bất giác nép sát vào những thân cây vì có cảm giác như nó sẽ xuất hiện từ trong bóng tối chỉ trong vòng vài phút nữa, và chạy ngang qua chỗ chúng tôi.

Đột nhiên, Asbjörn Krag nắm lấy tay tôi.

“Ông có nghe thấy không?” Ông ta thì thầm, gương mặt hết sức căng thẳng.

“Tôi không nghe được gì khác ngoài chiếc xe sắt.”

“Tôi có cảm giác,” ông ta lẩm bẩm, “như nghe được một tiếng hét... Nhưng có thể tôi nhầm.”

Cho tới lúc ấy, chiếc xe chạy ở phía ngay trước mặt chúng tôi; nhưng giờ

thì dường như nó đã đổi hướng và biến mất sau cánh rừng. Bất thành lời, tiếng động loảng xoảng của sắt cũng không còn rõ nữa.

“Trời đất ơi,” tôi nói, “nó chạy ra hướng biển!”

“Không có con đường nào bên kia khu rừng à?”

“Không, hoàn toàn không có con đường nào hết - chỉ có đá tảng và hố cát thôi.”

Không nghi ngờ gì nữa, chiếc xe chạy thẳng ra biển, tiếng những bánh xe sắt đang lăn tắt dần khi nó chạy đi xa.

“Hẳn là nó sẽ vỡ thành trăm mảnh thôi,” tôi nói to, “thật điên rồ!”

“Nhưng tiếng động nghe vẫn đều đặn,” Asbjörn Krag nói và nhìn vào màn đêm đen tối trong khu rừng. “Chỉ là nghe nó tiếp tục đi xa dần thôi.”

“Bây giờ thì nó sắp ra đến bãi biển rồi,” tôi nói vì biết rõ vùng này. Krag gật đầu.

Rồi tiếng ồn đó bỗng nhiên tắt hẳn.

“Chiếc xe không chạy nữa rồi,” tôi nói.

“Hay là nát bét rồi!” Krag trả lời. “Đi thôi, chúng ta đến đó.”

Ông ta phăm phăm bước đi trước mà không chờ tôi. Tôi đi theo sau, nhưng ông ta đi rất nhanh và bỏ tôi một đoạn xa tới mức ông ta gần như biến mất vào màn đêm.

Chúng tôi đi đến phía bên kia cánh rừng và bắt đầu xuống dốc. Bóng đêm đã lui bước, đủ để chúng tôi nhận ra biển cả thấp thoáng phía dưới. Làn gió lạnh thổi tới chỗ chúng tôi; cái lạnh như xuyên thấu lồng ngực. Krag đứng lại, nhìn xuống con dốc lớn. Đâu đó, những cành thông đã bị gió biển thổi hướng vào trong đất liền không ngừng. Con dốc đầy những tảng

đá, hổ và những đụn cát do gió thổi dồn lại với nhau, cỏ mọc thưa và thấp, dễ khiến người ta liên tưởng đến một gương mặt râu ria lởm chởm. Không có đường đi, gần như không thể đi bộ xuống dưới đó chứ không nói đến đến đi xe! Làm sao một chiếc xe có thể di chuyển ở đây được? Nó sẽ tan nát ra ngay lập tức. Nhưng mặc dù vậy, chúng tôi đã nghe được tiếng động của những bánh xe đang lăn đi, đều đặn và theo nhịp; cứ xa dần, cho tới khi tắt hẳn. Bây giờ nó đang ở đâu? Chúng tôi nhìn chăm chú xuống con dốc, đảo mắt nhìn khắp nơi nhưng chỉ thấy cỏ, đá, những đống cát mà không thấy chiếc xe nào.

Asbjörn Krag đi một đoạn dài xuống con dốc và nhìn xuống đất suốt trong thời gian đó.

Rồi quay lại nhìn tôi, ông ta nói, “Không có dấu bánh xe!”

“Không có dấu bánh xe,” tôi ngơ ngác nhắc lại. “Thế thì có thể chiếc xe ấy không chạy theo hướng này.”

“Nó không thể nào chạy xuyên qua khu rừng rậm được,” vị thám tử nói. “Đi thôi, chúng ta hãy trở về cánh đồng hoang.”

Khi chúng tôi quay lại, xa tới mức không còn nhìn thấy biển được nữa, Asbjörn Krag hỏi:

“Chiếc xe đổi hướng độ chừng ở đây, chúng ta có thể biết được điều ấy qua tiếng động.”

“Hay là xa hơn một chút nữa?” Tôi hỏi.

Asbjörn Krag suy nghĩ.

“Phải, có lẽ thế,” ông ta lẩm bẩm.

Chúng tôi đi tiếp vài bước, nhưng rồi tôi bất ngờ đứng lại.

“Ông có biết khu này không?” Tôi thì thầm.

Vị thám tử chớp mắt nhìn tôi, gần như giấu cợt.

“Có,” ông ta trả lời, “tôi biết rõ khu này. Tại sao mặt ông lại tái nhợt như vậy?”

“Tôi có tái nhợt đâu,” tôi trả lời, “nhưng những đêm không ngủ liên tục như thế này chắc đã làm cho thần kinh tôi không còn vững nữa.”

Rồi tôi chỉ về phía trước:

“Kia là nơi chúng tôi tìm thấy viên kiếm lâm, cạnh hòn đá màu xám. Nạn nhân nằm úp mặt xuống đất.”

Asbjörn nhăn trán.

“Ở bên cạnh hòn đá xám ư? Không thể được!” Ông ta lăm bắm, và nhìn quanh xem xét. “Tôi không hiểu hòn đá ấy ở đâu ra.”

Tôi cười to và trả lời:

“Nhưng có một hòn đá nằm ở đó, và chính xác là nơi chúng tôi tìm thấy người chết.”

Asbjörn Krag đi tới nơi. Tôi thấy ông ta cúi người nhìn xuống hòn đá xám, thế rồi tôi cũng chạy nhanh tới đó.

Đó không phải là một tảng đá xám, mà là một người đàn ông già nằm ở đó. Ông ấy có một vết thương đáng sợ ở sau đầu.

“Ông ấy chết rồi,” Asbjörn Krag nói và xoay người nạn nhân lại để có thể nhìn thấy gương mặt. “Ông ấy chết chưa được mười lăm phút!”

Giờ thì tôi không nhớ được tôi đã nghĩ gì hay có cảm giác nào chính trong khoảnh khắc đó. Có lẽ tôi đã không nghĩ thông suốt. Tôi nhìn xác nạn

nhân mà không sao hiểu nổi, như thể mình đã tê liệt vì cảm nhận được một thực thể kỳ bí và vô thực. Tôi không sao nói nên lời. Tuy nhiên, tôi vẫn nhớ là mình đã hành động trong vô thức và bối rối. Tôi cúi xuống bởi quần áo nạn nhân; bộ đồ kẻ sọc bằng vải dày. Asbjörn Krag đánh thức tôi.

“Chiếc xe sắt đã giết chết ông ấy.”

“Chiếc xe sắt... ” Tôi lẩm bẩm.

“Phải,” vị thám tử trả lời, “ông không nhận ra ông ta sao?”

Tôi nhìn vào gương mặt già nua xám xịt của người đàn ông. Tôi biết người này, tôi đã nhìn thấy ông ấy ở đâu nhỉ? Ý nghĩ của tôi trôi đi lan man, tôi cố lục lọi trong trí nhớ của mình.

“Ông không nhớ tấm hình ấy sao?” Vị thám tử hỏi một cách cộc cằn. “Tấm hình trong phòng của Gjaernaes, với bộ râu nhọn, mũi khoằm và đôi mắt nhỏ?”

Tôi kinh hoàng nhìn vị thám tử.

“Đúng rồi, đúng rồi, ông già Gjaernaes, người đang nằm đây là ông già Gjaernaes. Trời đất ơi, nhưng ông ấy chết đuối vào bốn năm trước rồi mà?”

“Nhưng mãi tới bây giờ, ông ấy mới chết thực sự,” Asbjörn Krag trả lời.

Vị thám tử cẩn trọng nắm lấy cánh tay tôi.

“Ông đừng không vững kìa,” ông ta nói, “rõ ràng là thần kinh ông kém quá.”

Bây giờ thì môi tôi sắp sửa tái xanh, và hơi ẩm chạy rần rần dọc phía sau đầu và gáy, dấu hiệu báo trước cho tôi biết rằng một cơn bất tỉnh sắp đến. Phong cảnh bắt đầu méo mó qua đôi mắt vô hồn của tôi. Tôi nhìn thấy ban ngày đang vén rèm, một dãy sáng dài nhô lên trên cánh đồng hoang và rải

những tia nắng xuống khu rừng. Những cây thông ở hàng đầu tiên óng ánh như được dát vàng. Tôi nhìn người chết, nhìn Asbjörn Krag, rồi lại hướng ánh mắt qua cánh đồng hoang. Tôi không thể hiểu gì hết và trong vài giây tôi đã bị choáng ngợp bởi cảm giác như đang trong mơ. Tuy thế, các giác quan của tôi vẫn hoạt động và thu thập thông tin. Một hình ảnh dị thường của bình minh, kéo dài chưa tới mười giây, đã in hằn vào tâm trí tôi. Bầu trời ở phía đông không còn là bầu trời nữa, mà là một vực thẳm đầy ánh sáng đang dẫn đến những thế giới xa xôi còn chưa được biết tới. Mây đùn thành từng ụ ở chân trời, tập hợp thành những hình dạng kỳ quái, như những con thú lạ thường với những cái bờm đang cháy bùng bùng, những tia lửa bắn ra từ những cái móng có cánh - một bầy thú hoang đang bị những dây cương làm từ muôn vàn tia sáng mặt trời rứt rứt kìm hãm; đó là đội tiên phong của đoàn kỵ binh vàng trong ngày. Rồi mặt trời mọc ở chân trời, vang lên tiếng động ầm ì...

Tôi nghe thấy giọng nói của Asbjörn Krag từ phía xa, rất xa.



GƯƠNG MẶT

Cơn bất tỉnh của tôi kéo dài nhiều giờ. Khi tỉnh lại, tôi cảm nhận được cơ thể mình đang bị ai đó lắc dữ dội. Tôi nằm trong xe, nghe tiếng nói và nhìn thấy một gương mặt quen thuộc. Đó là ông cảnh sát trưởng.

“Ông tỉnh rồi à?” Ông ta hỏi. “Ông cứ nằm yên, chúng ta sắp tới nơi rồi.”

“Mấy giờ rồi?” Tôi hỏi.

“7 giờ,” ông ta trả lời.

“7 giờ sáng ư?”

Ông ta cười to.

“Đúng thế.”

Các sự kiện trong đêm khuya giờ chỉ là hư ảo trong tâm trí tôi. Nhưng tôi không dám hỏi vì không biết là mình đã nằm mơ hay đã bị ốm.

“Asbjönr Krag đâu rồi?”

Ông cảnh sát trưởng hất đầu.

“Ở đằng kia, trên cánh đồng hoang.”

Tức là tôi đã thực sự trải qua những việc đó. Tôi ngồi dậy trong xe. Chúng tôi đã tới gần cảng nơi người dân đang đến và chuẩn bị tàu thuyền, tức là chẳng bao lâu nữa tôi sẽ ở trong ngôi nhà nhỏ của mình. Bị cơn mệt mỏi đáng sợ đè nặng, tôi khao khát được ngủ một giấc sâu trên chiếc giường của mình.

Nhưng tôi không muốn mình yếu ớt tới vậy, nên tôi đã cố gắng tự trèo xuống xe một cách mệt nhọc. Khi đến ngôi nhà nhỏ, tôi nhìn thấy cây đèn trên bàn vẫn đang cháy. Tôi tắt nó đi và lao lên giường ngay lập tức. Khi tôi thức giấc vào 4 giờ chiều, Asbjörn Krag đã đang ngồi trong phòng.

Tôi cảm thấy mình như đã hoàn toàn khỏe lại và muốn ngồi dậy.

“Ông hãy nằm thêm chút nữa,” Asbjörn Krag nói. “Nghỉ ngơi sẽ tốt cho ông.”

“Tôi đã trải qua một đêm kỳ lạ,” tôi trả lời, “và không biết cái gì là mộng, cái gì là thực.”

Vị thám tử mỉm cười.

“Dù sao đi nữa thì chúng ta cũng không nhìn thấy chiếc xe sắt,” ông ta nói, “và đó mới là mục đích của chúng ta.”

“Không, điều này thì tôi nhớ. Chúng ta cũng không tìm thấy dấu vết nào của nó.”

“Nó không để lại dấu vết nào cả.”

“Có phải ông đang xúi cho tôi tin vào chiếc xe ma đó không, ông Krag thân mến?”

“Hoàn toàn không phải thế. Nhưng chiếc xe sắt này không để lại dấu vết.”

“Ông đã phát hiện ra bí mật gì à?”

“Đúng thế.”

“Và tìm thấy chiếc xe?”

“Chưa, nhưng không lâu nữa tôi sẽ tìm thấy nó. Nếu ông đã hoàn toàn khỏe lại, chúng ta có thể cùng nhau đi làm việc, và rồi chúng ta sẽ tìm thấy chiếc xe sắt.”

“Một nhiệm vụ mới...?” Tôi lăm bằm, nghi ngại dò xét thái độ của vị thám tử.

Ông ta lại mỉm cười.

“Tôi đoán được ý nghĩ của ông đấy,” ông ta nói, “chỉ là ông ngại không muốn hỏi thôi.”

Điều này thì đúng. Tôi vốn e dè mấy chuyện hỏi han. Tôi vẫn nhớ rõ hình ảnh của người chết trên cánh đồng hoang ấy, ông già Gjaemaes, người được cho là đã chết đuối bốn năm về trước. Tôi hẳn đã nằm mơ, nhưng lại rõ ràng và sinh động đến phát sợ. Toàn cảnh bình minh kỳ quái lại trở về trong tâm trí của tôi, tôi có thể nhớ rõ mọi chi tiết, những bãi cỏ trên cánh đồng hoang, những thân cây sáng lên như dát vàng trong ánh sáng đầu tiên của ngày mới, bộ com-lê của người chết được may bằng vải sọc - nhưng tất cả những điều đó phải chăng là một giấc mơ?

“Tôi phải rời khỏi đây,” tôi nói, “tôi bắt đầu sợ những cơn kích động này rồi.”

“Vâng, ông không dạn dĩ như tôi nghĩ lúc ban đầu,” vị thám tử trả lời. “Sự việc vừa rồi đã ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe của ông. Nếu như lúc đó tôi không kịp đỡ thì ông ngã xuống đất rồi.”

Tôi ngồi dậy trên giường. Bây giờ thì tôi mới nhận ra rằng trí óc mình vẫn chưa hoàn toàn tỉnh táo.

“Ông hãy thành thật với tôi,” tôi yêu cầu ông ta, “hãy kể cho tôi biết đêm qua chúng ta đã trải qua những gì?”

“Ông cũng nhớ được mọi điều như tôi kia mà!”

Tôi không muốn đi thẳng vào sự việc nên mới hỏi. “Ông đã nói chuyện với Gjaernaes trẻ chưa?”

“Rồi,” viên thám tử nói, “ông ấy vừa mới về nhà.”

“Một mình hay có người ở cùng?”

“Không có ai ở cùng cả.” Viên thám tử đứng dậy, bắt đầu đi lại trong phòng, vẻ trầm tư suy nghĩ.

“Ông Krag thân mến,” tôi tiếp tục, “ông khẳng định rằng chúng ta quả thật đã trải qua tất cả những gì mà tôi nghĩ rằng mình đã trải qua ư?”

Viên thám tử đứng lại trước mặt tôi, im lặng nhìn tôi rất lâu.

“Đúng thế,” ông ta nói, “chúng ta đã trải qua những sự việc thật kỳ lạ trong đêm qua.”

“Tôi nhớ là chúng ta đã phát hiện ra một người chết.”

“Đúng thế!”

“Một ông già. Và chúng ta đã tìm thấy ông ta đúng ở nơi mà trước đây ba tuần đã tìm thấy viên kiểm lâm.”

Asbjörn Krag gật đầu xác nhận.

“Đúng ở nơi mà chúng ta nghĩ rằng chiếc xe sắt đã lăn xuống biển.”

Ông ta lại gật đầu.

“Nhưng ông già ấy,” tôi lắp bắp, “ông già ấy... nhưng không thể nào, ông Krag thân mến ạ... không thể như thế được...”

“Ông già đó”, viên thám tử nói tiếp, “là cha của Gjaemaes trẻ.”

“Nhưng ông ta chết đuối cách đây bốn năm rồi mà!”

“Không, chính điều đó mới là không thể.”

“Không thể?”

“Rõ ràng rồi còn gì,” viên thám tử trả lời, “vì ông ta chắc chắn vẫn còn sống vào 2 giờ sáng đêm qua!”

“Chiếc thuyền của ông ta bị lật và trôi dạt ở ngoài kia, giữa những bãi đá ngầm,” tôi lắp bắp.

“Và chiếc mũ của ông ta trôi nổi trên mặt nước,” viên thám tử nói tiếp trong lúc bước tới cửa sổ, kéo màn sang một bên. “Mọi tính toán đều hợp lý.”

Tôi suy nghĩ và lờ mờ hiểu ra ý tứ của vị thám tử.

“Tức là ông tin rằng,” tôi hỏi, “ông già Gjaemaes đã dựng lên màn kịch chết đuối à?”

“Đúng thế.”

“Rồi ông ta chạy trốn, biến mất... và cố tình để cho người ta nghĩ rằng ông ta đã chết đuối.”

“Phải.”

“Nhưng tại sao... tại sao?”

“Tôi sẽ giải thích cho ông,” ông ta nói. “Ông già Gjaemaes là một tên lừa đảo, cái chết đã giúp ông ta thoát khỏi tội lừa đảo bảo hiểm.”

“Làm sao ông biết được điều này?”

“Tôi đã nghi ngờ việc này từ lâu rồi, nhưng giờ mới có được bằng chứng cụ thể, một phần do tôi đã tận mắt nhìn thấy ông già, một phần do Gjaemaes trẻ kể lại. Ông bạn thân mến, ông nghĩ rằng tôi đến đây để du lịch - rằng tôi giết thời gian chủ yếu bằng cách đi dạo, đọc sách, ăn uống và tắm rửa ư? Thật ra tôi đã điều tra câu chuyện đáng sợ này suốt thời gian ấy, cả ngày lẫn đêm không ngừng nghỉ, chỉ trừ lúc ngủ ra. Vâng, đúng là tôi đã đi dạo xa, nhưng tôi vẫn luôn làm điều đó để phục vụ cho việc phá án — hoặc là cần tìm cái gì đó hoặc tìm ai đó có thể thẩm vấn. Trong lúc dùng bữa, tôi hăng hái tham gia vào câu chuyện chung và thường sẽ lái nó đến một điểm tôi muốn. Và khi tôi có vẻ như đang đọc sách thì chính là lúc tôi suy nghĩ hết giờ này qua giờ khác, hoặc so sánh hay đánh giá các bản báo cáo nhận được từ người của tôi ở các nơi gửi về.”

“Từ người của ông?” Tôi hỏi. “Nhưng thời gian vừa rồi ông đã làm việc một mình cơ mà.”

“Phải, tôi ở đây một mình,” vị thám tử trả lời. “Ở nơi trung tâm của vụ án này thì tôi chỉ có một mình, nhưng còn có đồng nghiệp ở Christiania và các nơi khác. Một thám tử cần nhiều thông tin, và tôi cũng đã nhận được nhiều thông tin, cả về Gjaernaes cũng như về viên kiểm lâm bị sát hại.”

“Nhưng ông có thể lấy được thông tin tốt hơn ở đây phải không?” Tôi hỏi lại.

“Hoàn toàn không phải thế,” vị thám tử nói. “Tôi không chỉ muốn thông tin về cuộc đời của viên kiểm lâm trước khi chết, mà tôi còn muốn biết anh ta đã làm gì hằng ngày. Anh ta đến từ Christiania.”

“Chính tôi đã từng gặp anh ta ở Christiania.”

“Tôi biết,” vị thám tử trả lời. “Tôi đã nhận được thông tin về việc anh ta thường qua lại với ai. Ông không phải một trong số người quen thân của anh ta, nhưng hai người có gặp nhau trong những dịp tụ họp hội hè mà Hilde Gjaemaes cũng được mời tới tham dự.”

“Tôi không nhớ rõ điều đó, có thể là như vậy. Hilde Gjaemaes và tôi giao lưu trong cùng một cộng đồng khi cô ấy sống ở Christiania, và viên kiểm lâm thì yêu cô Hilde. Tất nhiên là anh ta cố đến được nơi mà cô ấy có mặt.”

“Ông suy luận rất hợp lý,” vị thám tử trả lời, và nụ cười mỉa mai đặc trưng như vừa thoáng qua trên mặt ông ta. “Tốt, nhưng bây giờ chúng ta không muốn nói nhiều về viên kiểm lâm nữa, mà là về ông già Gjaemaes.”

“Vâng, tất nhiên rồi. Thế ông đã biết được những gì về ông ấy?”

“Điều đầu tiên tôi tìm ra là ông ta đã ký kết một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trị giá ba mươi ngàn krone. Chính ông cũng biết rằng hoàn cảnh của ông ta hết sức khó khăn khi ông ta biến mất cách đây bốn năm, hay chết đuối như người ta vẫn nói. Sau đó, con trai của ông ta đã ổn định được tình thế, chủ yếu nhờ vào số tiền ba mươi ngàn krone mà công ty bảo hiểm đã trả. Gjaemaes con đã kể cho tôi biết rằng thật đáng tiếc, cha của anh ta để lại hai tờ giấy hẹn trả tiền khổng. Chính những tờ giấy hẹn trả tiền khổng này lơ lửng đe dọa trên đầu ông già bốn năm trước, và rồi nỗi lo sợ về một thảm họa đã đẩy ông già đến việc diễn màn hài kịch táo tợn và đáng sợ ấy. Ông già Gjaemaes là một người say mê câu cá, vì vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi ông ấy đi thuyền câu cá vào lúc 3 giờ sáng ngày 24 tháng 8.

Trong ngày hôm ấy, người ta tìm thấy con thuyền bị lật úp và chiếc mũ trôi dạt vào bờ. Tôi tin là có thể ông ta đã ranh mãnh chuẩn bị trước cho chuyến đi trốn đó. Ông ta đã mang theo tất cả tiền mặt - độ chừng hàng ngàn đồng krone. Trước đây nhiều ngày, tôi đã nghiên cứu lịch trình đi lại của tàu thủy vào thời điểm đó và phát hiện ra rằng chính vào ngày 24 tháng 8, vào lúc 7 giờ sáng, có một chuyến tàu hơi nước xuất phát từ đây đến Christiania. Có lẽ Gjaemaes đã cải trang và rời từ Christiania ra nước ngoài. Thế là ông ta đọc được tin tức về cái chết của chính mình trên báo.”

“Một chuyện mạo hiểm kỳ lạ,” tôi kinh sợ lẩm bẩm. “Có thể như thế thật ư?”

“Đúng thế,” vị thám tử nói, “và nếu ông nghĩ rằng đây là một trường hợp cá biệt thì ông sai rồi. Đã có nhiều vụ lừa đảo bảo hiểm, đặc biệt trong lĩnh vực tội phạm quốc tế. Trong thư viện luật của tôi có một vụ rất hay về một người ở Anh đã chết tới mười bốn lần trước khi bị bắt quả tang là đang còn sống.”

“Tôi có cảm giác”, tôi nói, “rằng ông đã nghi ngờ về việc này trong suốt thời gian ở đây.”

“Tôi có nghi ngờ phần nào rằng một điều tương tự đã xảy ra ở đây,” vị thám tử sửa lại lời nhận xét của tôi, “nhưng tôi thật sự không nghĩ rằng vụ việc này lại là lừa đảo rành rành như vậy. Ngay khi đến đây, tôi đã có nhiều thông tin - nhiều hơn là ông nghĩ. Tôi đã biết câu chuyện về cái chết bất hạnh của ông già Gjaernaes, tôi đã biết về những tờ giấy hẹn trả tiền khổng lồ của ông ta và về số tiền bảo hiểm mà không lâu sau đã được chi trả cho con trai ông ta, nhờ đó mà hoàn cảnh gia đình được ổn định trở lại. Ông phải

thừa nhận rằng ngay từ lúc đó, tôi đã có nguồn thông tin tốt. Nói theo lối của thám tử thì tức là tôi đã có sẵn trong tay nhiều thông tin đáng ngờ. Thêm vào đó, tôi nhận thấy rằng ông già Gjaernaes đã biến mất khỏi hiện trường vào đúng thời điểm hết sức thuận lợi, và vì vụ việc này khiến cho tôi nhớ lại một sự việc giống y như vậy đã xảy ra gần đây ở Hà Lan, nên tôi bắt đầu nghi ngờ. Tuy nhiên, quả thật là tôi không thể tìm được mối liên quan nào giữa cái chết của viên kiểm lâm và ông già Gjaemaes.”

Vị thám tử tiếp tục tường thuật trong khi tôi càng lúc càng hồi hộp lắng nghe. Asbjörn Krag nói chậm và chính xác, giống như suy nghĩ cẩn trọng từng câu trước khi nói ra. Cách diễn giải của ông ta khiến tôi liên tưởng tới bài giảng luật pháp từ một chuyên gia.

“Thế rồi tôi đến đây,” ông ta nói tiếp. “Khi biết ông đã trải qua những gì trong đêm viên kiểm lâm bị đánh chết, tôi đã bước tiếp được một bước. Người ta không cho ông vào nhà, lại còn bằng một cách hết sức thô lỗ. Tôi lập tức hiểu rằng có điều gì đó ở trong trang trại mà ông không được phép nhìn thấy.”

“Nhưng viên kiểm lâm?” Tôi hỏi.

“Phải, viên kiểm lâm,” Asbjörn Krag trả lời, “anh ta có một vị trí đặc biệt. Viên kiểm lâm sắp sửa trở thành thành viên gia đình, tức là cần phải nói cho anh ta biết bí mật đáng sợ ấy. Tôi kết luận được rằng vào buổi tối hôm ấy đã xảy ra một điều gì đó - một điều hết sức nghiêm trọng. Trong cùng đêm đó, viên kiểm lâm bị đánh chết trên cánh đồng hoang.”

“Ông muốn liên kết hai sự việc với nhau như thế nào?” Tôi hỏi. “Con người đáng thương ấy bị đánh chết vì lý do gì?”

“Vậy ông muốn giải thích sự việc ấy như thế nào?”

“Có thể là ông Gjaemaes trẻ đã hối hận vì phải tiết lộ. Có lẽ viên kiểm lâm đã lui bước và dọa sẽ báo cho cảnh sát biết bí mật ấy. Thế rồi Gjaemaes đã đi theo anh ta... và...”

“Ông tin là như thế à?” Vị thám tử hỏi.

Trong lúc đó, tôi có cảm tưởng như Asbjörn Krag lại mỉm cười một chế giễu, như một kẻ xấu tính đang thử thách tôi. Rồi bỗng nhiên, gần như ngay lập tức, ông ta trở lại nghiêm trang và nói:

“Ngay từ đầu, tôi đã biết rõ rằng chẳng có gì liên quan cả. Cho đến hôm nay tôi cũng không tin rằng anh Gjaernaes trẻ là kẻ giết người.”

“Thế thì là ai?”

Thay vì trả lời, viên thám tử lại hỏi.

“Tôi có cần nói tiếp không?”

“Vâng, ông cứ nói tiếp đi,” tôi nói và nằm xuống giường, chắp hai tay ra sau đầu. Tôi chăm chú lắng nghe và vị thám tử kể tiếp.

“Cuộc điều tra trong vùng này càng chứng tỏ nghi ngờ của tôi rằng có gì đó rất kỳ lạ đã xảy ra trong trang trại đêm hôm ấy, một điều gì đó đặc biệt quan trọng và rất nghiêm trọng. Từ trước khi đến trang trại, tôi đã biết được về những hành vi đáng ngờ của chủ trang trại. Và ngay sau khi tôi được gặp ông quản gia nói chuyện với người chủ trẻ tuổi, tôi tin chắc có một bí mật đang được che giấu. Cho dù tôi chưa bao giờ tính đến câu chuyện về việc cha cậu ta chết đuối trong dòng suy nghĩ của mình, nó lại cứ xuất hiện trong tâm trí tôi.

“Tôi không sao làm cho nó phù hợp với tình huống dù có cố gắng đến

đâu. Trong ván cờ mà tôi đang chơi thì cái chết của người cha là nước đi quan trọng - hay nói đúng hơn - là một con cờ quan trọng, tôi chỉ không biết phải đặt nó ở đâu để quyết định toàn bộ ván cờ chỉ trong một nước đi. Ông chắc vẫn còn nhớ rằng tôi đã quan tâm đến bức ảnh cũ trên tường trong phòng làm việc của Gjaemaes? Chắc chắn rồi. Nhưng ông có nhớ đến cánh cửa không?”

“Cửa ư?” Tôi hỏi. “Ông muốn nói gì vậy?”

“Ông bạn thân mến,” Asbjörn Krag nói tiếp, “Việc cánh cửa đó đóng tuồng như nhỏ nhặt nhưng lại là một trong những điều quan trọng nhất mà chúng ta đã tìm thấy trong chuyến đến thăm Gjaernaes ngày hôm ấy. Chẳng lẽ ông không để ý tới những gì đã và đã không xảy ra sao? Khi tôi chú ý xem xét những sự kiện quanh tôi thì tôi biết rằng điều này hoặc điều kia sẽ xảy ra ngay bây giờ nếu tất cả đều đi đúng lối của chúng. Nếu mọi việc diễn ra không như mong đợi, tôi nghĩ hẳn phải có lý do và tôi sẽ thử khám phá. Cách thức này đã từng giúp tôi tìm được trung tâm của rất nhiều bí mật. Ông không nhận thấy rằng cô Hilde đã vắng mặt khi chúng ta đến thăm à?”

“Điều đó hẳn là có lý do,” tôi trả lời. “Cô ấy ốm và bị các sự việc gây xúc động quá nhiều. Người anh nói rõ rằng cô ấy đã đi nghỉ rồi mà.”

“Rất đúng. Vì vậy nên tôi đã xin phép ông ta cho đi tham quan một vòng bên trong trang trại.”

“Vậy thì làm sao nữa?”

“Vâng, vì tôi suy luận rằng nếu như cô Hilde đã đi nghỉ thì chúng ta sẽ không được phép nhìn vào gian phòng của cô ấy. Nhưng chính điều ấy đã xảy ra. Chúng ta được phép đi xem gian phòng ngủ màu xanh nhạt của cô

ấy mà không có chủ nhân ở trong đó.”

“Thì cô ấy đang ở nơi khác,” tôi đáp trả, “trong gian phòng cạnh thư viện chẳng hạn.”

“Đúng thế, cô ấy ở đằng sau cánh cửa. Tôi thật sự tin rằng cô ấy có nhà hôm đó. Nhưng bây giờ xin ông hãy nhớ lại một sự việc. Khi chúng ta đang đứng trong thư viện, tôi đã thử bước qua cửa đó, nhưng Gjaemaes đã cản tôi ngay lập tức. Chỉ riêng ý nghĩ là tôi có thể bước vào trong đó thôi dường như cũng đủ khiến cho ông ta hoảng sợ rồi. Trong khoảnh khắc đó, tôi tin chắc rằng ông ta che giấu điều gì đó. Có lẽ ông cũng đoán được rằng ai đang ở trong gian phòng bên cạnh thư viện?”

“Cô Hilde,” tôi trả lời.

“Rất có thể, nhưng đồng thời là với một người khác nữa. Và người đó chính là cha của Gjaemaes, người đàn ông mà chúng ta phát hiện khi đã chết trên cánh đồng hoang vào tối qua.”

Tôi nằm trên giường với thần kinh căng thẳng tột độ, hai tai cố gắng lắng nghe câu chuyện của vị thám tử. Tôi đã hiểu từ lâu về hướng mà ông ta muốn hướng đến.

Dần dần, tôi tin chắc rằng tất cả những gì tôi nhớ lại đều là những sự việc có thật trong đêm hôm đó chứ không phải một giấc mơ. Tôi muốn hỏi thúc chính miệng ông ta nói ra điều đó... nhưng ngay sau đó đã lại giật thót khi nghe ông ta nói với giọng nói khô khan: ... *người đàn ông mà chúng ta phát hiện khi đã chết trên cánh đồng hoang vào tối qua.*

Vị thám tử mỉm cười và nói thêm:

“Ông bạn thân mến, tức là ông không nằm mơ đâu.”

“Ông đã đoán được ý nghĩ của tôi,” tôi lẩm bẩm.

Asbjörn Krag ngồi im lặng trong gần một phút. Sự im lặng ấy đè nặng lên tâm trí tôi. Càng lúc tôi càng bồn chồn và muốn ông ta đi thật xa, rồi tôi ngồi dậy, đi ra ngoài hít thở bầu không khí tự do, trong lành đang thổi quanh ngôi nhà này.

Tôi quan sát Asbjörn Krag. Ông ta ngồi giữa cửa sổ và giường; khuôn mặt sắc nét, cái đầu hói láng bóng và cái cằm rộng nổi bật trong chiều ngược sáng. Tại sao ông ta không nói gì, ông ta rốt cuộc đang suy nghĩ gì? Bất chợt, ông ta quay mặt về phía tôi, với đôi mắt sáng loáng mở to rất thiếu tự nhiên sau cặp kính không gọng.

“Phải,” ông ta nói, “tôi có thể đọc được ý nghĩ của ông, như đang đọc sách vậy.”

“Ai đã đánh chết ông ta?” Tôi thì thào thật nhanh.

“Người nào trong hai người đó?”

“Ông già - người cha, người mà chúng ta tìm thấy đêm qua.”

“Tôi có cần nói tiếp không?” Krag hỏi.

“Vâng,” tôi trả lời trong khi mắt hướng đến một nơi khác trong phòng, “ông nói tiếp đi.”

Thế là vị thám tử lại bắt đầu:

“Khi rời trang trại của Gjaemaes, tôi đã nghe thấy cuộc đối thoại giữa người chủ trại và ông quản gia, những vờ như không biết gì vì tôi sớm biết rằng ông quản gia sẽ tìm đến tôi. Trước sau gì thì con người này cũng sẽ đến tìm tôi, và kể cho tôi nghe những gì ông ta biết. Ông ta biết điều gì đó, điều này thì tôi biết rõ ngay lập tức. Những thứ ông ta biết đang đè nặng lên

người ông ta. Tôi có thể nhìn thấy lương tâm đang cắn rứt của ông ta lóe lên trong ánh mắt. Tôi chỉ cần nói *Tôi sống trong khách sạn*, và thế là đã đủ. Vài ngày sau đó, ông ta sẽ đến và thuật lại mọi việc. Tôi cũng đã nhận được thông tin mới cùng lúc. Sau khi nghe câu chuyện của ông quản gia, tôi tin chắc rằng Gjaemaes giấu cha mình trong trang trại. Tình huống đó giải thích sự bồn chồn và cách xử sự kỳ lạ của ông ta. Về phía ông quản gia, ông ấy vẫn mang ý nghĩ sai lầm ngỡ ngàng rằng Gjaemaes trẻ có liên quan gì đó tới vụ giết kiếm lâm Blinde. Việc ông ta nhận được lá thư của cha mình đúng vào cái đêm tội ác xảy ra chỉ là một sự trùng hợp kỳ lạ. Sau khi Blinde rời khỏi trang trại, Gjaemaes đi xe qua đảo để gặp cha, ông này bí mật lên đảo bằng một chiếc tàu chở thư. Vì vậy mà ông ta phải đi thật lặng lẽ và phải đi một mình, nhưng ông ấy hành động không được khôn ngoan cho lắm. Nếu như ông ấy đã hoàn toàn tin tưởng người quản gia thì có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ giải đáp được tấn bi kịch đáng sợ này.”

Vị thám tử lại im lặng, rồi chậm rãi, khác hẳn lẽ bình thường, lấy một hộp xì gà ra khỏi áo. Ông ta chọn một điếu, châm lửa, phả vào không khí cuộn khói đặc màu trắng và ngồi đó với cái hộp trong tay.

“Cái này chỉ là da thường thôi,” ông ta nói, “như được trang trí bằng bạc. Cái hộp xì gà không tìm thấy được của Blinde là bằng da cá sấu xanh, phải không?”

“Không phải hộp xì gà đâu, đó là một cuốn sổ ghi chép.”

Asbjörn Krag thối những vòng khói thật to và bắt đầu cười lớn.

“Tất nhiên rồi,” ông ta trả lời, “nhưng nó không được trang trí bằng vàng à?”

“Tôi không biết... tôi không hay biết gì về điều này cả.”

Vị thám tử quay lại nhìn tôi, và ông ta vẫn cười to.

“Tôi muốn ra khỏi giường,” tôi nói, “tôi cảm thấy hơi mệt và muốn đi ra ngoài hít thở không khí trong lành.”

Nhưng Asbjörn Krag lại giơ tay lên ra vẻ ngăn tôi lại.

“Chưa được,” ông ta nghiêm nghị nói, “tôi còn phải kể xong câu chuyện đã, tôi không thích bị gián đoạn lâu. Nhưng tôi có thể mở cửa sổ ra.”

“Vâng, thế thì ông hãy mở cửa sổ ra, tất cả các cửa sổ.”

“Ông bạn thân mến,” ông ta nói, “các cửa sổ đã được mở ra rồi, chúng đã được mở toang sẵn rồi. Ha ha!”

Ông ta cười. Tôi không nói gì và cũng không muốn nhìn ông ta, vì tôi e rằng có thể sẽ bộc phát một cơn thịnh nộ vô cùng đáng sợ. Rồi tôi nghe tiếng ông ta đóng hộp xì gà lại, nhét vào túi.

“Tôi đã nhìn thấu thái độ của Gjaemaes lúc đó rồi,” ông ta lẩm bẩm, tựa như đang độc thoại. “Ông ta không sợ hãi vì vụ giết người. Khi nói về sự việc của viên kiểm lâm thì ông ta lơ đãng, gần như mặc kệ. Ông ta còn phải suy nghĩ về những sự việc khác nghiêm trọng hơn. Ông ta không hề nghĩ rằng người ta có thể nghi ngờ mình. Ngược lại, bí mật về người cha đè nặng lên ông ta; thảm họa ấy đến quá bất ngờ và cũng quá khủng khiếp, khiến ông ta hành động một cách vô nghĩa và dại dột. Ông ta, phải che giấu một người thứ ba đang bí mật sống trong trang trại bằng mọi giá. Ông ta hấp tấp, thiếu kế hoạch trong khi cố gắng che đậy cái bí mật ấy, đến mức không hề nhận ra rằng mình đã bộc lộ hết mọi thứ ra ngoài. Cuối cùng thì ai cũng có thể chỉ vào ông ta và nói rằng: *Ông ta đã đánh chết viên kiểm lâm. Khác*

*nào chưa đánh đã thừa mình là kẻ giết người. Nhưng chỉ có những kẻ ngu đần, không biết suy nghĩ, không biết xâu chuỗi các sự kiện thì mới đi đến kết luận hồ đồ như vậy. Chỉ thoáng qua thôi là tôi đã nhận thấy ngay rằng một người phạm tội như thế trên cánh đồng hoang thì không thể có lối xử sự như vậy được. Ngay cả người ngu ngốc nhất cũng không bước tới và tự giao mình ra từng bước như vậy. Không phải, người này hẳn phải che giấu một bí mật khổng lồ đến mức không có thời gian quan tâm đến vụ giết người. Thế rồi ngày hôm qua, ông quản gia đến gặp ông ta và nói rằng: *Bây giờ tôi đi tìm ông thám tử và kể cho ông ấy nghe hết tất cả, tôi không thể cứ im lặng, mặc cho lương tâm cắn rứt.* Trong lúc đó, ông quản gia vẫn tin rằng đó là về vụ giết người, nhưng Gjaemaes trẻ thì lại nghĩ rằng đó là bí mật về ông già đã chết đi sống lại. Và Gjaemaes còn có thể nói gì khác với ông quản gia ngoài câu: *Ông thám tử thì liên quan gì đến việc này? Đây là chuyện riêng tư.**

“Qua ông quản gia, tôi gửi lời chào tới ông chủ của ông ấy. Ông có thể lấy làm lạ. Tôi yêu cầu ông ta cho tôi biết thời điểm nào thì tôi có thể đến thăm ông ta, vì tôi không muốn đến một cách bất ngờ, tôi không muốn gây ra một tai họa mới; vì nghĩ rằng Gjaemaes có thể làm bất cứ điều gì trong tình trạng thần kinh bị kích động, nên tôi cố tình hành động như vậy. Bởi vì bằng cách đó, tôi đã buộc Gjaemaes phải đưa cha mình ra khỏi trang trại. Ông ta không thể để cha mình ở đó lâu hơn được nữa, một khi đã lên kế hoạch cho chuyến viếng thăm của tôi. Tôi đoán ông ta sẽ bảo người cha rời đi ngay trong đêm đó, và điều này cũng đã xảy ra. Nhưng mà, ông bạn thân mến, bằng cách này thì chính tôi đã có lỗi trong cái chết của người đàn ông đó dù không cố ý!”

“Ông...” Tôi kêu to. “Ông đã giết chết ông ấy ư?”

Vị thám tử lắc đầu.

“Tôi nói với ông rồi,” ông ta trả lời, “chiếc xe sắt đã cán chết ông ta - cái xe tai ương kỳ lạ đó, cứ chạy mãi mà không để lại dấu vết nào. Tôi biết rằng ông già ấy đã phải đi qua cánh đồng hoang, qua đúng chỗ đấy để lên tàu thủy, vậy là tôi canh chừng trên đường đi. Tôi định bước tới trước ông ta, đặt tay lên vai và nói: *Ông bạn thân mến, chúng ta cần phải nói chuyện với nhau một chút.* Nhưng trong lúc tôi đi lại và chờ ông ta đến thì tôi nghe được tiếng chiếc xe sắt.”

Vị thám tử dừng lại một lúc, lát sau mới nói:

“Đó là toàn bộ câu chuyện, là tất cả những gì tôi có thể kể cho ông nghe. Phần còn lại thì ông đã biết rồi.”

“Tôi giờ vẫn chưa hiểu,” tôi trả lời, “hoàn toàn chưa hiểu gì so với lúc ông bắt đầu kể chuyện. Ông nói rằng chiếc xe sắt đã giết ông Gjaernaes già. Nhưng cái xe sắt này là gì cơ chứ - nó đến từ đâu và do ai lái?”

“Tôi cũng đã đặt câu hỏi đó cho chính mình,” vị thám tử trả lời, “và mãi đến tối qua mới tìm ra đáp án.”

“Nghĩa là ông biết được bí ẩn của chiếc xe sắt?”

“Đúng thế.” Asbjörn Krag nhìn đồng hồ. “Bây giờ đã 5 giờ rưỡi,” ông ta nói, “một giờ nữa là triều xuống, chúng ta có thể nhìn thấy chiếc xe sắt.”

“Triều xuống?” Tôi ngạc nhiên hỏi.

“Đúng thế,” Krag trả lời, “chiếc xe sắt không còn nữa, nó chìm ngấm rồi.”

Vị thám tử trả lời một cách thành thực, hoàn toàn không chút bông đùa.

“Khi chúng ta tìm thấy chiếc xe sắt,” ông ta nói tiếp, “ông sẽ hiểu được nhiều điều mà lúc này ông vẫn cảm thấy bí ẩn và đen đặc. Tôi bắt đầu tin rằng sự việc này ngay từ đầu đã rất đơn giản, nhưng tình cờ làm sao nhiều chuyện kỳ lạ, hoàn toàn không liên quan gì đến sự việc chính, lại đan vào nhau tạo thành những tình huống khó hiểu. Trước đây, tôi đã từng gặp phải những tình cảnh tương tự trong khi làm việc. Ông không thể hiểu được hai sự kiện độc lập bị vướng vào nhau sẽ gây khó khăn cho việc điều tra đến thế nào đâu. Trong vụ này, đầu tiên chúng ta thấy hành vi gây nghi ngờ của Gjaernaes trẻ, trực tiếp liên kết anh ta với vụ giết viên kiểm lâm, rồi thì vụ giết người, và rồi xuất hiện chiếc xe sắt dường như có liên quan đến sự việc. Chừng nào tôi còn cho rằng ba sự việc này liên quan đến nhau trong quá trình suy luận, thì tôi chỉ càng thấy rối rắm; nhưng ngay khi tôi bắt đầu tách rời các sự việc riêng lẻ, bình tĩnh tháo gỡ mớ bong bóng, thì tôi đã có thể nhìn thấy toàn bộ sự việc một cách rõ ràng hơn. Ông bạn thân mến, chúng ta không chỉ có một sự việc, mà là ba sự việc khác nhau. Sự việc của Gjaemaes trẻ và già là sự việc riêng, chiếc xe sắt cũng là sự việc riêng.”

“Và rồi những vụ giết người,” tôi nói xen vào.

“Vụ giết người,” vị thám tử chữa lại, “chỉ có một vụ giết người. Ông già Gjaernaes không bị giết, chỉ có viên kiểm lâm thôi.”

“Nhưng ông không đoán được ai đã đánh chết viên kiểm lâm à?” Tôi hỏi.

“Có, có chứ,” Asbjörn Krag trả lời, “tôi có thể đi đến và chỉ ra hãn ta ngay hôm nay.”

Vị thám tử nhanh chóng rời khỏi phòng và nói to với tôi:

“Tôi ngồi đây và chờ ông. Ông phải nhanh lên, vì triều xuống lúc 6 giờ.”

“Ông có đảm bảo là tôi sẽ nhìn thấy chiếc xe sắt không?” Tôi hiếu kỳ hỏi.

“Tôi sẽ cố gắng, trong điều kiện cho phép,” ông ta trả lời.

“Tôi tin là ông có thể làm được điều mà những người khác không làm được,” tôi nói to với ông ta. “Ông đúng là một nhà ảo thuật đấy.”

“Tôi chỉ là một con người,” Asbjörn Krag trả lời, “nhưng tôi hiếm khi sai. Ông hãy nhanh lên.”

Tôi thay vội quần áo. Cảm giác háo hức như đang chạy rần rần trong huyết quản đến từ câu chuyện kể của vị thám tử hay đó là phản ứng sau lần bất tỉnh? Có lẽ có sự góp phần của cả hai. Dẫu sao tôi vẫn thấy rõ rằng tôi rất vui mừng khi bước ra khỏi căn phòng đó. Câu chuyện dài lê thê của Asbjörn Krag về ông già đã chết, về vụ giết người, về chiếc xe sắt khiến tôi dần dần cảm thấy chán ngán. Mà hơn nữa, trong phòng tôi có mùi của long não, trong lúc biển ngoài kia chiếu ánh sáng màu xanh nhạt qua cửa sổ.

Cuối cùng tôi cũng xong. Asbjörn Krag ngồi trên một hòn đá bên đường và chờ tôi.

Nhưng rốt cuộc thì tôi cũng không nhìn thấy chiếc xe sắt, và bí ẩn quanh chiếc xe gây nhiều bất hạnh này vẫn chưa có lời giải đáp. Nhưng điều an ủi là Asbjörn Krag dường như cũng thất vọng như tôi.

Vị thám tử dẫn tôi qua cánh đồng hoang, đến nơi mà đêm qua chúng tôi đã nghe thấy tiếng chiếc xe sắt lăn xuống biển. Ở đó rất yên lặng. Trước bãi biển có vài chiếc thuyền nhỏ mà người ta đang kiểm tra đáy biển bằng những cây sào dài và dây dọi.

“Họ tìm chiếc xe sắt à?” Tôi hỏi.

Asbjörn Krag gật đầu. “Nó đã rơi xuống đây.”

Asbjörn Krag chỉ huy cuộc tìm kiếm độ chừng một tiếng đồng hồ. Ông ta dần trở nên chán nản vì không tìm thấy gì. Trong lúc đó, nước bắt đầu dâng lên, và vị thám tử buộc phải chấm dứt công việc của ngày hôm đó.

“Dụng cụ tồi quá,” ông ta bức dọc lăm bầm, “tôi phải đánh điện về Christiania.”

Ông ta viết một bức điện tín và nhờ một người mang thư đến bến đậu.

Rồi chúng tôi trở về khách sạn. Trời bắt đầu chạng vạng tối.

Asbjörn Krag, người nói rất nhiều trong suốt buổi chiều, giờ trở nên trầm lặng. Vào lúc đó, tôi mới biết là xác chết của ông già Gjaemaes đã được mang về trang trại và người con trai dự định ngày mai sẽ lên đường tới thủ đô để dàn xếp mọi việc với hãng bảo hiểm.

Khi bước ra hàng hiên khách sạn đầy khách du lịch, tôi thì vào tai Asbjörn Krag:

“Ông không muốn chỉ cho tôi biết tên tội phạm à?”

Nhưng vị thám tử lắc đầu. “Chưa,” ông ta nói.

Thật là một con người kỳ lạ. Có lúc ông ta thật lắm chuyện nhưng rồi, bất chợt và dường như không vì một lý do đặc biệt nào cả, lại trở nên trầm lặng và khép kín. Tôi có ấn tượng rằng bản chất của ông ta là như vậy, im lặng, và ông ta chỉ lắm lời một cách có chủ đích nhưng tôi không thể hiểu được.

Tuy nhiên, dù ông ta đang thao thao bất tuyệt hay im lặng trầm mặc, thì vẻ giễu cợt lúc nào cũng hiện diện quanh miệng ông ta, và đôi mắt luôn

luôn trong trạng thái soi mói, thanh trừng.

Đôi lúc, ông ta bất ngờ đưa ra những câu hỏi kỳ lạ, rõ ràng là vô nghĩa. Như trong tối nay chẳng hạn. Lúc đó đã 10 giờ rưỡi, tôi đang nói chuyện phiếm với một vài người bạn trong số những khách trọ chưa muốn đi ngủ. Ai đó đề nghị chơi bài và tôi muốn chơi cùng. Tôi đang trên đường đến một phòng khác để lấy bộ bài, vừa mở cửa ra thì bất ngờ bắt gặp Asbjörn Krag, người mà tôi đã không nhìn thấy trong suốt mấy giờ qua. Tôi có chút giật mình, vì rõ ràng người ta dễ cảm thấy chùng hững khi nhìn thấy một người trong một gian phòng mà bản thân nghĩ đó là phòng trống.

“Tôi cứ nghĩ ông đã về nhà rồi.”

“Như ông thấy đấy,” tôi trả lời, “tôi vẫn chưa về. Tôi còn ngồi lại đây thêm chút nữa.”

Asbjörn Krag nhăn mặt lại thành một nụ cười, hàm răng trắng và to của ông ta sáng lên trong màn đêm.

“Có vẻ như ông không yêu gian nhà nhỏ cô độc của mình cho lắm,” ông ta nói.

Tôi không biết phải trả lời thế nào. Tôi chỉ thể hiện thái độ ngạc nhiên, vì đó không phải lần đầu tiên mà viên thám tử - gần như là đe dọa - khi nói về vị trí đơn độc của ngôi nhà nhỏ mà tôi đang ở.

Asbjörn Krag với tay nắm áo khoác của tôi và nói.

“Ông nghe này, tôi muốn hỏi ông một điều. Căn phòng đó chỉ có một cửa sổ duy nhất, phải không?”

“Đúng thế, nhưng nó tương đối lớn. Sao ông lại hỏi tôi về việc này?”

“Có một tấm màn cuốn ở cửa sổ, phải không?”

“Đúng thế!”

“Ông có thường thả cái màn cuốn này xuống không?”

Tôi cười to và nói:

“Tôi không hiểu câu chuyện tiểu lâm này.”

“Tôi không nói đùa.”

“Tốt. Nếu như ông quan tâm về việc này đến thế thì tôi sẽ trả lời cho ông biết, rằng tôi thường thả tấm màn xuống khi mặt trời chiếu vào cửa sổ.”

“Nhưng vào ban đêm?” Ông ta hỏi, “khi ông đốt đèn lên, thì sao?”

“Thì sao à? Tôi không có ai ở đối diện, chỉ có biển ở phía trước thôi. Vì vậy mà không phải lúc nào tôi cũng thả màn xuống khi đốt đèn lên.”

Asbjörn Krag lại cười, nhe những chiếc răng trắng ra.

“Nhưng khi ông không che cửa sổ,” ông ta nói, “thì cửa sổ rộng mở cho màn đêm, và rồi có thể có ai đó nhìn vào từ bên ngoài.”

Viên thám tử bỏ tay ra khỏi chiếc áo khoác của tôi. Tôi lui lại một bước.

“Ông đang cố làm bí hiểm vấn đề, phải không?” Tôi nói. “Ông nghĩ tôi là trẻ con à? Tôi không sợ bóng tối.”

“Xin lỗi ông,” ông ta nói một cách thân thiện, “tôi không có ý định xúc phạm ông, nhưng khi tôi đi dạo và suy nghĩ về một điều gì đó, đôi lúc sẽ vô tình đưa ra những câu hỏi kỳ lạ. Nhưng ông có thể giúp tôi một việc đấy.”

“Tối nay ư?” Tôi hỏi, vẻ không hài lòng cho lắm trong lúc giờ bộ bài lên cho ông ta thấy rằng tôi đang có ý định làm việc khác.

“Giờ tôi đang bận viết một bản báo cáo,” ông ta nói, “và đang viết đến đoạn mô tả xác chết.”

Tôi rùng mình. Tôi có cảm giác như một làn hơi kỳ lạ vừa thoảng qua gian phòng nửa tối nửa sáng, nơi chỉ có chúng tôi ở đó.

“Xác chết ư?” Tôi lắp bắp. “Ông viết về xác chết ư?”

“Tất nhiên rồi, tôi phải viết báo cáo mà. Xác chết ấy trông như thế nào? Ông nhớ lại đi.”

“Tóc sẫm màu,” tôi bất giác bắt đầu.

Asbjörn Krag vỗ nhẹ lên vai tôi.

“Ông bạn thân mến”, ông ta nói, “tại sao ông không hỏi tôi có ý nói tới xác chết nào? Đúng vậy, ông nói đúng, đó là của viên kiểm lâm, cái xác chết mà tôi đang viết. Ông làm ơn nghe xem tôi có sai lầm chỗ nào không: *Mái tóc màu nâu sẫm của anh ta được chẻ ở bên trái, anh ta có đôi tai vểnh và to, trán cao và rất trắng so với phần dưới của gương mặt đã nâu sạm vì nắng mưa. Trán có màu trắng nổi bật là do anh ta luôn ấn mũ xuống đến tận mắt. Bộ râu của anh ta rất mềm và có sắc đỏ, được chăm sóc rất kỹ lưỡng và hơi cong. Môi anh ta không bị râu che khuất, chúng có hình dạng đẹp, màu đỏ hồng. Mắt anh ta gần như có màu xanh nhạt, nhưng con người rất nhỏ, nhãn cầu to, màu trắng nằm quanh con người như một vòng tròn nên đôi mắt trông như bất động. Râu mọc dọc theo cái cổ ngắn và to. Khi anh ta được phát hiện ra, chiếc cổ áo đã bị gập lại ở nhiều nơi, chiếc cà-vạt màu xanh nằm vắt vẻo trên tai phải. Người bị hại trông như thế, có đúng không?*”

“Đúng thế,” tôi trả lời, “theo những gì tôi nhớ được thì mô tả của ông hết sức chính xác.”

“Cảm ơn, đó là điều tôi muốn xác nhận,” Asbjörn Krag nói, mắt nhìn

trường trường về phía trước một cách kỳ lạ. Có gì đó thật sắc nhọn, đáng sợ trong ánh mắt của ông ta. Tôi mở cửa ra, để cho ánh sáng chiếu vào người ông ta. Mặt ông ta trắng nhợt, nhưng ông ta mỉm cười và gật đầu với tôi với nụ cười đặc trưng muôn thuở! Tôi bước vội ra khỏi phòng khách. Bàn bệ của tôi đang chờ. Khi đặt bộ bài xuống, tôi nói.

“Các anh phải tìm một chân khác thôi. Tôi không chơi cùng được.”

Tôi bất chợt không còn hứng thú chơi bài nữa, bắt đầu để tai lắng nghe tiếng bước chân của vị thám tử đang nhỏ dần sau các gian phòng... *Tai vểnh, hơi to, trán cao trắng nhợt, môi đỏ tươi không bị bộ râu che khuất...* Dù tôi có đưa mắt nhìn đi đâu, gương mặt của người chết... *chiếc cổ áo bị gãy... cà-vạt xanh bị đẩy nằm vắt lên tai phải...* vẫn ám ảnh tôi. Tôi cố để tâm nhiều hơn đến ván bài của mấy người kia, chỉ cho họ thấy sai lầm ở những nước bài hoàn toàn không có sai lầm, và ra vẻ tán dương về những thứ hoàn toàn không quan trọng để hướng sự chú ý của mình ra khỏi những hình ảnh đáng sợ ấy. Rốt cuộc, họ không hài lòng về những việc ấy, và ném cho tôi những cái nhìn giận dữ. Cuối cùng, tôi bỏ đi.

Khi tôi đi ngang qua cửa sổ phòng của Asbjörn Krag, ở bên trong sáng đèn, tấm rèm được kéo xuống, nhưng tôi không nhìn thấy bóng ông ta đâu. Có lẽ ông ta ngồi yên ở bàn làm việc và hoàn thiện cho tường trình về bộ dạng người chết.

Trời có mây và sương mù, gió lạnh hoàn toàn, nhưng cơn mưa bão đêm trước đã đem theo cái lạnh về. Điểm kỳ lạ về giai đoạn cuối hè này là đồng quê đầy hoa quả, tất cả đều đã chín rục, những cái cuống trĩu nặng không giữ được phần quả lâu hơn nữa. Mặt đất tỏa mùi hương giàu có và ấm áp,

nhưng những ngày lạnh vẫn có thể kéo đến mà không cần lý do, làm đông cứng những lá khoai tây; đó chính là gió thu. Tháng 10 vươn ngón tay lạnh lẽo khẽ chạm vào cảnh vật nhưng tất cả cũng chỉ kéo dài vài tiếng đồng hồ, và rồi sự ấm áp trở lại, chiếm thế thượng phong.

Hôm đó đúng là một đêm như thế, mùa thu thoáng qua trong không khí, đem làn hơi lạnh giá đậu trên hai bàn tay tôi. Bóng tối ra sức bao trùm bầu trời đầy mây, nhưng bất thành. Những cánh đồng lúa mì vàng ươm, những ngôi nhà màu đỏ và những con đường xám xịt, bụi bặm vẫn còn hiện ra mờ ảo. Nhưng bầu không khí mùa thu của đêm đó cũng không khiến tâm trạng tôi vui lên; một cảm giác chán ngán ập vào tôi cùng với mong muốn bỏ đi thật xa - rời đến những thành phố với những con đường nhỏ, chật chội và đông đúc. Tôi thầm nghĩ: *Rồi thì vụ án mạng kinh hoàng này sẽ bám lấy mình, mình phải rời khỏi đây thôi...*

Giờ tôi đang trên đường trở về ngôi nhà cô độc của mình. Khi ra đến biển, tôi nhìn đồng hồ. Đã hơn 12 giờ rồi. Tôi dừng lại gần cây cầu. Từ đây, tôi có thể nhìn thấy ngôi nhà ngoài kia, ở tận cùng của mũi đất, như một tấm bia mộ bằng đá trắng đứng trong màn đêm. Bỗng nhiên tôi không muốn về nhà ngay. Thật ra tôi không sợ điều gì, chỉ là cảm giác khi về nhà, ngay khi đốt đèn lên, tôi sẽ gặp phải những điều không mấy dễ chịu. Vậy nên tôi lên cầu đi dạo. Ở đây không có ai, cũng không có người nào sống ở gần đây cả: tất cả đều đã về nhà, và mọi ngôi nhà trông có vẻ hoang tàn và chết chóc; những căn nhà vào ban đêm bao giờ cũng vậy, khi không có ánh sáng ở cửa sổ hay con người đi lại trước chúng.

Biển tĩnh lặng đến nỗi rong biển cũng như bất động trong làn nước. Tôi có thể nghe được một tiếng rì rào nho nhỏ từ bãi biển. Thỉnh thoảng, sóng

đập vào những chân cầu tối om nghe như tiếng đồ sứ vỡ choang. Những chiếc thuyền nhỏ nằm đó, được cột lại bằng những sợi thừng chùng xuống. Chúng nổi lênh bênh trên mặt nước như những nút bần trên một vũng nước; ngoài khơi có một con thuyền dài và hẹp, tất cả tuyền một màu đen thăm thẳm. Nhưng màn đêm chưa đủ mịt mùng để phủ tấm khăn đen lên mọi vật, dù cho bóng tối đã len lỏi vào từng góc ngách, dưới gầm cầu và cả trong rừng. Màn đêm cũng chưa thể chạm tới các tảng đá chất cao ngạo nghễ dưới bầu trời, hay những hòn đảo đá tròn trịa trơn láng ngoài kia trên eo biển, nơi biển lấp lánh như một dãy xám xanh.

Tôi đứng một lúc lâu, nhìn chăm chăm qua cây cầu trong lúc đếm những con sứa trôi bồng bênh trong nước như những giọt máu, mong chờ nghe được một tiếng người nói. Nhưng lúc này, giống như mọi người đều đã chết, tôi không nghe được một tiếng chèo, cũng không một tiếng động. Tôi rời cây cầu và bước nhanh về nhà.

Con đường vắt ngang như một dải lụa giữa biển cả và núi đá dốc đứng. Không ai có thể đi ngang qua tôi mà tôi không biết; nhưng tôi cũng không nghĩ là sẽ gặp ai. Tôi sống một mình trong ngôi nhà nhỏ đó và chẳng ai nghĩ đến chuyện viếng thăm tôi vào lúc đã muộn như thế này! Trong lúc đi bộ về nhà, tôi nhìn thấy cửa ra vào ngay trước mặt tôi, cửa sổ nằm ở phía bên kia, nhìn ra biển.

Một ý nghĩ kỳ lạ bỗng nhiên chiếm lấy tôi. Đó chắc chắn là điềm báo trước cho những gì sắp xảy ra. Tôi nghĩ: *Nếu như bây giờ có một người đang ngồi trong nhà chờ mình thì sao?* Tôi có một cái ghế bập bênh đã cũ trong phòng và không thể nào dứt ra khỏi ý nghĩ rằng có người đang ngồi trên cái ghế ấy. Tôi còn nghĩ ngay ra diện mạo của người ấy như thế nào,

với đường lông mày trắng như phấn... Khi tôi bước vào nhà, người ấy sẽ ngồi thoải mái trên cái ghế bập bênh, bộ lông mày trắng sáng bóng trong bóng tối và không nói một lời nào... Tôi đi mà như chạy, mỗi lúc một nhanh hơn, tiến về phía trước, để nỗi sợ hãi kỳ lạ ngày một lớn lên đó không chiếm lĩnh được tôi. Trước khi định thần lại, tôi đã đứng giữa gian phòng, cái ghế bập bênh trống trơn, rồi tôi đóng cửa ra vào ở phía sau lại.

Nhưng trong lúc sờ soạng tìm diêm để quẹt, tôi bỗng nghe rõ tiếng đồng hồ tích tắc, nhưng lại không phải từ đồng hồ của tôi. Cơ sợ hãi lạnh buốt lại bao quanh trái tim tôi lần nữa, và xém chút nữa thì tôi bỏ chạy ra ngoài. Lúc đó, tôi sực nhớ tới đồng hồ tử thần, những con bọ nhỏ gây ra tiếng động ấy trong những ngôi nhà cũ. Tiếng động mà tôi nghe được chỉ là tiếng của con bọ mà thôi. Tôi tiếp tục tìm diêm quẹt, không ngừng để tâm lắng nghe tiếng tích tắc ấy, dường như nó đã thay đổi vị trí và đi theo tôi. Trong trí tưởng tượng bối rối của mình, tôi tin rằng có người đang bám theo tôi không một tiếng động, một người mà tôi không nhìn thấy được nhưng lại nghe được tiếng từ chiếc đồng hồ bỏ túi của người ấy. Cuối cùng tôi cũng tìm thấy diêm quẹt. Tôi nhắc cái thông phong lên khỏi cây đèn - nó còn ấm. Cái thông phong bằng thủy tinh hãy còn ấm.

Tôi đứng đó như trời trồng; một tay là cái thông phong, tay kia là que diêm đang cháy. Que diêm cháy cho tới khi lửa lan tới các ngón tay của tôi rồi tắt hẳn, và tắt cả lại chìm vào bóng tối. Cảm giác duy nhất xâm chiếm tôi sau đó là khát khao muốn xé rách màn đêm, đưa ánh sáng về quanh tôi. Tôi không nhớ làm thế nào nhưng ngay khi đốt được đèn lên thì tôi lại vô tình nhìn ra cửa sổ. Đó là một cái cửa sổ to kiểu cũ với tám tấm kính. Bóng tối đang nằm ngoài kia, trước tám tấm kính ấy, và làm cho chiếc cửa sổ tối

đen như gỗ mun... Tấm màn cuốn... Tôi đứng dậy để thả nó xuống. Cả người tôi run lên vì sợ...

Lúc đó, tôi nhìn thấy một gương mặt trong bóng tối ngoài kia đang nhìn chăm chăm vào tôi. Đó là gương mặt của người bị giết... cái trán cao... đôi môi đỏ như máu nằm giữa bộ râu và ria mép như một vết thương chưa lành. Gương mặt ấy hiện ra rõ ràng trong bóng tối đen như mực. Và bây giờ nó tiến đến gần, tôi có thể nhìn thấy cả cổ họng, cái cổ áo bị gấp lại, chiếc cà-vạt nằm vắt vẻo trên tai phải. Người chết này đang định trèo vào phòng tôi!



CON CHÓ

Tôi lão đảo rời xa cửa sổ, cúi mặt vào tường và quỳ xuống đó trong vài phút, ngồi tựa vào bên thành giường. Bằng cái giọng nói kì lạ và xa xôi, tôi kêu lên vài tiếng trong nỗi sợ hãi không dám thở.

“Không, không, không!”

Tôi không dám tiếp tục nhìn về phía cửa sổ nhưng vẫn cảm nhận thấy nó đằng sau gáy, rằng gương mặt đáng sợ ấy ở ngoài kia, trong bóng tối, đang dần dần tiến đến. Bây giờ nó vào nhà qua những tấm kính màu xanh, xuyên qua tấm kính như một xác chết trôi dạt trong nước - từ từ và đáng sợ, nhích từng chút một, không một tiếng động. Tôi không dám nhìn ra đó, dù có chuyện gì xảy ra đi nữa. Thế nhưng, tôi bất thành linh xoay đầu lại.

Gương mặt đang ở đó, trắng bệch và gớm ghiếc, với cái trán cao và đôi môi đỏ tươi như của một đứa bé. Tôi lao mình lên giường và che mắt lại, nhưng sau gáy vẫn cảm nhận được làn hơi lạnh giá của sự sợ hãi, lạnh lẽo như ánh trăng ma quái.

... Cuối cùng, tôi tỉnh dậy sau cơn mê kéo dài chừng một tiếng đồng hồ.

Ánh sáng mờ ảo của ban mai chiếu vào phòng. Tuy vẫn chưa dám nhìn ra cửa sổ, tôi biết rằng ở ngoài kia, nắng đang bùng lên từng phút một. Tôi cảm giác như mình đang nằm trong ca-bin của một chiếc thuyền nhỏ, xuyên qua bóng tối như hũ nút, và bây giờ thì ngày đã đến và ánh sáng xuất hiện.

Khi tôi nhận biết các đồ vật quanh mình rõ tới đâu thì sự sợ hãi lại nhanh chóng biến mất đến đó; khi tôi nhìn đến chiếc đồng hồ treo tường kiểu cổ điển nhưng đã không còn chạy nữa, những bức tranh giả sơn dầu nho nhỏ, bức ảnh của người anh hùng lập quốc Na Uy năm 1905, những bình hoa và xấp giấy trắng trên bàn, tất cả đều mang lại sự ấm cúng và yên bình. Ngay lúc đó, tôi biết rõ rằng mình đã phản ứng thật không ra sao cả. Tôi đã lần thứ hai bất tỉnh, yếu đuối hơn cả một người đàn bà trong cơn hoảng loạn.

Tôi nhìn ra cửa sổ...

Ở ngoài kia, cây cối đang vươn cao về phía bầu trời ẩm ướt, xám xịt. Tôi mở cửa sổ ra. Ngay lập tức, những tấm màn bay ngược vào phòng như những cánh buồm đầy gió, dù bên ngoài lặng gió. Không khí nặng nề tràn vào phòng, mang theo mùi của biển, màu xanh da trời được phản chiếu từ những đám mây tươi sáng, mùi hương tuyệt vời của mùa hè từ những bãi cỏ nơi xa vừa mới được cắt xong, của những ngọn đồi đầy nắng trên cánh đồng hoang, từ những cánh rừng thông. Ở đây, bầu không khí đầy ắp mùi nồng nồng của nhựa cây và những quả thông mục, sau khi nấn ná bên những ụ đất đầy bí ẩn của mùa hè, nơi những quả mâm xôi và dâu đất mọc sum suê giữa những cành cây khô và những con rắn độc trơn ướt bò ra từ dưới những tảng đá.

Dưới màn mây màu xám, không khí thật oi bức; nhưng rồi gió đông đã

đến cùng với bình minh và vén tấm màn xám ngoét ấy ra khỏi chân trời. Ở phía đông, những ngọn giáo ánh sáng màu xanh đã xuyên qua tấm thảm mây, lấp lánh và óng ánh vàng trong không khí, tựa như có hàng ngàn thanh kiếm sáng lóa cùng chuyển động.

Thoát được sức đè nén của bóng tối và sợ hãi, tôi bắt đầu bình tâm suy nghĩ xem rốt cuộc chuyện gì đã xảy ra. Tôi cảm thấy chán ghét bản thân mình bởi sự hèn nhát và thiếu tự chủ của mình. Toàn bộ sự việc ấy chỉ là ảo giác, một hiện tượng xuất phát từ tâm thần bất ổn, bị kích động nặng nề của tôi. Nhưng rõ ràng, ai có thể vững vàng được trong những lúc như thế chứ? Tôi cảm thấy như đang bước trên một sàn nhà đầy máu.

Bây giờ thì không thể nghĩ đến chuyện đi ngủ được nữa. Tôi muốn ra biển và nghe những con thuyền rời khỏi cây cầu và đến nơi đánh cá. Tôi không thể chịu đựng được sự yên lặng đến trầm mặc trong căn phòng này được nữa.

Cửa không khóa. Tạ ơn Chúa, tôi thề nhũ, đêm qua tôi đã không biết đến điều đó, bởi nếu biết, nó hẳn sẽ là nguồn cơn kinh hoàng khác cho tôi.

Tôi đi vòng quanh ngôi nhà, đến bên cửa sổ, ước lượng khoảng cách từ mặt đất đến tấm kim loại che bệ cửa sổ và đoán định được ngay rằng một người đàn ông với chiều cao trung bình có thể đứng dưới cửa sổ và ló mặt lên nhìn vào trong, giống như gương mặt tôi đã nhìn thấy qua tấm kính đêm qua. Thật là kỳ lạ. Ở dưới cửa sổ có một mảnh đất đen nhỏ và mềm, một vài cây táo èo uột mọc bên trên, sát cạnh cửa sổ có một luống đất trồng hoa, những cây hoa còi cọc và thưa thớt vì thiếu ánh nắng.

Tôi nhìn xuống luống đất trồng hoa, đột nhiên cảm thấy như có dư âm

của cơn kinh hoàng hồi đêm ập về. Ngay giữa luống hoa là hai dấu chân hằn rõ trong đám đất màu đen. Tôi kéo các cành cây sang một bên để nhìn kĩ hơn. Rõ ràng là có một người vừa đứng ở đây. Tôi ấn chân phải của mình vào cạnh bên, và khi nhấc chân lên tôi nhận thấy bàn chân mình dài hơn hai dấu chân đó chừng nửa xăng-ti-mét. Ngoài ra, hoàn toàn không có sự khác biệt nào giữa ba dấu chân ấy; tất cả chúng đều đã rõ rành rành trên đất. Chính điều này đã cho tôi biết rằng chắc chắn rất gần đây có ai đó đứng đây nhìn qua cửa sổ, thậm chí là chỉ từ vài tiếng trước. Đêm qua ư? Tôi quỳ xuống và xem xét kĩ hơn. Tôi lập tức tìm thấy nhiều dấu vết hơn, và tôi có thể nhìn thấy hằn ta rẽ xuống từ con đường dẫn đến các tấm đá hoa cương như thế nào. Hằn ta đã đi ở đây... và cả ở đây. Hằn ta đến mảnh vườn, gạt những cành cây sang một bên và bước vào chỗ của mình trong luống hoa. Hằn ta đã đứng ở đó khá lâu, có lẽ là nửa giờ. Tôi nhận ra điều ấy ở hai dấu chân lún sâu hơn những dấu chân còn lại, hằn ta đã đứng im bất động... và nhìn vào phòng tôi.

Chẳng hiểu vì sao tôi lại giận dữ dùng chân xoa đi xoa lại trên luống hoa nhằm xóa các dấu chân đi, đến nỗi xới tung đất lên và bẻ gãy các thân cây. Xong việc, tôi lại cười chính bản thân mình vì sự kích động đó, rồi đứng sát tường và nhìn vào qua cửa sổ.

Tôi chột rùng mình. Tôi đã nghĩ rằng mình sẽ nhìn thấy một cái gì đó trong phòng, và tưởng tượng rằng trong đó bây giờ phải hoàn toàn khác với khi tôi rời khỏi đó. Tôi có cảm giác sợ hãi, khi một người đứng trước gương và thứ đang nhìn ngược lại từ tấm gương không phải khuôn mặt họ.

Nhưng gian phòng hoàn toàn không có gì thay đổi, cái bàn, cái ghế, cái giường vẫn ở nguyên vị trí; trên tường vẫn là những bức tranh in giả sơn

dầu, bức ảnh người anh hùng lập quốc của Na Uy năm 1905.

Giờ đây, tôi đứng ở đó và nhìn qua tấm kính ở phía dưới cửa sổ. Tôi nhớ là tôi đã nhìn thấy gương mặt của người chết trong bóng tối đen kịt qua chính tấm kính này. Viên kiểm lâm Blinde bị giết cũng cao bằng tôi. Đúng rồi. Người chết đã đứng trước cửa sổ đêm qua.

Tôi vội vã rời khỏi nơi ấy.

Dấu chân, hiện thực không thể chối cãi ấy, khiến tôi bối rối và mọi kết luận của tôi bị bác bỏ. Thế nghĩa là không phải ảo tưởng! Nhưng viên kiểm lâm đã chết, người ấy đã chết và đã được chôn cất, làm sao anh ta có thể đứng ở ngoài cửa sổ trong đêm khuya, và nhìn tôi ở bên trong?

Tôi lê bước trên con đường dọc theo bờ biển, mặc dù mặt trời không hiện ra giữa những đám mây nhưng cái nóng nực vẫn bức bối áp trên mặt đất. Một ngày oi bức đang chờ đợi tôi, tôi biết.

Còn chưa nhìn thấy người, nhưng từ bãi biển dưới kia tôi nghe được đủ mọi tiếng ồn. Ván lót thuyền được đóng vào vị trí, nước đọng ở trong cũng được tát cạn. Những căn nhà kho sơn đỏ bên cạnh biển do sương mù tối qua tôi thăm hơn bình thường. Biển lặng yên, tựa như bị ghim chặt vào những vách đá và những hòn đảo đá. Một con thuyền có mái chèo bơi ra từ trong bóng tối phía gần bờ; một ông già cầm mái chèo, từ từ bơi tới với những cái cọc chèo kêu kin kít, làm những gợn sóng lan ra khắp vịnh.

Tôi đi chân trần, thầm thắc mắc không biết giờ là mấy giờ, 4 hay 5 giờ sáng rồi? Lúc này, cuộc sống ngày mới đã bắt đầu. Nhiều con thuyền được chèo tới, tôi bắt đầu nghe thấy tiếng người nói chuyện nho nhỏ đâu đó bên cạnh cây cầu.

Trong lúc tôi đứng cạnh bờ biển và tận hưởng sự bình yên của ban mai, suy nghĩ mông lung về sự kiện đáng sợ hồi đêm, thì bỗng nhiên một tia nghi ngờ xẹt qua. Tôi biết nó đã xuất hiện trong suy nghĩ của mình, nhưng không thể bám rễ được cho đến thời điểm này. Thế nhưng bây giờ nó bất ngờ xuất hiện một cách rõ ràng, và tôi không thể phớt lờ nó được nữa, tới mức tôi không thể ngừng suy nghĩ về nó. Tôi đi lại trên cầu, rùng mình vì căng thẳng: Phải như thế, mọi việc có liên quan với nhau như thế và tất cả cũng được giải thích như thế. Tấm màn đen tối che giấu mọi bí mật bất ngờ bị giật phăng, nhưng đồng thời, một cảm giác sợ hãi không rõ ràng lại ập đến, linh tính cho mối nguy hiểm lớn sắp sửa xảy ra.

Tôi đi về khách sạn; tuy không nghĩ là sẽ gặp một du khách nào đó vào giờ này, nhưng tôi nghĩ có thể mình sẽ có được một ly bia hay một chén xúp. Sau lần bất tỉnh này, tôi cảm thấy người yếu đi, như sau một cơn đói lâu ngày. Khi tôi đi đến bãi cỏ nằm giữa khách sạn và đường đi, tôi nhận thấy tấm bạt che nắng sọc đỏ đã không được kéo lên trong đêm qua. Tôi bước lên cầu thang, đi đến hàng hiên và nhìn qua cửa kính vào trong phòng ăn.

Gian phòng rộng lớn ấy tất nhiên không một bóng người, cửa không khóa, và tôi bước vào. Khăn trải bàn vẫn còn đó, cùng với phần đồ ăn thừa bữa tối hôm qua, vụn bánh mì rải rác, những ly sữa chỉ còn một nửa; hẳn là người ta không nghĩ là sẽ có khách đến vào lúc sáng sớm thế này. Trong một góc, sau vài cây dừa giả, chiếc dương cầm màu đen phô ra những phím đàn trắng như tuyết. Tôi biết nó có ở đó, và lướt nhìn qua chiếc dương cầm. Trên những tấm gỗ ốp dọc theo tường có một bộ sưu tập ly tách trông thật buồn cười. Một cái bàn đặt cạnh cửa vào gian bếp, trên đó đặt một máy hát

và một cái khui nút chai màu vàng. Trong khoảnh khắc, tôi nhìn thấy cái máy ấy, tôi tưởng chừng như nghe được tiếng lạch cạch của nó trong tâm trạng bồn chồn, hồi hộp. Tôi mệt mỏi, ngồi phịch xuống một chiếc ghế bên cạnh cửa sổ.

Lúc đó, tôi nghe thấy tiếng cọt kẹt ở chiếc dương cầm, ánh mắt tôi lập tức lướt sang phía đó. Tôi giật nảy mình... Chúa ơi, ở đó một người đang ngồi trên chiếc ghế đánh đàn. Tôi đã lơ phờ tới mức không nhận ra được người này, mặc dù tôi biết chắc rõ ràng mình đã nhìn thấy cây dương cầm trước đó!

Khi phát hiện ra đó là Asbjörn Krag, vị thám tử, tôi lập tức cảm thấy khó chịu. Ông ta bước đến bên tôi, gật cái đầu hỏi chào tôi và mỉm cười. Kỳ lạ thay, tôi bỗng cảm thấy kinh sợ và mong muốn ông ta đừng đến gần tôi nữa. Gương mặt ông ta xương xẩu và trắng bệch, và nụ cười của ông ta, đáng lẽ phải ra vẻ hiền hòa, thì lại mang biểu hiện vô cùng không thân thiện. Ông ta bước thẳng tới chỗ tôi.

“Ông ngủ có ngon giấc không?” Ông ta hỏi.

Trong khoảnh khắc đó, khi nhìn thẳng vào đôi mắt ông ta, tôi cảm thấy hết sức rõ ràng sự nghi ngờ của mình được củng cố thêm. Không còn nghi ngờ nữa, tôi biết rõ, một cách đáng sợ và chắc chắn đến mức không thể nào bác bỏ được.

Bằng vẻ bình thản nhất có thể, tôi trả lời:

“Cảm ơn, vâng, tôi ngủ ngon.”

Lúc ấy, ông ta thọc tay vào túi tìm chiếc đồng hồ và chậm chạp lấy nó ra. Đó là một chiếc đồng hồ vàng có nắp đôi. Nó kêu tách, rồi cái nắp bật ra.

“Mới 5 giờ sáng.”

“Thế à? Vâng, tôi cũng nghĩ thế.”

“5 giờ sáng,” vị thám tử nhắc lại, “tức là ngay cả khi ông ngủ ngon thì ông ngủ cũng không lâu. Ngoài ra thì đôi mắt như cho thấy ông đã gặp nhiều ác mộng.”

“Tôi có một cơn ác mộng,” tôi trả lời, “và nó đã đánh thức tôi dậy. Nhưng việc tôi hồi hộp và kiệt sức có làm cho ông ngạc nhiên không? Ở đây dường như ngày nào người ta cũng trải qua những việc gây kích động.”

Vị thám tử đứng trước mặt tôi và chú tâm xem xét thái độ của tôi trong khoảnh khắc.

“Tôi cho rằng ông nên dọn về khách sạn,” ông ta nói.

“Tại sao?”

“Ở đây có nhiều người. Ở đây ông có bạn bè và người quen, ông đâu cần phải sống cô độc như thế!”

“Ông thật sự tin rằng tôi sợ à?”

“Tôi cho rằng cảm giác của sự cô đơn hẳn phải đè nặng lên ông.”

“Hoàn toàn không. Tôi thích sống một mình và tôi có thể bảo đảm với ông rằng tôi không bị cả người sống lẫn ma quỷ quấy rầy kể từ khi sống ở ngoài mũi đất ấy.”

“À há, thật sự là không sao?”

Tôi không thể nào chịu đựng thêm được nữa ánh mắt dò xét đáng ghét ấy của vị thám tử, liền đi ra ngoài hàng hiên. Ngay sau đó, ông ta đã đứng cạnh tôi.

Bây giờ thì ông ta nói với một giọng điệu cách hoàn toàn khác, thân thiện và tán dương. Ông ta có thể hiểu được rằng tôi muốn dậy sớm, để tận hưởng một ngày đẹp trời như thế này.

“Hôm nay trời sẽ rất nóng đấy,” ông ta nói và chỉ tay đến những cánh đồng ngũ cốc. Những cánh đồng vàng óng, cuộn sóng nhẹ nhàng trong nắng mai và tràn vào khu rừng, làm những cái cây ở đó ngập trong lúa mì.

Asbjörn Krag lại nhìn vào đồng hồ của mình.

“Ông chờ gì thế?” Tôi hỏi.

“Chờ những người mang chiếc xe sắt từ dưới biển lên,” ông ta nói. “Ông đã quên mất việc ấy thật à?”

“Không, tôi thấy vui vì bí mật của chiếc xe sắt cuối cùng cũng sắp có lời giải đáp.”

Không lâu sau đó, người ta nghe được tiếng bước chân trong khách sạn, cửa được mở ra và đóng lại, Asbjörn Krag giải thích rằng ông ta đang rất đói bụng, liền đi tìm bà chủ khách sạn và kiếm được cà phê cho cả hai, Tôi cũng cố gắng nhâm nhi một chút nhưng hầu như không thể. Suốt lúc ấy, đôi mắt của Asbjörn Krag không ngừng nhìn tôi dò xét.

“Rõ ràng là ông không quen dậy sớm như thế này, có phải không?” Vị thám tử nhận xét. “Ông không muốn ăn gì cả.”

“Ông nói đúng. Đúng là tôi đang cảm thấy mình đã ngủ quá ít, mí mắt tôi nóng ran và nặng nề.”

“Nhưng giờ không phải là lúc ông nên ngủ,” Krag nói, giọng điệu sôi nổi, “ông phải theo tôi xuống biển, chiếc xe sắt chuẩn bị được kéo lên. Tôi hứa với ông là sẽ có một sự kiện lý thú đấy - và lần này thì hoàn toàn không

có đồ máu,” ông ta nói nhỏ. “Có phải không, chúng ta đã có đủ máu rồi!”

Tôi không trả lời. Asbjörn Krag cười to, vẻ khô khan đặc trưng.

“Ông cười về điều gì?”

“Xin lỗi ông,” ông ta nói, “có lẽ tôi hơi lạnh lùng, nhưng tính tôi là thế, và tôi cũng không biết phải làm sao. Tôi thấy ngón tay ông run run và chiếc nĩa va vào đĩa ăn kêu lanh canh. Tôi quan sát thấy có sự co giật nhẹ trên gương mặt ông khi tôi nói đến máu. Tôi thích việc đó, quan sát những sự kiện đáng sợ tấn công con người diễn biến ra sao và rồi họ dần dần ngã gục thế nào.”

“Tôi không ngã gục.”

“Tôi không nói thế, nhưng ông bị ảnh hưởng khá nhiều, tôi có thể nhìn thấy điều này ở ông.”

“Ông thấy điều đó đáng ngạc nhiên à?”

“Không đâu, ông bạn thân mến, tôi sẽ cảm thấy kỳ lạ hơn nhiều nếu như ông vẫn bình thản trước những sự việc đó. Nhưng bây giờ thì tôi nghe thấy có công nhân đến rồi.”

Một chiếc xe đang lăn đi trên con đường. Asbjörn Krag gấp chiếc khăn ăn lại, bình thản đặt nó xuống bàn cạnh đĩa ăn và bước đến bên cửa sổ.

Khi đã đứng bên cửa sổ, ông ta lầm bầm:

“Đúng, đúng là họ rồi.”

Tôi cũng bước ra đó.

Ở ngoài đường, có một chiếc xe bốn bánh đang đỗ lại, một người đàn ông vừa nhảy xuống xe, một người khác cầm dây cương. Cả hai hẳn không phải là người vùng này, tôi chưa từng nhìn thấy họ trước đây.

Tôi đứng sát ngay sau Asbjörn Krag; vì tôi cao hơn ông ta nên tôi có thể nhìn thấy một cái đầu hói láng bóng, làn da trắng và mịn màng như da của một đứa bé sơ sinh với tĩnh mạch xanh xao nổi bật. Đúng là ở mép tóc đấy, tôi nghĩ thầm, viên kiểm lâm đã lãnh cú đánh chí mạng ở đó, và hộp sọ của anh ta vỡ ra... Một cơn rùng mình kỳ lạ lướt qua, tôi không thể rời mắt khỏi cái đầu hói láng bóng ấy, vệt xanh lấp lánh ấy... Bất thành linh, viên thám tử xoay người thật nhanh và nhìn tôi.

“Ôi, đôi mắt!” Ông ta nói to.

Tôi nhìn chăm chăm qua người ông ta hướng ra ngoài, phía con đường và thích thú quan sát con ngựa đang cố vươn cái mõm đến đám cỏ bên cạnh đường đi nhưng rõ là đã hoài công. Tôi bất động đứng nhìn, một sự sợ hãi không thể giải thích chế ngự tôi.

Nhưng tôi sợ điều gì? Sợ một ý nghĩ mà thậm chí tôi không dám nghĩ một cách tường tận.

Khi tiếng nói bình thản tự nhiên của Asbjörn Krag đập vào tai tôi, tôi như được giải thoát.

“Chúng ta đi thôi chứ?” Ông ta hỏi. “Người ta đang chờ đấy.”

Tôi lặng lẽ đi theo ông ta đến chiếc xe, ngồi bên cạnh ông ta ở băng ghế sau. Chiếc xe đưa chúng tôi băng qua khu rừng, qua cánh đồng hoang cho tới cái đồi gập ghềnh ấy, trải dài từ cánh đồng hoang xuống tận biển.

Ở dưới đó, như Asbjörn Krag nói, là nơi chiếc xe sắt đã chìm, và bây giờ đang có một con tàu thủy chạy hơi nước và dăm ba con thuyền nhỏ qua lại, trên tàu có vài người đang bận rộn làm việc với dây dọi và sào dài. Người ta nghe được tiếng lạch cạch của một cầu trục kéo đang hoạt động. Biển im

lìm phằng lặng, làn sương mù ban mai đã kéo qua biển và giấu biệt đi những hòn đảo đá ở ngoài cùng, đến nỗi không thể nhận ra. Cảnh tượng xám xịt không màu sắc như một bức tranh vẽ bằng than chì nhợt nhạt. Chúng tôi đi xuống bãi biển, bước qua bãi cát và những đám cỏ. Cát dính chặt vào nhau và ẩm ướt vì sương, cả những hòn đá cũng ướt, và những chiếc thuyền ở ngoài kia trông cũng ướt sương, cho thấy độ ẩm đã bốc lên từ biển hồi đêm nhiều đến thế nào.

Nhưng bầu không khí ban mai đặc quánh lại truyền tiếng động đi như dây điện thoại. Asbjörn Krag đứng ở bãi biển, nói to với những người trên chiếc tàu thủy chạy hơi nước. Mặc dù nó nằm tương đối xa ở ngoài kia, chúng tôi nghe rõ từng câu trả lời.

“Các anh có tìm thấy gì không?” Vị thám tử hỏi.

“Ông thợ lặn đã xuống dưới đó hai lần rồi,” câu trả lời vọng lên từ chiếc tàu, “ông ấy nhìn thấy một vật kỳ lạ ở đáy biển, nhưng khó mang lên lắm.”

“Nhìn có giống xe ngựa không?” Krag hỏi.

“Không giống lắm,” người thủy thủ nói. “Nhưng đúng là có bánh xe và làm hoàn toàn bằng sắt thép. Ông thợ lặn nói là chưa bao giờ nhìn thấy cái gì như vậy cả.”

“Có thể mang nó lên bờ ngay không?”

“Hừm, chắc phải vài tiếng nữa, nó nặng lắm,”

Người trên những chiếc thuyền nhỏ ngừng làm việc và nghe ngóng cuộc trao đổi. Có ai đó nói xen vào:

“Nó nằm ở độ sâu gần 36 mét, chúng tôi không thể hiểu làm sao nó có thể xuống sâu đến thế!”

Asbjörn Krag vẫy vẫy tay, trả lời:

“Tất nhiên là nó tiếp tục chạy đi dưới đáy biển. Anh có tìm thấy người nào không?”

Sau khi ngừng một lúc khá lâu, người ta ngạc nhiên hỏi:

“Không! Có người ở trên đó à?”

“Không biết được,” Krag trả lời, “các anh hãy kiểm tra cho kĩ vào.”

Asbjörn Krag bước vài bước dọc theo bãi biển. Công việc trên những chiếc thuyền lại tiếp tục, cái cầu trục lại kêu vang.

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi cỗ máy lớn được khởi động. Cần ít nhất từ hai mươi đến hai mươi lăm người làm việc đó.

“Tất cả những người này từ đâu đến vậy?” Tôi hỏi Krag. “Và những chiếc thuyền đó? Làm sao ông có được chúng?”

“Đó là một chiếc tàu dùng cho thợ lặn,” vị thám tử trả lời, “như ông nhìn thấy đây. Hôm qua tôi đã đánh điện yêu cầu những người này và chiếc tàu đến hỗ trợ.”

Ông ta nhìn ra biển và lẩm bẩm như đang nói một mình. “Đứng đợi cũng chẳng để làm gì. Phải vài tiếng nữa người ta mới xong. Tôi sẽ quay lại khách sạn.”

Tôi đứng đó ngắm biển. Những con tàu rải rác khắp nơi. Tôi nghĩ, nếu đã tìm thấy chỗ cái xe ngựa chìm rồi thì tại sao lại không tập trung lại đó? Ít nhất thì làm vậy chắc chắn sẽ làm việc đưa cái xe vào bờ dễ dàng hơn chứ.

Tôi hỏi Krag về điều này nhưng ông ta trả lời. “À, chuyện ấy khó đấy. Cái xe vừa to vừa nặng.”

Tôi bất chợt nhớ lại những gì ông ta đã nói về người lái xe.

“Ông không tin rằng”, tôi hỏi, vẻ sợ hãi, “chúng ta sẽ còn tìm thấy một người chết nữa chứ?”

“Người ta phải luôn chuẩn bị tinh thần cho điều tồi tệ nhất,” Asbjörn Krag nói. “Đi nào, chúng ta ra khỏi đây thôi. Chúng ta sẽ biết sớm thôi.”

Chiếc xe chờ sẵn chúng tôi trên đồi, tôi nghĩ giờ chúng tôi sẽ về khách sạn, nhưng Asbjörn Krag lại đề nghị đi bộ, tôi cũng không phản đối. Tôi cũng rất muốn sốc lại tinh thần mình qua một chuyến đi bộ ngắn, tôi cảm nhận được cơn mệt đang len lỏi trong cơ thể. Mặt khác, tôi biết rõ rằng tinh thần mình căng như dây đàn, khó mà ngủ được nếu trở về nhà. Máu chảy rần rần, tim đập tình thích, một ngọn lửa kỳ lạ như vừa được nhóm lên, thiêu đốt tinh thần tôi.

Tôi đi theo Krag về phía nam dọc theo bờ biển. Không biết ông ta có ý định gì khi đi trên con đường này? Tôi không nói gì. Một lúc sau, tôi biết rằng vị thám tử có dụng ý cả, rất hợp với kế hoạch của ông ta. Nói cho cùng, ông ta làm gì cũng đều tính toán, thế nhưng ông ta lại tỉnh bơ, vờ như không có gì, rõ ràng mình không làm điều gì khác thường cả.

“Ông dẫn tôi đi đâu?” Cuối cùng tôi hỏi.

“Trở về khách sạn,” ông ta nói. “Tôi muốn chỉ cho ông biết một con đường qua đồi mà có thể ông chưa từng đi qua.”

“Tôi thật sự không biết rằng ở đó có một con đường.”

“Phải, một con đường tương đối rộng, rất hợp cho việc đi dạo, một con đường không thể tuyệt hơn cho buổi sáng tươi mát tuyệt vời như hôm nay.”

Ông ta quả thật không có mắt nhìn thiên nhiên, vì ông ta nói buổi sáng hôm nay tươi mát, đẹp tuyệt vời, trong khi nó oi bức, hết sức tĩnh lặng và

bức bối, bầu trời như dính chặt trên mặt đất, không thấy được chân trời. Biển xám ngoét như chì và phẳng lặng tới mức những mòm đá nằm dưới mặt nước cũng lộ ra. Vào một buổi sáng như thế này, cá sẽ trôi lên với những đôi mắt đỏ quạch và cắn câu âm ỉ; với người thì đây là thời tiết để tự sát. Tôi đứng trên đỉnh núi đá và ao ước có được một bầu không khí mát mẻ, một ngọn gió thổi qua thanh lọc thân thể. Tôi làm ướm một ngón tay, để xem gió thổi chiều nào. Nhưng tôi tuyệt nhiên không cảm nhận được một làn gió nào, dù là nhẹ nhất; chỉ thấy mắt mình như đang bị hun nóng. Sớm thôi, một ngày hầm hập sắp diễn ra.

Vị thám tử dừng lại.

“Bây giờ chúng ta đang ở nơi cao nhất,” ông ta nói, rồi chỉ xuống một cái sườn dốc dẫn thẳng xuống biển.

Tôi bước đến rìa con đường nhưng lùi lại ngay lập tức.

“Ông chóng mặt à?”

“Có lẽ vậy, dầu sao tôi cũng không thích nhìn xuống vực sâu.”

Asbjörn Krag đứng đó, im lặng một lúc. Bây giờ, chắc chắn sẽ xảy ra điều gì đó, tôi thầm nghĩ và hồi hộp chờ đợi xem ông ta nói gì.

“Tôi thường hay ngạc nhiên,” vị thám tử nói, “về việc những tên giết người hành xử ngu ngốc đến mức nào.”

“Giết người?”

“Phải, và trong số những kẻ đó thì ngu ngốc nhất là kẻ hành động theo bản năng, không suy nghĩ tính toán gì. Nhưng ngay cả những kẻ tiến hành giết người theo một kế hoạch chính xác nhất cũng vẫn thường hành xử vụng về đến mức không thể tin được. Ví dụ như người đánh chết viên kiểm lâm.”

“Ông có hoàn toàn chắc chắn là anh ta bị đánh chết không?”

“Chắc chắn!”

“Tôi không thể hiểu tại sao ông lại có thể chắc kèo như vậy. Ông già Gjaemaes và Blinde, cả hai người đều được phát hiện chết ở cùng một nơi. Cả hai đều có một vết thương sau đầu. Chính ông đã nói rằng ông già Gjaemaes đã chết vì một tai nạn và chiếc xe sắt là nguyên nhân chính trong cái chết của ông ấy. Tại sao không thể nói cái chết của viên kiểm lâm cũng vậy?”

“Bởi vì tôi biết rằng anh ta bị đánh chết.”

“Dù thế nào đi nữa thì cũng khó mà chứng minh được.”

“Rất khó,” Asbjörn Krag trầm ngâm trả lời, “nhưng vì vậy mà tôi cũng đã làm việc một cách hết sức khác thường trong vụ này. Dầu sao thì ông cũng phải đồng ý với tôi là tên giết người đã hành động như một kẻ điên loạn.”

“Tôi không biết điên loạn có phải từ mô tả đúng đắn cho việc một người đánh chết người khác hay không.”

“Tất nhiên là không, nhưng tôi chỉ nói thế để mô tả cách thức tiến hành tội phạm thôi. Mang ông ta đến đây có phải dễ dàng hơn bao nhiêu không?”

“Đến đây ư?”

“Đúng thế. Chúng ta cứ giả định là kẻ giết người có thể kiềm chế tới mức hãn vừa hòa hoãn trao đổi với nạn nhân vừa đi trên con đường này, đúng như chúng ta đang làm bây giờ; rồi hãn chỉ cần đẩy anh ta sang một bên, một cú đẩy nhẹ ở vai, thế là anh ta sẽ rơi xuống và chết. Ông xem có ai nghĩ rằng đó là một vụ giết người hay không? *Một tai nạn*, người ta sẽ nói

như thế, *một tai nạn đáng thương, hoặc có thể là một vụ tự sát.*”

“Nhưng người đi cùng anh ta?” Tôi thì thảo.

“Hắn ta đi một mình. Không ai cần phải biết rằng tên giết người đã đi cùng nạn nhân. Ở chỗ này hiếm có ai đi qua; từ ngoài biển có thể đi lên đến đây mà không ai nhận ra.”

Nói đoạn vị thám tử cười to.

“Ông thấy đấy, khi quen thuộc địa hình thì rất dễ trở thành một tên giết người,” ông ta nói tiếp trong khi vỗ vai tôi, “bây giờ thì tôi lại quay về với những sự việc đáng sợ. Nhưng đó là nghề nghiệp của tôi, nhiệm vụ của cuộc đời tôi là luôn nghĩ đến những tình huống như thế. Tuy vậy, có lẽ tôi nên tránh nói những điều đó ra khi đi cùng với ông, vì tôi có thể thấy là ông khá khó chịu.”

“Ông cứ nói với tôi những gì ông muốn... Tức là ông muốn nói rằng tên giết người lẽ ra đã có thể tiến hành tội ác của hắn một cách an toàn hơn bằng cách này ư?” Tôi hỏi ngược lại.

“Không, ông bạn thân mến,” Krag ngắt lời tôi với vẻ hết sức thân ái. “Bây giờ thì ông không cần phải mang tôi trở về với sự việc ấy đâu. Ông thật lịch sự. Tôi biết ông không thích điều này.”

Trong lúc đó, ông ta đi trước tôi vài bước, cái đầu hơi rụt lại, làm cho cái áo khoác có một nếp gấp trên gáy. Tôi có cảm giác như ông ta đang cười thầm.

Khi chúng tôi về đến khách sạn, Asbjörn Krag lập tức lên ngay phòng mình để làm việc. Tôi ở lại đó, trao đổi với những người khách khác. Tất cả bọn họ đều muốn đi xem người ta kéo chiếc xe sắt lên. Tin về việc công ty

trục vớt đến đây đã lan truyền; người ta thuật lại rằng các thợ lặn đã lặn xuống dưới đáy nhiều lần và đã nhìn thấy chiếc xe nhưng họ vẫn chưa biết rõ thật ra đó là vật gì. Người ta muốn tôi đi cùng, nhưng tôi không thích, vì tôi nghĩ đến con người đã đi trên chiếc xe ấy, người sở hữu nó, đã chết; tôi nhìn thấy ông ta ngay trước mắt mình, thấy ông ta nằm ở dưới làn nước có màu xanh như thế nào... Có lẽ ông ta đang được kéo lên, thật chậm, trong khoảnh khắc này. Và tôi có thể nhìn thấy rõ nét mặt của ông ta dưới biển. Giống như nó đang trượt qua sau một tấm kính màu xanh... Bỗng nhiên trong tôi trào dâng một ý nghĩ tuyệt vọng...

Phòng của Asbjörn Krag ở tầng một của khách sạn, cửa sổ nhìn ra một mảnh vườn nhỏ giống như của tôi. Tôi biết là ông ta đang ngồi làm việc bên bàn viết và nhìn ra cửa sổ.

Vì thế, tôi rón rén đi ra vườn, giữa những gốc cây, nhẹ nhàng nhất có thể, và bất thành linh đứng trước cửa sổ phòng ông ta. Tôi nhìn thấy ngay cái đầu hói màu trắng, nổi bật lên trước nền tối của gian phòng; ông ta không viết mà đang hí hoáy với một cái gì đó trên bàn, và không nghe thấy tôi. Tôi cẩn thận bước đến gần hơn, thật chậm. Sát sạt như gương mặt của người chết đến gần cửa sổ nhà tôi đêm qua, tôi thầm nghĩ. Khi tôi chỉ cách cửa sổ độ chừng một mét, ông ta như nghe được tiếng động của cành cây bị tôi giẫm lên. Bất giác, ông ta ngẩng đầu lên; tôi có thể nhìn thấy ông ta ngạc nhiên tới mức nào. Tôi không nói từ nào, tiếp tục tiến đến gần tấm kính cửa sổ. Lúc ấy, ông ta nhanh nhẹn với lấy một tờ báo và trải nó ra trên bàn. Tôi lập tức hiểu rằng ông ta muốn che giấu tôi điều gì đó, và không cho tôi được phép nhìn thấy nó, bằng bất cứ giá nào. Tôi có thể nhận ra điều đó qua những hành động bối rối và hấp tấp của ông ta. Tôi đã không lường trước

điều này. Bất chợt, tôi thấy mình thật hồ đồ. Thật ra thì tôi muốn gì ở ông ta kia chứ?

Ông ta mở cửa sổ ra.

“Tôi có thể giúp gì?” Ông ta hỏi.

“Ông không muốn đi xem chiếc xe sắt à?” Tôi buột miệng.

“Chưa. Nhưng nếu ông muốn đến đó tới vậy thì tôi sẽ đi cùng.”

“Không, cảm ơn,” tôi nói, “tôi không có ý đó.”

Sau đó, tôi muốn lùi lại. Tôi cảm thấy ngượng trước ông ta, thấy mình lúc này thật buồn cười và càng bức bối chính mình hơn nữa sau khi ông ta nói:

“Thật đáng thương, mặt ông tái mét rồi kìa. Ông còn chưa đi ngủ sao?”

“Tôi thường không đi ngủ vào giữa buổi sáng,” tôi trả lời.

Vị thám tử đóng cửa sổ lại, nhưng không lấy tờ báo ra khỏi bàn chường nào tôi vẫn có thể nhìn vào trong phòng ông ta.

Tôi rời khách sạn, bước nhanh dọc theo lối đi nhưng đích đến thật mơ hồ. Bây giờ thì mặt trời đã ở trên cao, bụi bay tung lên như bột mịn dưới những bước chân của tôi.

Tại bàn ăn, người ta bàn tán sôi nổi về chiếc xe sắt. Những chiếc thuyền của đám thợ lặn vẫn chưa trục nó lên được, và người ta cho rằng phải mất cả ngày hôm nay.

Một người đàn bà có quen biết với gia đình viên kiểm lâm thông báo một điều khiến tôi thật cảm động.

Bà ấy nhận được một lá thư từ cô em gái của người xấu số. Viên kiểm

lâm có một con chó tên là “Lord”. Sau khi chôn cất anh ta, con Lord nằm trên mộ của người chủ, cứ tru lên hoặc sủa vang, như thể nó muốn gọi anh ta trở về dương thế. Cuối cùng họ đành phải bắn chết nó.

Sau bữa trưa, tôi cố gắng ngủ trên bãi cỏ, nhưng ánh sáng chói mắt chiếu xuống từ trên trời làm tôi khó ngủ. Khi nhắm mắt lại, mi mắt tôi đỏ và nóng lên. Tôi nheo mắt nhìn lên, bầu trời như được phủ đầy kim cương. Sau đó, tôi quyết định trở về nhà của mình.

Thế nhưng một bất ngờ mới đang chờ đợi tôi. Tôi không thể cưỡng lại ý muốn nhìn lại vết chân dưới cửa sổ, cơn tò mò xen lẫn hồi hộp thúc giục tôi đi đến đó. Trước khi rời chỗ này vào sáng sớm, tôi đã xới tung đất lên và xóa hai dấu chân đi, nhưng bây giờ, hai dấu vết ấy lại vẫn còn nguyên, rõ ràng trong đất xốp. Tôi xem xét thật kĩ những dấu vết ấy, chúng giống hệt những dấu vết đầu tiên, đó là dấu chân của người chết. Người đó đã lại đến đây, nhìn vào phòng trong lúc tôi không có nhà.

Tôi vội bước vào nhà, vì không muốn suy nghĩ thêm nữa về việc này. Tôi sợ là mình sẽ phát điên lên mất. Vậy là nạn nhân chưa chết sao? Tôi rõ ràng đã nhìn thấy xác của anh ta trong ngôi nhà của những người đào cát kia mà, anh ta cũng đã được chôn cất rồi, con chó của anh ta thậm chí cũng đã bị bắn chết... Mà ngay bây giờ tôi tưởng chừng như mình vừa nghe thấy tiếng chó sủa ở đâu đó xa xa, một tiếng chó sủa hết sức buồn rầu. Tôi đóng cửa sổ lại, thả rèm xuống để cho căn phòng tối mờ đi. Dù gì đi nữa thì tôi cũng vẫn muốn đi ngủ.

Và thật sự là tôi đã ngủ được một giấc tương đối dài, nhưng lại bị đánh thức bởi một giấc mơ đáng sợ. Tôi đang đứng trước một tấm gương, xem

xét gương mặt mình, trông nó tái xanh và hoảng loạn. Đôi mắt tôi như dán chặt vào chiếc cà-vạt đang đổi màu, từ xanh nước biển và nhanh chóng chuyển thành xanh lá cây, hết như chiếc cà-vạt của người chết. Tôi thấy điều đó rất đáng ngạc nhiên và đáng quan tâm nhưng không cảm thấy sợ hãi. Nhưng rồi chiếc cà-vạt bất ngờ tự chuyển động, nút thắt tự tháo rồi lệch sang một bên. Cuối cùng, nó bị đẩy lên tai phải của tôi, giống hết như trên thi thể của Blinde lúc được phát hiện. Mắt tôi mở trừng trừng - tôi nằm mơ thấy như thế - nhìn vào chiếc cà-vạt, và tôi không thể nhìn sang vật nào khác. Bất chợt, một sự kinh hoàng giội vào tôi. Nếu như ngẩng lên, tôi sẽ nhìn thấy gương mặt ấy, nhưng liệu nó có còn là gương mặt đau ốm, tái xanh của tôi trong gương nữa không, hay là gương mặt của người kia? Bất thành linh, hình người trong gương từ từ hạ xuống, và bây giờ tôi nhìn thấy một bộ râu màu nâu đỏ cùng cái miệng đỏ tươi. Đó là gương mặt ấy, người chết với cái trán cao trắng bệch trên nền đen... Trong khoảnh khắc ấy, khi tôi ngược mắt nhìn lên, tôi nghe được một tiếng thét vang lên - là tiếng hét của tôi!

Giờ là 9 giờ tối, đã đến giờ ăn tối, nhưng tôi không muốn đi ăn hay rời khỏi ngôi nhà nhỏ. Tôi cũng không muốn kéo màn lên, đành phải đốt đèn. Tôi lơ đãng đọc một vài trang trong một cuốn sách mà không hề biết mình đang đọc gì. Từ ngữ trượt qua nhận thức của tôi như một cơn mưa trước cửa sổ. Cứ như thế suốt vài tiếng đồng hồ. Rồi rất nhanh sau đó, tôi nghe được tiếng bước chân trên cát trước cửa ra vào. Tiếng chân không đi đến cửa ra vào mà đi tới cửa sổ.

Tôi đứng bật dậy, cầm lấy khẩu súng lục. Tiếng chân ấy dừng lại. Rồi tôi lại nghe thấy bước chân nối tiếp bước chân, ngày một gần hơn. Cảm giác

phải đứng trong nhà và không biết ai đang đi ở ngoài thật là khủng khiếp. Tuy nhiên, việc nghe thấy tiếng bước chân bên ngoài căn nhà nhỏ này cũng là chuyện thường, vì dù gì thì tôi cũng đang ở trong khuôn viên của một khu nghỉ dưỡng đông người. Tôi nhớ là đã tự trấn an mình bằng điều này, rồi sau đó tự chế giễu bản thân vì thần hồn nát thần tính. Tuy thế, tôi vẫn thật sự bối rối và hồi hộp tới mức tiếng động bất ngờ nào dù là nhỏ nhẹ cũng có thể khiến tôi hoàn toàn không làm chủ được mình nữa.

Sau đó, tôi không nghe ngóng thêm gì trong một lúc, nhưng rồi lại nhận thấy có gì đó đang dò dẫm dọc theo tường ở bên ngoài. Tiếng đi dò dẫm này thật kỳ lạ. Giống như một con thú rậm lông cọ thân hình vào tường. Sau đó, mọi thứ im lặng trong vài giây, và rồi tôi nghe thấy tiếng gõ cửa mạnh và khô khốc.

Cửa không khóa.

“Mời vào!” Tôi nói khá to với giọng điệu mà chính tôi cũng không nhận ra được nữa.

Cửa mở ra, và Asbjörn Krag bước nhanh vào phòng.

Khi nhìn thấy tôi với khẩu súng lục trên tay, ông ta đã vô cùng sửng sốt.

“Ôi, ông lo xa quá rồi. Bây giờ thì ông đúng là đã bị kích động quá nhiều! Ông thực sự tin rằng có ai đó định cướp mạng sống của ông à?”

Tôi ném khẩu súng xuống cái bàn trước mặt.

“Ông có cách đến thăm người khác thật kỳ lạ,” tôi nói. “Sao ông lại đi vòng qua cửa sổ?”

“Tôi không nhớ cửa ra vào ở đâu.”

Tôi tưởng chừng như ông ta đang cười. Tôi như thấy được hàm răng

trắng ớn làm cho gương mặt sắc cạnh của ông ta ngày càng xấu xa hơn.

“Có phải ông sờ soạng dọc theo tường không?”

“Đúng thế,” ông ta nói, “tôi tìm cửa ra vào.”

Krag ngồi xuống cạnh bàn, với tay cầm lấy khẩu súng của tôi. Ông ta cầm, xem xét nó và nhìn vào ổ đạn.

“Tôi thấy là ông đã lên đạn,” ông ta nhận xét. “Một khẩu súng đẹp. Ông bắn súng có tốt không?”

“Có, rất tốt.”

Ngay sau đó, ông ta đặt khẩu súng xuống.

“Ông có chuyện gì muốn nói không, ông Krag?”

“Có,” vị thám tử trả lời. “Tôi chỉ muốn hỏi ông có thích đi xem chiếc xe sắt hay không?”

“Người ta đã kéo nó lên được rồi à?”

“Đúng vậy.”

“Cả người đi trong xe?” Tôi hỏi mà như thì thào.

“Chúng tôi cũng tìm thấy cả người ấy, ông ta chết rồi.”

“Thật ra thì tôi định đi ngủ bây giờ,” tôi trả lời.

“Tức là ông sợ à?”

“Không.”

Vị thám tử lườm tôi. Một sự chế giễu và hả hê trong ánh mắt của ông ta; hiển nhiên điều đó khiến tôi nổi giận và nói to:

“Ông làm mọi việc để khiến tôi sợ hãi. Ông chắc phải bực mình lắm vì cứ thất bại hết lần này qua lần khác?”

“Bây giờ thì tôi thật sự không hiểu ông,” Asbjörn Krag trả lời.

“Tất nhiên là ông cố tình đi vòng qua cửa sổ. Và ông cũng có ý định nào đó khi rón rén đi dọc theo tường như một con thú.”

“Tôi đã giải thích lý do về việc này rồi mà! Ông hay hoảng sợ quá, ông bạn thân mến ạ. Ông tưởng tượng ra ma quỷ ở khắp nơi. Chẳng phải tối thế này thì người ta phải sờ soạng một lúc mới thấy được nắm đấm cửa hay sao?”

“Đêm nay trời không tối lắm.”

“Có chứ. Mây nằm thấp như thế kia mà!”

Nhưng tôi cũng muốn cho ông ta biết rằng tôi không đồng ý.

“Tất cả những gì ông làm đều là cố tình,” tôi nói, “ông rón rén đi lại như một con sói vậy.”

Asbjörn Krag không trả lời ngay lập tức, ông ta ngồi xuống cạnh bàn, cầm khẩu súng của tôi và đùa nghịch.

Không lâu sau, ông ta bỗng trầm tư lẩm bẩm:

“Thế đấy, nghe giống như thế à...? Như một con sói chạy đi chạy lại, rón rén đi lại?”

“Đúng thế, hay là một con chó.”

“Đêm nay ông có nghe được tiếng con chó không?”

“Con chó nào?”

“Con chó ấy.”

Ông ta nói hết sức bình thản, nhưng vẫn lộ rõ vẻ sốt ruột, giống như muốn nói: *Ông bạn thân mến, tôi chỉ có thể nói về một con chó thôi, và ông*

biết rất rõ là con chó nào!

Tôi ngồi đung đưa trên chiếc ghế bập bênh, đầu tôi gục sâu tới mức viên thám tử không thể quan sát được gương mặt tôi lúc đó.

Trong lúc đó, tôi nghĩ đến con chó của người đã chết. Tiếng sủa xa xa vẫn còn văng vẳng trong tai tôi. Có một cái gì đó kỳ lạ, đầy đe dọa trong tiếng tru than thở ấy.

Sau nhiều phút im lặng, cuối cùng tôi nói:

“Mới đây tôi có nghe thấy tiếng con chó sủa, có phải đó là con chó ông muốn nói đến không?”

“Đúng rồi,” vị thám tử trả lời.

Rồi ông ta ngồi đó và lắng nghe. Ánh sáng từ cây đèn chiếu thẳng vào mặt ông ta, trắng và dường như trong suốt. Tôi dùng chiếc ghế bập bênh lại, nhìn về phía ông ta. Trong thâm tâm tôi hài lòng với ý nghĩ rằng mình đang ngồi trong bóng tối, trong khi gương mặt của ông ta được chiếu sáng rõ mồn một. Ông ta chống khuỷu tay phải lên bàn. Tôi quan sát bàn tay ông ta kĩ hơn. Nó gầy guộc và cổ tay đầy lông, các ngón tay dài, xương xẩu và được bao bọc bởi một làn da tái xanh... Nhưng tại sao ông ta cứ ngồi đó và lắng nghe? Tôi có cảm giác mình lại bắt đầu hồi hộp. Dường như việc cố gắng lắng nghe này là một chỉ dấu, rằng có một người thứ ba trong phòng, một con người xa lạ và vô hình. Thêm vào đó là sự im lặng này... Nó giống như sự im lặng mà tôi cảm thấy thật nặng nề vào buổi sáng cùng ngày ở ngoài kia, trên cánh đồng hoang; sự im lặng mà người ta không nên lắng nghe nó, vì rồi thì người ta chỉ nghe được một mớ những âm thanh lộn xộn kỳ lạ, vô số tiếng la hét và cuối cùng là một tiếng âm ì nặng nề từ phía xa

mà không thuộc về thế giới này nữa... Tôi phải nghe được tiếng người, tôi muốn nghe được giọng nói của chính tôi.

“Ông lắng nghe gì thế?” Tôi hỏi.

Ông ta giơ tay lên ngăn tôi.

“Suýt! Dường như tôi nghe thấy...”

“Ông nghe thấy gì?”

Ông ta không trả lời, tiếp tục lắng nghe, cuối cùng một âm thanh than vãn kỳ lạ vang đến, đó là tiếng tru của con chó.

Tôi đứng phắt dậy từ chiếc ghế bập bênh, nhanh tới mức thứ đồ cũ kỹ ấy phát ra tiếng kêu răng rắc.

“Tôi không thể chịu đựng được tiếng tru này của con chó, ôi... cái tiếng tru khốn nạn này. Ông có nghe được không, ông Krag? Con chó không thể ở xa đây được!”

Asbjörn Krag bây giờ cũng đứng dậy, tiến đến gần chỗ tôi. Tôi có cảm giác như mặt ông ta sẽ chạm vào mặt mình ngay lúc này.

“Ông có biết con chó đó không?” Ông ta hỏi.

“Không, nhưng ở đây nhiều người có chó lắm.”

“Tôi chưa từng nghe được một tiếng tru nào như vậy,” Asbjörn Krag nói. “Tôi đã nghe thấy tiếng con chó từ lúc trên đường đi đến đây, và tôi bất chợt chứng hứng. Tôi không thể nào biết được âm thanh đó từ đâu vọng đến, vì nó thay đổi vị trí liên tục.”

“Thế đấy,” tôi thì thào, “chó tru như thế khi có ai đó sắp chết.”

Asbjörn Krag tiếp tục lắng nghe.

Bây giờ thì tiếng tru than khóc ấy chuyển sang thành tiếng sủa đe dọa.

Asbjörn Krag nắm chặt lấy cánh tay tôi.

“Đó là một con chó săn,” ông ta nói.

“Ông phân biệt được bằng tiếng sủa à?”

“Đúng, từ tiếng sủa. Nhưng ở đây không có con chó săn nào trong vòng nhiều dặm, theo tôi được biết.”

Tôi không cảm nhận được sự vô nghĩa trong lời nói của ông ta, vì một sự kinh hoàng kỳ lạ bóp chặt cơ thể tôi, khiến cho run rẩy, khi ông ta nói:

“Con chó của Blinde cũng là một con chó săn.”

“Vâng, nhưng nó đã bị bắn chết rồi kia mà,” tôi trả lời.

“Đúng thế, vì người ta không thể lôi nó ra khỏi mồ của chủ nó được. Nó cứ nằm tru trên đó, để kêu anh ta sống dậy. Tôi nghĩ rằng nó cũng tru và rên rỉ như bây giờ chúng ta nghe được.”

Tôi không có gì để đáp lại. Ngay sau đó, vị thám tử nói:

“Hãy nghĩ xem, ông bạn thân mến, hãy nghĩ đi, chỉ có hai chúng ta mới nghe được tiếng con chó này! Ông cứ nghĩ xem, không có người nào khác nghe được tiếng con chó này cả!”

Tôi cảm thấy kinh sợ, nhưng cố gắng kìm nén cảm xúc của mình xuống và nói:

“Tôi cảm giác rằng ông đã tìm thấy người gây ra trò ma quái này.”

Asbjörn Krag cài lại khuy chiếc áo khoác của ông ta.

“Ông hãy suy nghĩ về những gì tôi vừa nói đi.”

Điều đặc biệt là chính trong khoảnh khắc này, con chó ngừng tru.

“Ông muốn đi đâu à?”

“Phải, tôi muốn xuống dưới kia để xem chiếc xe sắt và hành khách đã chết.”

Tôi đã quên mất chiếc xe sắt và hành khách đã chết, con chó đã làm tôi phân tâm nhưng bây giờ, sự việc mới mẻ này lại khiến tôi chú ý. Chiếc xe sắt đã được tìm thấy và người đi trên xe đã chết rồi.

“Ông ta có bị đánh chết không?” Tôi hỏi.

“Không.”

“Thế thì ông ta chết vì tai nạn à?”

“Đúng thế, giống như ông già Gjaemaes. Ở đây chỉ có một người bị sát hại, đó là viên kiểm lâm.”

“Ông vẫn chắc chắn như thế?”

“Đúng. Anh ta đã bị giết chết trong một đêm giống như đêm hôm qua, khi mây xám giăng ngang bầu trời.”

“Hôm nay ông có vẻ tâm trạng thế, Asbjörn Krag?”

Vị thám tử mỉm cười.

“Tôi cũng có chút mộng mơ của một nhà thơ đấy, nhưng chỉ viết về nỗi sợ thôi. Ông có đi cùng không?”

Tôi dẫn đo trong giây lát.

Tôi nên đi cùng hay ở lại? Điều quan trọng nhất với tôi là không thể để ông ta có ấn tượng rằng tôi đang sợ hãi.

“Đi xem xác chết chỉ là phụ thôi, nhưng tôi có thể đi theo ông, vì tôi muốn xem chiếc xe sắt. Ông đã nhìn thấy nó chưa?” Tôi trả lời.

“Thấy rồi.”

“Ông có ngạc nhiên không?”

“Không, tất cả đều giống như những gì tôi nghĩ trong mấy ngày qua.”

“Ông có nghĩ rằng tôi sẽ ngạc nhiên không?”

“Có đấy! Ông có đi cùng không?”

Vị thám tử bước lại bàn và nhắc khẩu súng ngẩng lên.

“Tất nhiên là ông sẽ mang theo vật nhỏ này,” ông ta nói.

“Tại sao?”

“Cho an toàn. Tôi nghĩ rằng ông có hơi sợ một chút. Ông có thể gặp một con chó ở dọc đường!”

Vị thám tử nở một nụ cười chế giễu, khoe hàm răng trắng.

“Tôi không sợ gì cả,” tôi nói, “ông cứ để khẩu súng ở lại.”

Ông ta có vẻ xem xét khẩu súng kĩ hơn.

“Thật sự là một tạo vật đẹp đẽ,” ông ta lẩm bẩm và mở ổ đạn ra.

“Như tôi thấy, tất cả các ổ đều đã được lên đạn.”

“Tất nhiên nó đã được lên đạn. Nếu không thì vũ khí này có ích gì cho tôi kia chứ?”

“Ông có thể dọa người ta,” vị thám tử trả lời. “Ông không tưởng tượng được mình có thể làm được bao nhiêu chỉ nhờ hù dọa người khác đâu.”

Tôi mở cửa.

“Chúng ta đi thôi,” tôi nói.

Viên thám tử đặt khẩu súng lục xuống bàn và đi theo tôi.

Rời căn nhà được vài bước, tôi nghe thấy ông ta cười - một tiếng cười khan khó chịu.

“Ông cười gì thế?”

“Về cây đèn,” ông ta nói, “bây giờ thì cây đèn vẫn sáng trong phòng của ông.”

“Vâng, thuần túy chỉ là sơ ý thôi.”

“Lần thứ hai. Ừ thì nó sáng cũng tốt thôi; rồi thì ông không gặp khó khăn khi đốt nó lên lúc trở về.”

Tôi muốn đi theo con đường ngang qua khách sạn, nhưng Asbjörn Krag ngăn tôi lại.

“Không đi theo đường này,” ông ta nói, “đi qua đồi sẽ nhanh hơn.”

Ông ta muốn đi theo con đường mà chúng tôi đã đi lúc sáng. Tôi nhớ tới câu chuyện đáng sợ của ông ấy trong chuyến đi dạo và rừng mình.

Bây giờ trời đã rất tối, xung quanh không một bóng người; chúng tôi đi nhanh qua những căn nhà lặng như tờ và đến con đường núi.

“Ông thấy đấy,” Asbjörn Krag nói, “ở đây không có ai nhìn thấy việc hai chúng ta đi với nhau. Nếu như bây giờ một trong hai chúng ta biến mất...”

Tôi hẳn đã làm một hành động nào đó, vì ông ta bỗng nhiên ngừng lại.

“Ông không thích nghe điều đó?”

“Không, tôi thấy nói như thế thật phi lý.”

Vị thám tử luồn cánh tay vào dưới cánh tay tôi, bắt đầu to nhỏ giống như bạn bè thân mật đang nói chuyện:

“Ông bạn thân mến ạ, đã bao lâu rồi chúng ta chưa nói về những chuyện

này, nên giờ xin phép ông cho tôi khiếm nhã một chút. Tôi đặc biệt quan tâm đến việc thuyết phục được ông. Chẳng bao lâu nữa thì chúng ta sẽ đến một nơi mà một vụ giết người như thế có thể được tiến hành. Người ta chỉ cần đẩy người đi cùng mình một phát, và thế là người ấy rơi xuống vực sâu. Điều đó rất dễ dàng, đúng không? Và sẽ không ai biết được gì cả! Ngay cả khi tìm được cái xác thì cũng không ai nói về một vụ giết người, vì rõ ràng đó chỉ có thể là một vụ tai nạn.”

Tôi cố ngắt lời ông ta nhưng không được. Ông ta tiếp tục nói:

“Ha ha, bây giờ thì ông sẽ cười to, nhưng tôi thấy sẽ tốt hơn nếu ta làm phép thử ở mức gần với nguyên bản nhất: Ông cứ cho rằng tôi căm ghét ông vì một lý do nào đó, ông có thể tưởng tượng được điều đó không?”

“Tôi hầu như không thể tưởng tượng được,” tôi lẩm bẩm. Dường như suy nghĩ của tôi đã chạy đi rất xa, và tôi ao ước lại được ở trong ngôi nhà nhỏ nhắn của mình. Tôi có cảm giác như chuyến đi mạo hiểm này bắt đầu trở nên đáng sợ, ngay từ giờ phút này.

“Vâng, tất nhiên là người ta có thể tưởng tượng ra điều đó,” Asbjörn Krag nói tiếp. “Ông có thể lấy ví dụ từ mọi mối quan hệ. Tưởng tượng ra rằng tôi có thể ghét ông vì lý do nào đó là rất dễ. Ví dụ nhé: ông biết một điều gì đó về tôi, điều có thể gây hại cho tôi nếu ông kể nó cho một người khác nghe. Ông có nghĩ là tôi sẽ ghét ông vì lý do đó không? Tôi thì chắc chắn sẽ căm ghét ông cho tới mức tôi muốn ông chết phắt đi cho rồi. Thế thì ông phải thừa nhận với tôi rằng, tôi hoàn toàn có thể dễ dàng có ý muốn đẩy ông xuống một vực sâu trong lúc đang đi dạo như thế này.”

“Ông nói chuyện kỳ lạ quá,” tôi nói, “bây giờ thì tôi lại không hiểu ông

muốn nói gì.”

“Tôi nghĩ mình mô tả sự việc rất rõ ràng.”

“Hay là quá rõ ràng,” tôi trả lời. “Asbjörn Krag thân mến ạ, chối cãi không có ích gì đâu. Bây giờ thì tôi tin chắc rằng ông, với lối cư xử của ông, đang theo đuổi một mục đích nhất định.”

Ông ta lại cười, vẫn tiếng cười khô khan khó chịu đó.

“Tôi theo đuổi ý định nào vậy?” Ông ta hỏi.

“Tôi thật sự không biết điều đó.”

Nhưng thực chất thì tôi biết, biết quá rõ, vì tôi đoán được toàn bộ những mối liên quan.

Chúng tôi tiến đến gần vực sâu, nơi người ta chỉ cần xô nhẹ một cái là người họ ghét sẽ biến mất. Vực nằm bên trái của con đường, nhưng tôi đứng phía bên phải Asbjörn Krag.

“Nó đây rồi,” ông ta nói và đứng lại.

Một làn gió lạnh thổi từ vực và ngoài khơi đến chỗ chúng tôi.

“Chúng ta không đi tiếp à?” Tôi hỏi.

Thay vì trả lời, Asbjörn Krag chỉ xuống biển, nơi có hai ngọn đèn màu xanh lá cây chiếu sáng xuyên màn đêm như hai con mắt mèo.

“Dưới kia là chiếc xe sắt, người ta đã lôi được nó lên bờ. Và trên boong tàu cứu hộ, được bọc trong tấm vải buồm, là người chết trên xe. Những cái đèn màu xanh ấy trông thật kỳ dị, có phải không... Trong khi ở đây hết sức tĩnh lặng, không một tiếng động nào từ dưới đó vang được lên đến chỗ chúng ta trên này... Phải, phải... Ông ta đang nằm ở dưới đấy, người chết.”

“Ông có biết ông ta không?” Tôi thì thạo.

“Không, và ông cũng không biết nốt. Đó là một người nước ngoài.”

“Thật kỳ lạ.”

“Khi nhìn thấy chiếc xe thì hẳn ông sẽ thấy rằng mọi chuyện rất dễ hiểu.”

“Con người xa lạ ấy là người đêm đêm đi trên chiếc xe sắt à?”

“Đúng! Nhưng chỉ trong những ngày cuối cùng thôi, ông ta chạy xe qua cánh đồng hoang không quá bốn hay năm lần.”

“Thật là khó hiểu. Nhưng ông ta có chạy chiếc xe này trên cánh đồng hoang trong đêm đó không, khi viên kiểm lâm qua đời?”

“Có, ông ta đã làm điều ấy. Khi viên kiểm lâm bị đánh chết thì ông ta ở không xa lắm. Nhưng ông sẽ hiểu được tất cả những điều này khi nhìn thấy chiếc xe sắt.”

Tôi hỏi lại ngay sau đó:

“Ông có ở đó, lúc người ta tìm thấy người đi trên chiếc xe không?”

“Có, tôi nhìn thấy ông ta được kéo lên như thế nào. Không phải là một hình ảnh dễ chịu gì. Ở trong nước, mặt của ông ta trắng bệch, thật kỳ lạ, nó giống... vàng, thật ra thì nó giống ai? Ông đã có lần nào nhìn thấy một xác chết ở sau một tấm kính màu xanh lá cây không?”

Những từ ngữ cuối cùng của vị thám tử khiến tôi như bị sang chấn tâm lý.

Bất chợt, tôi có cảm tưởng như mình lại nhìn thấy gương mặt của người chết ở sau cửa sổ... vàng trăn trắng... đôi môi đỏ tươi... một cơn chấn động kinh hoàng lan khắp người tôi, và trong khoảnh khắc, tôi như lần nữa trải

qua cơn sợ hãi khủng khiếp đêm qua. Cùng lúc, tôi nghe tiếng của Asbjörn Krag ở thật xa:

“Chúng ta không đi tiếp à? Rồi chốc nữa ông có thể nhìn thấy ông ta.”

Nhưng bây giờ tôi lại không muốn xuống dưới đó, bằng bất cứ giá nào. Những ngọn đèn màu xanh ấy khiến tôi nhớ đến ánh lân tinh trong hốc mắt của một cái đầu lâu.

Tôi quay người lại.

“Tôi không đi xuống dưới đó đâu; tôi muốn trở về căn nhà nhỏ của tôi.”

Sau khi bước vài bước, tôi bất chợt đứng lại.

Xa thật xa ngoài kia trong bóng tối, tôi lại nghe được tiếng con chó. Một tiếng sủa ăng ăng thật to, rồi một tiếng tru thật dài, và sau đó là tiếng sủa kéo dài đầy đe dọa.

“Con chó săn!” Asbjörn Krag nói to. “Ông có nghe thấy tiếng con chó săn không?”

Tiếng sủa vẫn tiếp tục.

Nó như từ một nơi xa vô tận vang lại, như thể đến từ bóng tối ở phía sau chân trời. Tôi lắng nghe: đầu tiên tiếng sủa to dần, rồi lùn bùng và nhỏ lại nhưng càng ngày càng đáng sợ hơn. Cuối cùng, tiếng sủa ấy dường như vang khắp cả bầu trời ở phía đông... Tôi có cảm giác như sự kinh hoàng ấy đang ập vào người mình từ trong bóng tối. Thế nhưng, trong tiếng chó sủa ấy có gì đó đang vẫy gọi, ra lệnh cho tôi... Tôi đi về phía phát ra âm thanh kỳ lạ đó.

Lúc đó, tôi nghe tiếng của Asbjörn Krag ngay sát cạnh tôi:

“Ông đừng đi theo tiếng sủa!” Ông ta gọi tôi.

Mặc dù vậy, tôi vẫn cứ đi.

Tiếng sữa hung dữ ấy bao quanh người tôi như một đám sương mù dày đặc, khiến tôi hết sức bối rối. Tôi có cảm giác như sự kinh hoàng lẫn khuất cả trong không khí, thở hơi thở nóng nực của nó vào tôi...

Tôi vô thức bước về hướng có tiếng sữa. Khi đi đến gần chỗ có những ngôi nhà, tôi lại cảm giác như tiếng sữa ấy lùi ra xa mình hơn, nấp dưới chân trời. Không lâu sau đó, tiếng sữa tắt hẳn, và giờ tôi chỉ còn một mình. Asbjörn Krag đã đi xuống chỗ chiếc xe sắt và cái xác màu xanh. Tôi bước đi nhanh hơn, về căn nhà nhỏ.

Khi đi đến chỗ có thể nhìn thấy được eo biển gần nhà, tôi nhìn thấy ánh sáng trắng chiếu trên mặt biển. Có cái gì đó ma quái trong ánh sáng ấy, gây một ấn tượng kỳ lạ trong sự yên lặng và bóng tối xám đen này. Tôi không hề nghĩ rằng đó là thứ ánh sáng đầu tiên của bình minh đang phản chiếu trên mặt biển.

Cây đèn vẫn còn đứng đó và cháy sáng...

Tôi vô cùng căng thẳng, các dây thần kinh căng ra tột độ, giống như bị hàng ngàn mũi kim nhỏ và nóng đỏ châm chích vào.

Tôi vui mừng vì tấm rèm đã được kéo sẵn, bởi như thế, gian phòng của tôi đã được ngăn cách với thế giới bên ngoài. Sau khi thần thờ lục lọi trong mớ giấy tờ, tôi ngồi lên chiếc ghế bập bênh. Điều này trấn an tôi đôi chút, vì chiếc ghế trống cứ gây cho tôi cảm giác có người sẽ chui lên đó ngồi mỗi khi tôi quay mặt đi. Vì vậy tôi muốn ngồi vào chỗ đó.

Tôi ngồi vào đó, đung đưa và ngẫm nghĩ, mắt nhìn chăm chăm vào khẩu súng ngắn trên bàn, nơi phản chiếu những tia sáng lấp lánh về phía tôi. Tôi

đã nghĩ mình có thể sống như thế này bao nhiêu tiếng nữa, trước khi phát điên lên...

Lúc đó, tôi lại nghe thấy tiếng của lũ bọ tử thần.

Lần này tôi không giật mình nữa, mặc dù tiếng động ấy liên tục thay đổi vị trí và kêu quanh tôi như một con côn trùng dạn dĩ. Giống như có một người vô hình đang bước quanh tôi, một người mà tôi không nhìn thấy nhưng nghe được tiếng chạy của chiếc đồng hồ bỏ túi của họ. Bây giờ người ấy đứng đây... Bây giờ người ấy đi chậm sang bên phải... Bây giờ người ấy lại đứng yên ở gần cây đèn. Trong giây lát, khẩu súng lấp lánh của tôi như tối đi, giống như có một cái bóng trùm lên nó. Nhưng rồi khẩu súng ấy lại ánh lên chất thép và tôi nghe tiếng bọn bọ tử thần rời xa. Không, điều này không làm tôi hoảng sợ thêm chút nào, ngược lại, tôi trở nên bình tĩnh hơn, vì tôi biết nguyên nhân của hiện tượng này.

Tại sao Asbjörn Krag nhất định muốn dẫn tôi đi xem chiếc xe sắt và người lạ đã chết ấy ngay trong đêm nay? Tôi nhớ lại câu chuyện tầm phào kỳ lạ của ông ta trên đường đi, khi ông ta buộc tôi phải nghe về cách hành xử của kẻ giết người. Ông ta luôn muốn tôi tới nơi đó, nơi mà người ta chỉ cần đẩy nhẹ ai đó một cái - một cử động hết sức bất ngờ và dễ dàng - là đủ để đưa một người khiến mình khó chịu sang thế giới bên kia... Tại sao ông ta lại cứ thế rời đi khi tôi quay mặt sang hướng đông và đi tới nơi phát ra tiếng tru của con chó ấy?

Đi theo âm thanh đó... giờ thì tôi lại nhớ đến tiếng tru ấy, và mọi giác quan của tôi bắt đầu run lên vì ám ảnh bởi âm thanh hung dữ đáng sợ của con thú ấy... Tất nhiên, đó là con chó ở một trang trại nào đó, phải, tôi chắc

chấn như vậy, nhưng tôi vẫn ám ảnh về con chó săn của viên kiểm lâm. Tôi nhìn thấy người đó ngay trước mặt tôi với mái tóc dài mềm mượt, đôi mắt mở to ngạc nhiên. Trong khoảnh khắc này, tôi lập tức hiểu rằng, tốt thôi, tiếng sủa ấy khác chi một tiếng gọi và một lời cảnh báo!

Bất chợt, tôi ngừng đưa chân, ngồi đó và lắng nghe. Tôi nghe thấy một tiếng động từ bên ngoài. Một cành cây bị gãy, có tiếng sột soạt trong bụi rậm. Không phải tiếng gió thổi, nó giống như có một ngón tay dài lướt qua lá cây.

Ngay sau đó, có tiếng đập mạnh và nhanh vào cửa sổ. Tiếng động này tôi đã nghe thấy trước đây; chắc chắn là một con chim bay ngược sáng và đâm mỏ vào tấm kính, tôi thầm nghĩ.

Nhưng ngay sau đó tôi lại nghe được tiếng gõ vào tấm kính - lần này là hai tiếng đập mạnh và to, khiến người ta liên tưởng đến tiếng bẻ khớp.

Tôi đứng phắt dậy, với tay cầm lấy khẩu súng. Tôi cảm nhận được bóng súng lạnh như băng trong tay mình. Giờ tôi không còn nghi ngờ nữa, tôi biết mình phải làm gì.

Tôi muốn giật phăng tấm rèm cuốn đi. Tôi có cảm giác rằng mình đã biết trước những gì sẽ xảy ra. Ngay khi nhìn thấy tấm kính đen như mực, tôi muốn nhảy lui lại. Một hình ảnh lướt qua tâm thức tôi: một người thuần phục thú trong vườn thú, mở cửa chuồng rồi chạy ra khỏi đường đi của con thú to lớn bí ẩn khi nó bắt đầu đuổi. Giờ trên cửa sổ lại có tiếng gõ nữa, lần này lớn hơn và đáng sợ hơn.

Tôi cầm lấy sợi dây giữ tấm rèm cuốn, kéo mạnh xuống rồi thả ra. Tấm rèm cuốn lao nhanh lên trên với một tiếng kêu vang.

Tôi loạng choạng bước lại giữa phòng.

Gương mặt ấy lại hiện ra trên mảnh kính tối đen ở dưới cùng: độc ác và rõ ràng, cái miệng đỏ tươi, cái trán trắng bệch, đối diện với tôi.

Nhưng bây giờ tôi che mặt mình lại, chế ngự nỗi sợ và bước tới gần cửa sổ, sục sôi nỗi căm hờn. Tôi không nhìn thấy gì khác ngoài gương mặt ấy, đồng thời cảm nhận được sức nặng từ khẩu súng ngắn trong tay mình, cảm thấy rõ một cơn thịnh nộ hung dữ đang trào dâng. Tôi muốn nói to điều gì đó, một lời thề thốt, một câu nguyên rủa, nhưng rốt cuộc lại không nói được gì. Tiếng ồ ộc phát ra trong miệng tôi, giống như đang phun máu.

Rồi tôi giơ khẩu súng lên, nhắm vào gương mặt ấy, gần cửa sổ hết mức có thể, và siết cò.

Súng không nổ.

Tiếng vang yếu ớt trong treo của kim loại xuyên qua đầu tôi như một nhát đâm.

Tôi lại siết cò.

Nhưng súng vẫn không nổ.

Gương mặt đáng sợ vẫn đứng trân trân bình thản sau tấm kính, không biểu lộ cảm xúc nào, mi mắt không khép, cặp mắt trừng trừng nhìn tôi, trắng bệch và chết chóc.

Tôi siết cò lần thứ ba.

Vẫn không nổ.

Vẫn cảm giác khó chịu đó, tựa như có một cái đinh nhọn bằng kim loại đâm xuyên qua thần kinh của tôi.

Nhưng giờ thì gương mặt ấy bắt đầu trở nên mờ ảo, đôi môi đỏ tươi trở

nên xám ngoét và cái trán trắng bệch mờ dần đi. Tôi hạ khẩu súng ngăn xuống. Gương mặt dần dần biến mất, như bị màn đêm nuốt dần, nuốt dần, cho tới khi cuối cùng nó phủ trùm lên như một tấm màn đen thật dày. Cuối cùng, tôi không nhìn thấy gì ngoài màn đêm và ánh sáng phản chiếu yếu ớt trên những tấm kính phía trên cùng, do thứ ánh sáng trắng xa lạ chiếu lên từ biển cả.

Tôi đứng đó một lúc lâu, nhìn trừng trừng vào tấm kính, hoàn toàn bối rối trước những gì vừa trải qua.

Rồi tôi nhìn xuống khẩu súng và mở ổ đạn ra.

Ổ đạn trống rỗng, tất cả đạn đã được lấy ra.



VỰC SÂU

Ngày hôm sau, tôi gặp Asbjörn Krag với một xấp báo kẹp trong tay.

Ông ta đưa cho tôi một tờ báo tiếng Đức và nói:

“Ở đây có viết một chút về chiếc xe sắt.”

Tôi chỉ gật đầu. Nhưng lúc đó, tôi đang tỏ ra quá hời hợt nên hỏi lại.

“Người ta viết gì về chiếc xe sắt vậy?”

Vị thám tử bình thản nhét tờ báo vào túi.

“Ở đây có rất nhiều người mà chẳng ai biết gì về bí mật của chiếc xe sắt; trong khi đó người ta có thể đọc mọi chuyện ở Berlin từ một tờ nhật báo buổi sáng. Có kỳ lạ không chứ?”

“Thật là khó tin,” tôi nói, “sự việc liên quan với nhau như thế nào?”

“Tất nhiên là có ai đó đã đánh điện cho tờ báo ở Berlin.”

“Từ đây sao?”

“Phải, từ đây, hay từ trạm điện tín gần nhất.”

“Ai đã làm việc đó?”

“Ông vẫn chưa đoán ra sao?” Asbjörn Krag vừa cười vừa hỏi.

“Chưa.”

“Tất nhiên là tôi đã đánh điện,” ông ta nói, và lại cười.

“Có thể cho tôi biết,” tôi hỏi, “thật ra bí mật của chiếc xe sắt này là gì không?”

“Ông có thật sự quan tâm tới việc này đến mức ấy không?”

“Tất nhiên rồi.”

“Thế tại sao ông còn chưa ra đó để xem? Khách sạn cũng vắng người, du khách đã đi cả rồi.”

“Tôi phải viết một vài lá thư quan trọng,” tôi đáp lời.

“Ngoài ra thì tôi cho rằng ông có chuyện khác quan trọng hơn cần suy nghĩ.”

“Có lẽ.”

“Nếu tôi hỏi đó là những việc gì thì có quá tò mò không?”

“Trước hết, tôi đã nghĩ đến việc ngày mai sẽ lên đường rời khỏi đây.”

Gương mặt vị thám tử bỗng trở nên trầm tư.

“Ngày mai à,” ông ta lẩm bẩm, “có lẽ có hơi sớm một chút, nhưng cứ để xem sao.”

“Ý ông là gì? Ông cũng rời khỏi đây à?”

“Có thể. Nếu thế thì chúng ta sẽ đi cùng nhau. Thực sự mà nói, điều đó sẽ khiến tôi vui mừng. Tôi thích có một người am hiểu ở bên cạnh mình, có thể nói chuyện phiếm với họ khi không cần làm việc.”

Vị thám tử yêu cầu tôi đi theo ông ta xuống dưới cầu tàu, chỗ con tàu thủy chạy hơi nước sắp tới.

Tôi có phần ngạc nhiên về điều này, vì tôi biết thường thì Asbjörn Krag không quan tâm đến chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước, dù cho lần nào nó cập bến cũng gây hứng thú cho những khách du lịch đến tắm biển ở đây. Nhưng có lẽ ông ta đang chờ đợi một điều gì đó, có lẽ là một trong những đồng nghiệp của ông ta sẽ tới.

Con tàu thủy chạy hơi nước màu trắng lướt trên mặt nước, trôi từ từ vào cạnh cây cầu chỉ có một ít người đang đứng bên trên. Ông chủ hãng vận tải và các nhân viên đi đi lại lại, bận rộn với những kiện hàng và thùng phuy. Vài khách du lịch mới đến đang xuống tàu, phần lớn là phụ nữ với những đứa con và xe nôi, cũng có một vài người đàn ông. Một trong số đó đeo kính, nhợt nhạt vì đọc sách và không khí nặng nề trong thành phố; ngoài ra còn có hai người trẻ tuổi trông như vận động viên.

Tôi đặc biệt chú ý đến hai người này. Họ có vẻ đang vội, chẳng chào ai cũng không mang hành lý, chỉ có hai chiếc xe đạp. Họ biến mất rất nhanh sau đó trên con đường sau một đám mây bụi.

“Người quen à?” Krag hỏi.

“Không, hoàn toàn không,” tôi trả lời, “tôi chưa từng nhìn thấy họ trước đây.”

“Nhưng tôi cảm giác ông có sự quan tâm nhất định tới những người đó.”

“Chỉ là ngẫu nhiên thôi.”

“Tất nhiên rồi. Xin lỗi ông vì sự tò mò của tôi, nhưng tôi thích quan sát mọi việc, ngay cả việc tầm thường nhất. Tôi nhận ra một tia sáng trong mắt ông, khiến tôi tưởng tượng rằng ông có thể quen biết hai người đó.”

“Nếu thế thì chúng tôi đã chào nhau.”

“Hừ, thôi nào, người ta có thể quen biết nhau nhưng không nhất thiết phải đứng lại chào nhau.”

“Nhưng ông, ông Krag ạ,” tôi hỏi, “ông muốn gì ở dưới này?”

“Tôi chỉ muốn xuống và xem con tàu thôi,” ông ta nói. “Ông xem, giờ nó đã rời đi rồi, và trò tiêu khiển đã kết thúc.”

Tất nhiên là ông ta nói dối, tôi có thể nhận ra điều đó ngay lập tức. Asbjörn Krag lúc nào cũng vòng vo và che giấu những ý định thật sự của mình.

Bây giờ ông ta muốn đi cùng tôi đến chỗ chiếc xe sắt, và tôi đồng ý đi cùng ông ta.

“Chúng ta có đi qua đồi nữa không?” Tôi hỏi.

“Không,” ông ta trả lời, “chúng ta có thể đi theo đường làng, hôm nay trên đồi nắng gắt lắm.”

Tôi hoàn toàn có thể chinh lại ông ta, rằng mặt trời trên đồi cũng gay gắt y như trên con đường làng, nhưng tôi không làm thế. Tất nhiên ông ta cố tình không đi trên con đường mòn qua núi, tôi cũng chẳng buồn quan tâm nhiều đến việc này.

Chúng tôi rảo bước nhanh hơn, để có thể đi hết con đường trong vòng dưới một tiếng rưỡi và không bị muộn giờ ăn trưa.

Trên đường đi, ông ta lại thắc mắc về cách hành xử kỳ lạ của tôi tối hôm qua.

“Bây giờ tôi phải thừa nhận,” ông ta nói, “rằng việc ông rời khỏi nơi đây cần thiết ra sao, và thật hối hận khi đã quấy rầy ông như vậy với những sự việc đáng sợ ở đây. Hôm qua, tôi đã thấy rằng ông thật sự đã rất hoảng sợ.”

“Sợ gì chứ?”

“Sợ người đàn ông trong chiếc xe sắt. Ông bỏ tôi ở lại mà chạy mất. Có lẽ ông đã không hoảng sợ đến vậy nếu như mang theo nó.”

“Nó, ông muốn nói gì?”

“Tất nhiên là khẩu súng ngắn.”

Tôi dừng bước và nhìn vị thám tử, vì còn bận thăm thán phục sự trớ trêu của ông ta. Bây giờ, dường như ông ta đã quên mất tiếng tru của con chó và mọi chuyện khác. Trong khi đó, chính ông ta là người khiến tôi phải hoảng sợ với câu chuyện tầm phào về con chó săn đã chết, và giờ thì làm ra vẻ không biết gì về chuyện đó. Nét mặt vẫn thản nhiên, thái độ của ông ta toát ra vẻ chu đáo, thân thiện tới mức gần như là thân hữu.

“Tôi hy vọng có thể chứng minh cho ông thấy,” tôi nói, “rằng tôi không hoảng sợ trong những khoảnh khắc quyết định.”

“Tôi cũng tin như vậy. Vâng, thậm chí tôi tin chắc rằng ông không phải là người dễ hoảng sợ. Nhưng tất cả những sự việc đáng sợ ấy đã khiến ông dao động và cảm thấy bất an. Tôi hy vọng đêm qua ông đã ngủ ngon!”

“Rất ngon.”

Chúng tôi im lặng đi cạnh nhau một lúc. Rồi tôi hỏi.

“Ông không muốn nói cho tôi biết tờ báo tiếng Đức ấy viết những gì à, để tôi chuẩn bị trước tinh thần một chút?”

“Không lâu nữa ông sẽ hiểu mọi việc thôi. Tôi đặc biệt thích thú với sự diễn kịch và những bất ngờ nhỏ. Nhưng tôi đã nói cho ông biết rồi, rằng chiếc xe sắt hoàn toàn không liên quan gì đến vụ án mạng.”

“Vụ giết chết viên kiểm lâm ấy à?”

“Đúng, ngoài ra thì không còn vụ giết người nào nữa. Những sự việc khác đã ngẫu nhiên kết nối với nhau; trước hết là chiếc xe sắt, và thêm vào đó là cái chết của ông già kia.”

“Nhưng bây giờ có lẽ ông đã tháo gỡ được rồi, phải không?”

“Phải, cái chết của ông già Gjaemaes đã được giải quyết. Vì không may, ông ta đã bị chiếc xe sắt cán chết khi đang chạy trốn lần nữa. Cũng chính chuyện đó đã đẩy người đàn ông với chiếc xe sắt vào chỗ chết.”

“Nhưng người đàn ông với chiếc xe sắt muốn làm gì vào đêm ấy trên cánh đồng hoang?”

Asbjörn Krag gỡ chông báo ra.

“Tất cả được mô tả chi tiết ở đây,” ông ta nói, “người đàn ông với chiếc xe sắt là người nổi tiếng nhất trong số ba người chết. Các tờ báo tiếng Đức đã viết về ông ấy rằng, khoa học đã chịu một tổn thất lớn bởi cái chết của ông ấy. Thời gian vừa qua ông không hề đọc báo sao, ông bạn thân mến?”

“Không,” tôi trả lời, “khi đi nghỉ mát, tôi không quan tâm đến thế giới ngoài kia.”

“Hừm, tôi cũng không biết liệu báo chí Na Uy đưa tin này hay chưa. Chính tôi đã báo tin này cho báo chí Đức. Người đàn ông trong chiếc xe sắt là một người Đức.”

Chúng tôi đến gần nơi có con dốc dẫn từ cánh đồng hoang xuống biển.

Cuối cùng chúng tôi cũng tới nơi và nhìn xuống dưới, tôi ngạc nhiên khi thấy rất đông người đang tụ tập ở bờ biển. Những bộ áo váy màu trắng của những người phụ nữ và những chiếc nón bằng rơm màu vàng sáng rực lên đến tận đây. Một chiếc tàu trục vớt vẫn còn nằm trong vịnh, nhưng những

con thuyền nhỏ đã tụ lại quanh nó, giống như một đàn gà con vây quanh gà mẹ.

Đám đông ấy đang tò mò xem xét vật kỳ lạ được kéo lên bãi biển. Từ xa, nó trông như một đồng lộn xộn gồm những thanh sắt và bánh xe.

Khi tiến đến gần, tôi nghĩ rằng đó là xác của một chiếc tàu hơi nước cỡ nhỏ, nhất là khi tôi phát hiện ra hai chân vịt và cho rằng mình nhìn thấy cái boong tàu sáng màu.

Tôi nói với Krag về những suy đoán của mình, nhưng ông ta chỉ cười và bảo tôi tới gần hơn. Giữa đám đông những người tò mò, tôi ngay lập tức thấy được nó là cái gì.

Nó không phải là một chiếc tàu hơi nước hay chiếc xe sắt.

Nói chung là hầu như không có gì làm bằng sắt ở cái xác tàu này. Những thứ mà tôi nghĩ là những thanh sắt thì lại là những thanh mỏng bằng niken hay nhôm.

Đó là một cỗ máy bay có hình thù thật kỳ lạ, có một không hai. Cái tôi tưởng là boong tàu thật ra là những cái cánh bất động.

Asbjörn Krag nắm lấy cánh tay tôi.

“Bây giờ ông hiểu chưa?” Ông ta hỏi.

“Vâng,” tôi trả lời, “bây giờ thì tôi bắt đầu hiểu rồi.”

“Chúng ta đã nghe thấy tiếng chiếc tàu bay này trong đêm hôm đó, nó bay thấp tới mức đã giết chết ông già Gjaernaes. Nó cũng là thứ mà ông đã nghe thấy trong cái đêm xảy ra vụ giết người đáng sợ ấy. Đó là một chiếc tàu bay không có động cơ, chỉ bay nhờ vào những luồng không khí. Tiếng ồn mà chúng ta nghe được, mà chúng ta tưởng như tiếng loảng xoảng của

chiếc xe, là do các cái ống hút khí vào phát ra.”

Trong khi Asbjörn Krag nói, có rất nhiều người hiếu kỳ tụ tập quanh ông ta. Trong khoảnh khắc ấy, ông ta ngượng ngùng khi bị mọi người chú ý; vì vậy ông ta kéo tôi ra khỏi đám đông.

“Chúng ta đi dạo dọc bãi biển một chút, rồi tôi sẽ kể cho ông nghe tất cả.”

Những người khác hiểu được dụng ý và ở lại đó.

Asbjörn Krag giải thích:

“Tai nạn đó với ông già Gjaernaes đồng thời cũng là nguyên nhân máy bay bị phá hủy. Những vật tinh xảo thần kì ấy chưa hoàn hảo đến mức không bị mất cân bằng khi bất ngờ bị đập mạnh. Vì vậy mà nó đã lao theo con dốc và rơi thẳng xuống biển. Tôi cho rằng người lái đã cố gắng lấy lại cân bằng nhưng không thành công. Vậy là ông ta chết trên ghế lái như một thuyền trưởng trên boong tàu của mình.”

“Nhưng tôi không hiểu,” tôi nói xen vào, “tại sao ông ấy lại tiến hành những thí nghiệm của mình ở Na Uy?”

“Tôi sẽ giải thích cho ông,” Krag trả lời và mở một tờ báo nước ngoài ra.

“Ông xem này, đây là tờ Tin tức buổi tối ngày 24 tháng 8. Một tin ngắn tường thuật về sự việc sau đây:

“Theo thông tin có được, chuyên gia hàng không nổi tiếng người Đức, Tiến sĩ Brahms, đã có một phát hiện chấn động trong ngành công nghệ hàng không. Bản chất của phát hiện này vẫn chưa rõ ràng, nhưng theo các nguồn thông tin có uy tín thì Tiến sĩ đã rất hăng hái với những thử nghiệm của mình. Tuy nhiên, vì những bí mật công nghệ hàng không này đã bị đánh

cấp rất nhiều làn trong quá khứ, Tiến sĩ Brahms đã chuyển nơi thử nghiệm ra một vùng đồng quê hẻo lánh và giữ kín những bí mật về hoạt động của mình. Do đó, từng bộ phận của chiếc máy bay đều được vận chuyển trong những thùng lớn có đánh dấu Đại dương cầm của Bechstein. Theo một số lời đồn thổi, Tiến sĩ đang lợi dụng những buổi đêm trong sáng của vùng Bắc Âu để tiến hành thí nghiệm trong khi những người khác say ngủ.

“Tin tức này khiến cho tôi chú ý,” Asbjörn Krag nói tiếp. “Giờ thì ông hãy đọc xem tôi đã đánh điện những gì này.”

Asbjörn Krag đọc tiếp, lôi một tờ báo Đức ra khỏi chõng báo.

“Từ một người truyền tin ngẫu nhiên, chúng tôi đã nhận được một thông tin sẽ gây đau buồn và thương tiếc cho đông đảo công chúng, nếu đó là sự thật. Thông tin như sau: Đêm qua, phi công, Tiến sĩ Brahms, người đã tiến hành những cuộc thử nghiệm bay trong vùng này từ ít lâu nay mà không ai hay biết, đã gặp tai nạn. Nhờ áp dụng hợp lý những luồng không khí mà ông ấy đã tiến rất gần đến một giải pháp cho những chiếc tàu bay không động cơ. Tiến sĩ đã tiến hành những thí nghiệm hoàn toàn bí mật và mọi việc thuận lợi đến mức cỗ máy ấy có thể tự nâng lên và bay đi ngay cả khi thời tiết lặng gió. Trong một chuyến thí nghiệm vào ban đêm, cỗ máy ấy đã gặp phải một vật cản và rơi thẳng xuống biển vì mất lái. Một chiếc tàu trực vớt đã được gọi đến nhằm đưa cỗ máy ấy lên từ dưới đáy biển.

“Ông đã biết toàn bộ bí ẩn rồi đấy,” vị thám tử nhún vai, ra vẻ sự việc đã kết thúc.

Tôi cảm thấy toàn bộ sự việc hết sức kỳ lạ. Nếu tôi không tận mắt nhìn thấy cỗ máy bị vỡ tan thành những mảnh vụn, tôi gần như sẽ không bao giờ

tin vào bản tường thuật này.

“Nếu như ông suy nghĩ về việc ấy,” Asbjörn Krag nói tiếp, “thì ông hẳn phải ngạc nhiên rằng mọi việc đã trở nên đơn giản thế nào. Chiếc xe sắt kỳ lạ đã biến mất. Bây giờ thì ông hiểu tiếng động ấy từ đâu đến, và cũng hiểu được vụ tai nạn tình cờ với ông già Gjaernaes.”

“Và cả vụ tai nạn với viên kiếm lâm.”

Vị thám tử nhăn trán lại.

“Không phải,” ông ta trả lời. “Tôi đã nói với ông rằng viên kiếm lâm bị đánh chết mà.”

“Ông khó có thể chứng minh được điều đó.”

“Phải, thật là khó,” Asbjörn Krag trầm ngâm lẩm bầm, “nhưng rốt cuộc tôi vẫn sẽ thành công.”

“Có lẽ cần nhiều thời gian,” tôi xen vào.

“Những người khác thì cần, còn tôi thì không.”

“Ông quá tự tin trong những lời khẳng định của mình đấy, ông Krag thân mến ạ. Bao lâu nữa thì ông có thể bước đến và vạch mặt hung thủ?”

Vị thám tử nhìn lên bầu trời, giống như đang tiếp nhận năng lượng từ vũ trụ.

“12 giờ đồng hồ,” ông ta nói.

“Nhưng ông có chắc chắn rằng mình bắt đúng người không?”

“Hoàn toàn chắc chắn.”

“Và ông sẽ chỉ ra người đó cho tôi thấy?”

“Vâng, tất nhiên,” ông ta trả lời, và ném cho tôi một cái nhìn kỳ lạ, “nếu

ông muốn nhìn thấy người đó.”

“Tức là người đó chưa chết à?” Tôi hỏi.

“Không, người đó vẫn còn sống.”

Chúng tôi đi ngược trở lại trên con đường. Tôi thúc giục Asbjörn Krag và muốn hỏi mọi thứ về kẻ giết người, nhưng ông ta lảng tránh.

Tôi quan sát kỹ gương mặt ông ta, cảm giác như có chút mệt mỏi và căng thẳng trên đó. Ông ta hẳn đã nhột nhột hơn - ở hai thái dương và dọc theo mép tóc, da ông ta trắng bệch. Rõ ràng là trí óc ông ta đã phải làm việc căng thẳng trong thời gian qua, có lẽ làm việc khuya quá nhiều.

Nhưng bản thân tôi thì trông ra sao? Từ nhiều ngày nay tôi không thể ngủ yên, cảm giác như mắt rất đau nhức và môi đang run run. Tinh thần tôi hoàn toàn kiệt quệ. Ôi, tôi thèm được nghỉ ngơi, nghỉ ngơi thật lâu! Nhưng sự việc này không lâu nữa sẽ kết thúc. Chuyến tàu sẽ rời khỏi đây vào ngày mai; dù vị thám tử có thành công hay không, dù thế nào đi nữa, tôi cũng muốn rời khỏi nơi đáng sợ này vào ngày mai.

Trên đường đi, vị thám tử lại quay về với đề tài cũ, rằng toàn bộ sự việc ngay từ đầu đã trở nên khó hiểu đến như thế chỉ vì có ba sự việc khác nhau ngẫu nhiên chồng chéo lên nhau.

“Nếu như tôi không tách được những sự kiện khác nhau ấy,” ông ta nói, “thì có lẽ đến bây giờ, tôi vẫn đang dò dẫm trong bóng tối.”

Việc này cho tôi cơ hội nhắc tới vụ án mạng. Tôi hỏi:

“Ông từng nói với tôi, rằng ông có thể bước ra và chỉ mặt tên tội phạm. Nếu như ông chắc chắn đến vậy thì tại sao lại không bắt hắn từ lâu rồi?”

“Vì tôi thiếu bằng chứng. Tôi nhắc lại, rằng trong vụ này thì tôi phải làm

việc với những phương tiện rất khác thường.”

Ông ta đứng lại và nheo mắt nhìn tôi.

“Tôi phải chờ, cho tới khi thời cơ chín muồi.”

“Vậy nó đã chín muồi chưa?”

“Không lâu nữa đâu, chỉ vài giờ nữa thôi, rồi nó sẽ rơi thẳng vào tay tôi.”

Lúc này, chúng tôi đã về đến khách sạn rực rỡ, cùng với bầu không khí nóng nực và ánh mặt trời đang nhảy múa trên tấm bạt che nắng có sọc đỏ.

“Tôi hiểu là ông đang rất hồi hộp,” ông ta tiếp tục, “nhưng cho đến trước tối nay thì tôi nghĩ ông cũng sẽ không biết thêm được điều gì nữa.”

Tôi nài nỉ ông ta cho biết thời điểm cụ thể.

Ông ta suy nghĩ, rồi sau đó làm ra vẻ tính toán. “Vào lúc 10 giờ đêm,” cuối cùng ông ta nói.

“Tốt. Thế tôi đến tìm ông ở khách sạn à?”

“Đúng.”

Khi tôi chuẩn bị bước đi, Asbjörn Krag bắt đầu cười và tôi liền đứng lại.

“Ông tò mò thật đấy!” Ông ta nói.

Tôi lắc đầu, không hiểu ông ta muốn nói gì.

“Tôi đã nghĩ rằng ông sẽ hỏi tôi tại sao phải đến đúng 10 giờ.”

“Có lẽ ông có lý do cho việc này.”

“Tất nhiên rồi, tôi có lý do nhất định. Vào 10 giờ, trời đã rất tối.”

“Màn đêm là điều cần thiết cho kế hoạch của ông à?”

“Cũng cần thiết đấy.”

“Thế thì tôi sẽ đến lúc 10 giờ.”

Khi tôi đã bước đi cách ông ta vài bước chân, Krag lại gọi tên tôi.

“À này,” ông ta nói, “có thể ông sẽ không gặp tôi trong khách sạn.”

“Tôi có cần phải chờ ông không?”

“Không, nếu thế thì xin ông hãy đến nơi tôi đang chờ, nếu như tôi không có trong khách sạn.”

“Đi đến đâu?”

Asbjörn Krag chỉ xuống biển. “Ông có thấy mấy cây to kia không?”

“Có.”

“Ông có thể tìm thấy tôi ở đó, nhưng trước hết hãy đến khách sạn.”

“Ở dưới đó,” tôi lẩm bẩm, “nơi con đường dẫn lên đồi.”

“Đúng thế,” ông ta trả lời.

Ông ta gật đầu chào tôi rồi nhanh chóng bỏ đi. Tôi đứng lại và nhìn theo. Ông ta bước xuyên qua đám cỏ hồng môn mọc giữa con đường và khách sạn, rồi bước lên hàng hiên, mở cánh cửa bằng kính ra một cách ồn ào. Tôi còn nghe được ông ta chào ai đó rất to trong phòng với vẻ đầy thân thiện...

Ngày nóng nực qua dần. Tôi ngồi trên chiếc ghế bập bênh trong ngôi nhà nhỏ và để mặc thời gian trôi qua. Tiếng cọt kẹt của ghế là tiếng động duy nhất mà tôi nghe được trong suốt một thời gian dài. Trời lặng gió. Cái nóng bức lan đến ngôi nhà nhỏ, đi vào qua cánh cửa sổ mở toang và tràn ngập căn phòng. Giấy tờ của tôi cũng hầm hập và cứng queo lại trong ánh nắng mặt trời, giống như chúng đã được hong khô quắt trước cái lò sưởi ộp gạch. Tôi quay mặt ra cửa sổ và nhìn ra biển cả sáng màu xanh. Những ngọn cây xanh trông nặng nề và biển xanh xuất hiện ngoài cửa sổ như màu sáng rực của một bức tranh. Đâu đó, một con côn trùng bầu vịu trên chiếc lá đung

đưa, thỉnh thoảng lại có một cánh buồm trắng xa xa đang lướt trên mặt biển. Cuối cùng tôi cũng nghe thấy tiếng nói cười khanh khách của những đứa bé đang đào bới trên cát và chơi đùa với cái lon kim loại. Những con chuồn chuồn óng ánh bay lượn trong không khí và đâm vào tường lớp đập như những viên đạn.

Dần dần, cái oi bức trong phòng trở nên quá ngột ngạt. Tôi bước ra ngoài, đặt mình xuống cỏ và chắp hai tay ra sau đầu. Tôi nhìn lên và cố gắng bao quát cả bầu trời. Trong lúc đó, tôi đã nghĩ, bất cứ ai một lần phóng tầm mắt ra xa để thu trọn cả bầu trời trong hân sẽ cảm nhận được vẻ đẹp bao la như một mặc khải vĩnh hằng. Những đám mây màu trắng nhỏ bé trôi gần mặt trời tựa như những đám khói bay lên từ một điều gì đang cháy. Phía chân trời có một đạo quân mây trắng ùn ùn kéo tới. Chúng đi ngang qua rồi không còn rung rinh nữa. Mây đứng yên, giống như đang lững lờ ngủ say. Màu xanh trên đầu trải dài vô tận, chạm tới những tầng không gian mà trí óc con người không bao giờ có thể chạm đến. Ôi, một vòm trời vĩ đại nằm trên trái đất! Đẹp hơn tất cả! Trước những thứ đó, trái đất tựa như chốn lấm than.

Những ngọn đồi nhấp nhô trên mặt đất tựa như những cái bóng, ở đó - trên đỉnh đồi cao nhất — có một ngọn thông đang tắm mình trong ánh nắng! Tôi có cảm giác như hôm nay, mùa hè đang chào mừng một trong những ngày rực rỡ cuối cùng. Hoàng hôn đã đến ngay sau khi cỗ xe chở thần Mặt trời lăn bánh dưới đường chân trời. Mùa thu gấp gáp theo sau, vươn những ngón tay dài chạm vào Trái đất và mang đến những buổi tối se lạnh. Khi nhận ra mùa hè đang rời đi, người ta lúc nào cũng có cảm giác nó sẽ không quay lại nữa, vậy nên họ muốn tận hưởng thêm dư quang chút

nữa.

Khi những cái bóng bắt đầu trườn vào trong gian phòng, lá cây đong đưa và vẫy chào trong làn gió chiều tối trong khi biển bắt đầu chuyển sang màu xám, một nỗi buồn nặng như chì bất chợt ập vào tim tôi. Tim tôi đập mạnh trong lồng ngực, một cảm giác thoáng qua, như thể cuộc sống bây giờ sẽ chấm dứt.

Buổi tối trôi qua thật chậm chạp. Tôi đóng cửa sổ và ngạc nhiên về màu đỏ như máu trên tấm kính. Đó là ánh phản chiếu của hoàng hôn; mặt trời dần theo đám mây có màu đỏ nâu, cái màu xấu xí đặc trưng của mùa thu, lặn xuống biển. Màu sắc được không khí phản chiếu lại óng ánh trên kính cửa sổ phòng tôi. Tôi dùng ngón tay quét qua tấm kính và ngạc nhiên khi những ngón tay của mình trông như đang dính máu.

Hoàng hôn phủ xuống như thế đó. Bóng tối lấp dần mọi góc xó, càng lúc càng tối tăm hơn và trải tấm áo choàng của nó rộng ra hơn. Chỉ còn những khung hình trên tường là còn sáng trong ánh sáng mờ nhạt từ cửa sổ, mặt đồng hồ như một con mắt ngu ngốc màu trắng nhìn trừng trừng cả một thời gian dài từ trên tường xuyên qua bóng tối. Gần 10 giờ, ánh sáng cuối cùng của ban ngày biến mất, gian phòng tối om, chỉ chỗ cửa sổ còn le lói chút ánh sáng mờ ảo, nhưng cũng yếu ớt và phai dần. Những giờ sau đó, tôi chỉ ngồi không và nghĩ xem mình cần phải làm gì. Tôi biết rằng sẽ có điều gì đó mang tính quyết định xảy ra trong đêm nay, và có cảm giác nhất định rằng hôm nay sẽ là ngày cuối cùng tôi ở đây. Và vì thế, tôi không muốn chịu đựng những sự kiện gây chấn động thần kinh lâu hơn nữa.

Tôi không còn sợ hãi nữa, không một chút nào. Tôi không sợ gương mặt

ấy, cái miệng đáng sợ và cái trán trắng bệch như người chết nữa, vì bây giờ tôi đã hiểu được mọi thứ liên quan tới nhau như thế nào.

Vậy nên tôi chuẩn bị trước một số thứ, có thể trông chúng kỳ lạ nhưng sẽ được giải thích thông qua những sự kiện sau này.

Vào lúc 9 giờ rưỡi, tôi rời khỏi nhà. Đầu tiên, tôi mặc một cái áo choàng mỏng, nhưng rồi đổi ý và để nó lại. Thay vì vậy, tôi cài kín khuy chiếc áo khoác, vì tôi không muốn bị vướng víu khi cử động. Trước khi đi, tôi nạp đầy đạn vào khẩu súng ngắn và nhét vào túi áo bên phải, để tôi có thể nhanh chóng cầm lấy nó. Tuy nhiên, tôi lại thấy cái túi phồng ra rất đáng nghi, liền chuyển khẩu súng sang túi áo trong, để không ai có thể đoán ra là tôi có súng.

Rời nhà được vài bước, tôi chợt nhớ ra một việc. Tôi quay trở lại và nhìn đồng hồ giấy tờ của mình trên bàn. Tôi có cảm giác như chúng nằm đó gọn gàng quá; vậy nên tôi đảo lộn chúng lên, viết vài dòng trong một bài văn mà tôi đang viết dở thời gian qua, và cố gắng tạo ấn tượng rằng tôi đã ngẫu nhiên bỏ dở công việc và rời phòng.

Cuối cùng, tôi thật sự rời đi. Tôi liên tục nhìn đồng hồ vì muốn đến đúng giờ. Lúc đó là 9 giờ 40 phút, khi tôi bước vào cửa hàng tạp hóa.

Có năm người ở trong đó; người chủ tiệm đang đứng sau quầy và đo đạc miếng vải sọc, cô con gái đang đóng si-rô vào một cái bình. Đứng phía trước là người anh em của ông chủ tiệm, một ngư dân, đang ngậm tẩu và đút tay vào túi. Ngoài ra còn có hai khách hàng: một phụ nữ già đang bận

rộn xếp một vài cái túi vào trong giỏ và một thằng bé đang lạnh cóng vì đôi chân trần, một tay nó cầm một cái xô thiếc còn tay kia cầm một cuốn sổ nhàu nát màu xanh.

Tôi bước vào cửa hàng, cổ gây tiếng động để tất cả mọi người đều phải nhận thấy, chào người anh em của ông chủ tiệm vì có quen ông ta, và nhanh chóng kể cho ông ấy nghe rằng tôi có ý định muốn đi câu cá ở Mũi Đất Nhọn cách đây một dặm; tôi muốn đi ngay trong vòng nửa giờ tới, ngủ khoảng một giờ cùng những người đánh cá ngoài ấy và rồi bắt đầu đi câu lúc 4 giờ sáng.

“Vâng, đi đến đó tốt đấy,” người đàn ông nói. “Ông muốn chèo thuyền một mình à?”

“Không, tôi nghĩ sẽ mời thêm người nào đó ở khách sạn.”

“Vâng, phải chèo cả một đoạn khó đấy.”

“Đúng thế, nhưng tôi sẽ làm được mà,” tôi trả lời, mỉm cười và giơ cánh tay lên.

Người đàn ông gật đầu. “Ông chắc chắn là khỏe rồi,” ông ấy nói.

“Vâng, nhờ trời,” tôi trả lời và trong lúc ấy giọng nói của tôi vang to nhiều hơn tôi muốn.

Rồi tôi quay sang ông chủ tiệm và mua các dụng cụ câu cá, lưỡi câu và cả một cuộn dây. “Đồ của tôi tệ lắm rồi,” tôi nói. Ông chủ tiệm bày cách cho tôi câu được nhiều cá, giải thích cho tôi hiểu phải dùng loại mồi nào và thả dây câu ở đâu.

Cuối cùng, tôi xin phép mượn chiếc thuyền, việc mà ông ấy cũng cho phép sau khi suy nghĩ ít lâu.

“Vậy thì tôi sẽ lấy chiếc thuyền vào khoảng nửa giờ nữa,” tôi nói, “có thể tôi sẽ mang thêm một người bạn từ khách sạn, hoặc cũng có thể tôi sẽ đi một mình. Nhưng dù thế nào đi nữa thì tôi cũng sẽ đi, vì tôi rất hào hứng với chuyến câu cá này.”

Sau khi những thứ tôi mua được gói lại, ông chủ tiệm và người anh em của ông ấy chúc tôi câu được nhiều cá, rồi tôi đi đến khách sạn. Ở đó, điều khiến tôi thất vọng là cửa sổ nào cũng sáng đèn, kể cả phòng của Asbjörn Krag. Tôi đã nghĩ rằng ông ta sẽ không có ở đây, tin chắc rằng ông ta sẽ cố tình chọn nơi dưới kia, cạnh con đường núi, để làm nơi gặp gỡ. Nếu như gặp ông ta trong khách sạn thì tôi phải điều chỉnh lại hành động tiếp theo của mình. Nhưng dù sao đi nữa, bây giờ tôi cũng đã quyết định và muốn thực hiện nó.

Ở phòng ăn, tôi gặp một vài người khách, hỏi họ có muốn đi câu cá không, nhưng họ có vẻ không thích việc ấy cho lắm, nhất là khi tôi bảo rằng phải chèo một đoạn xa. Trong lúc đó, tôi nói chính xác thời điểm mà tôi dự định khởi hành. “Nửa giờ nữa,” tôi nói. “Tôi sẽ dùng chiếc thuyền của ông chủ tiệm tạp hóa. Nhưng hình như không ai muốn đi cùng tôi phải không?”

Rồi tôi đi theo hành lang đến phòng của Asbjörn Krag.

Đúng 10 giờ, tôi gõ cửa phòng ông ấy.

Không ai trả lời.

Tôi tiếp tục gõ cửa, vẫn không có ai trả lời. Tôi bước nhanh vào phòng. Gian phòng trống, nhưng cây đèn trên bàn đang cháy sáng. Tôi biết rằng Asbjörn Krag luôn nhớ khóa cửa phòng; vậy tức là ông ta ở cách đây không xa lắm.

Vì vậy, tôi chờ ở cửa khá lâu, nhưng không có ai đến và cũng không nghe thấy tiếng bước chân. Sự im lặng hoàn toàn bao quanh tôi.

Tôi rất ngạc nhiên, cửa mở và ngọn đèn cháy sáng trên bàn... Vị thám tử, hiện thân của sự đúng giờ, biết rằng tôi sẽ đến vào một giờ nhất định, tức là đúng 10 giờ. Tôi biết rằng ông ta có nhiều bí mật và sẽ không để cho người lạ nhìn giấy tờ của mình bằng bất cứ giá nào, và có lẽ tôi là người cuối cùng được phép đọc chúng. Thế thì tại sao ông ta lại không cẩn thận hơn?

Tôi mở cửa dẫn ra hành lang. Phòng của Asbjörn Krag nằm ở khoảng giữa hành lang này. Tức là, khi người ta tới đây theo bất cứ hướng nào thì tôi cũng nghe được tiếng bước chân trước khi người ấy đến cửa phòng của vị thám tử. Thế là tôi đóng cửa lại, đứng yên nghe ngóng. Không một tiếng động. Rồi tôi bước tới bàn của ông ta, nơi có nhiều giấy tờ xếp thành từng chồng một cách trật tự.

Trên bàn ngay sát cửa sổ có một bàn trang điểm nhỏ hình bầu dục với cái khung mạ bạc, nhiều đồ vật nhỏ nằm rải rác quanh cái gương, trong số đó có một vài tuýp đồ dùng để trang điểm. Khi nhìn thấy những thứ này, tôi bị sốc nhẹ.

Nhưng tôi còn nhận ra một thứ khác nữa.

Bên cạnh tấm gương, trong một cái khung bằng gỗ sồi được chạm trổ, là một bức ảnh.

Đó là tấm ảnh của viên kiểm lâm Blinde; một tấm ảnh đẹp đẽ, dường như được chụp không lâu trước khi anh ta chết.

Tôi cầm tấm ảnh, nhìn chăm chăm vào nó một lúc lâu. Cảm giác ấy ít

nhiều chi phối tôi thêm một lần nữa, thứ mà tôi đã có khi nhìn thấy gương mặt đằng sau tấm kính cửa sổ màu xanh. Nhưng nó chỉ kéo dài một giây, sau đó tôi bình tĩnh lại, không nao núng. Tôi hiểu rằng Asbjörn Krag cố tình để cửa mở; ông ta muốn tôi bước vào phòng và nhìn thấy những thứ ở trên bàn.

Tất cả những thứ này không khiến cho tôi ngạc nhiên đến mức như ông ta chờ đợi. Việc nhìn thấy bức ảnh, tấm gương và những thứ xung quanh đó lại càng không làm tinh thần tôi dao động như lúc gương mặt đáng sợ ấy xuất hiện phía sau tấm kính cửa sổ. Ít nhất thì bây giờ tôi biết tất cả đều là sự thật. Giờ tôi có bằng chứng không thể chối cãi rằng tất cả những gì trước đây tôi chỉ có thể phỏng đoán đều là đúng cả.

Tôi đứng đó và suy nghĩ xem mình cần phải làm gì. Tôi biết rằng trong khoảnh khắc này, Asbjörn Krag đang chờ tôi ở ngoài kia, trong màn đêm tối đen như mực ở nhóm cây cạnh biển. Không lâu nữa, tôi sẽ gặp ông ta ở đó, nghe thấy tiếng cười to, cụt lủn và khô khốc ấy.

Tôi làm một việc tương đối phù hợp với thái độ của mình trước đây. Tôi, bây giờ, cũng xuất phát từ một ý nghĩ nhất định, và làm theo một kế hoạch nhất định.

Tôi lấy một tờ giấy trắng và đặt nó lên bàn trước mặt mình, vì tôi muốn để lại lời nhắn cho ông ta. Trên cái giá bút có rất nhiều bút chì và một cây bút mực, nhưng không có bình mực. May thay đó là bút máy. Khi tôi dùng nó để viết, chính tôi cũng ngạc nhiên về những nét chữ ngay thẳng và chắc chắn của tôi:

“Ông Krag thân mến!

Tôi chờ ông tối nay lúc 10 giờ rưỡi (đồng hồ vừa mới chỉ 10 giờ 10 phút), để cùng với ông đến Mũi Đất Nhọn câu cá. Tôi khởi hành lúc 11 giờ từ cây cầu chỗ ông chủ tiệm tạp hóa. Khi ông đọc được thư này và muốn đi câu thì mời ông đi chung.”

Tôi viết tên mình bên dưới rồi đặt cây bút máy lên giá một cách cẩn thận. Rồi tôi vội vàng lục lọi trong mớ giấy tờ của ông ta.

Ông ta đã viết rất nhiều về đủ mọi đề tài, nhưng tôi không tìm thấy một từ nào về cái chết của viên kiểm lâm, cũng như không có từ nào về chiếc máy bay của Tiến sĩ Brahms.

Thời gian trôi qua thật nhanh; đã đến lúc phải rời khỏi đây. Tôi bước qua phòng ăn, nơi vẫn còn một vài người khách đang ngồi đó, huýt sáo một điệu nhạc và lắc những dụng cụ câu cá của tôi cho chúng kêu lách cách, như để tất cả mọi người có thể nghe và nhìn thấy.

“Tức là không ai muốn đi cùng à?” Tôi hỏi lần cuối cùng.

“Không, không,” người ta trả lời.

Tôi bước ra ngoài đường, tự thán phục mình đã bình tĩnh đến thế nào.

Khi nhớ lại người anh em của ông chủ tiệm tạp hóa đã nói gì về sức mạnh của tôi, tôi giơ cánh tay của mình ra, cảm nhận những bắp thịt đang căng ra như thế nào dưới lớp trang phục. Tôi cũng biết mình đang đi đến đâu.

Tôi bước chậm rãi trên đường, hy vọng sẽ gặp được một trong số những du khách hay cư dân, vì tôi muốn mình được nhìn thấy thêm một lần nữa. Tôi cũng đã thành công trong việc này, và gặp được ông ngư dân đội mũ rơm.

Tôi đã không gặp ông ta từ cái đêm đáng sợ khi viên kiểm lâm bị sát hại. Khi nhận ra tôi, ông ta bước chậm lại và ngần ngừ chào. Tôi có cảm giác như ông ta muốn trao đổi vài lời. Vì vậy tôi đứng lại và đưa tay ra chào ông ta.

“Muộn thế này mà ông vẫn còn đi ra ngoài à?” Tôi bắt đầu.

“À, mới 10 giờ thôi mà,” ông ta trả lời. “Tôi ở tiệm tạp hóa và nghe nói rằng ông muốn đi câu cá.”

Tôi hết sức vui mừng về việc người ta bắt đầu nói về chuyến đi của mình.

“Tôi nghĩ là ông đã đi rồi,” người đàn ông nói tiếp. “Có ai đi cùng ông không?”

“Không có, tôi đã hy vọng ông thám tử sẽ đi cùng, nhưng không tìm thấy ông ấy đâu cả. Nếu ông có gặp thì nhờ ông nói với ông ấy rằng tôi sẽ khởi hành trong vòng 15 phút nữa.”

“Vâng, tôi sẽ làm thế.”

Ông ta vẫn đứng đó và chuyển chân trụ từ chân này sang chân kia.

Cuối cùng ông ta nói:

“Ông có nhìn thấy chiếc xe sắt không?”

“Có,” tôi mỉm cười trả lời. “Tất cả mọi chuyện ma quái đều đã được giải thích một cách tốt đẹp, ông bạn thân mến ạ. Đó không phải là chiếc xe sắt, đó là một chiếc máy bay!”

Người đàn ông già lâm bầm điều gì đó. Trông có vẻ như ông ta vẫn còn tin vào chiếc xe sắt.

“Tôi đã nghe thấy tiếng của nó trước đây,” ông ta nói, “cách đây bốn

năm rồi.”

“Nhưng hóa ra ông già Gjaemaes đã không chết vào lúc đó!”

“Không, không! Nhưng tôi đã nghe được tiếng chiếc xe ấy mà.”

Ông ta vẫn tin chắc như vậy và rời đi trong nỗi thất vọng tràn trề vì tôi không tin ông ta nữa.

Trong đêm tối, tôi dễ dàng tìm thấy con thuyền được cột vào cầu tàu. Tôi đặt dụng cụ câu cá ra phía sau thuyền và cố đẩy con thuyền ra mà không gây tiếng động nào. Lúc ấy, tôi thấy trong các cửa sổ của cửa hiệu tạp hóa đột nhiên sáng đèn rồi lại tắt ngấm ngay. Tôi biết điều đó có nghĩa gì. Ông chủ tiệm tạp hóa đã mở cửa sổ để nghe xem ai đang lục đục ở những chiếc thuyền của mình. Ông ta nhận ra tôi và đóng cửa sổ lại.

Tất cả mọi việc diễn ra thật tốt đẹp. Bây giờ là 10 giờ 15 phút, và ông chủ tiệm tạp hóa đã biết là tôi bắt đầu khởi hành từ cây cầu.

Điều duy nhất làm tôi không hài lòng lúc này là sự yên lặng. Tôi muốn có gió và sóng biển để lấp đi tiếng chèo thuyền, nhưng thay vào đó bóng tối đã giúp tôi. Tôi chỉ cách bờ vài mét nhưng đã không còn nhìn thấy nhà cửa nữa, chúng biến mất trong màn đêm tối đen như mực và ẩn hiện một vài điểm sáng màu vàng nhấp nháy. Tôi chèo đi trong màn đêm tối như hũ nút. Biển được phân chia một cách thật kỳ lạ thành những khoảng màu đen và xám. Ở phía xa, có một thứ ánh sáng xám nhạt dị thường lớn vờn trên mặt nước. Tôi không biết ánh sáng ấy đến từ đâu, nhưng tôi tránh chèo thuyền vào những nơi như vậy, vì tôi biết rằng ở trên đó, tôi và con thuyền sẽ nổi bật như những cái bóng màu đen kịt.

Bây giờ tôi đang tiến đến gần vùng nước mở, và cảm nhận được sau gáy

một làn gió lạnh từ đất liền. Con thuyền trượt đi trên lưng những con sóng nhỏ. Thật ra tôi phải chèo dọc theo dải đất bằng phẳng ở bên tay trái để đến chỗ câu cá. Nhưng thay vì vậy, tôi chèo sang bên phải, tiến đến vách núi dốc đứng và cảm thấy mình đang biến mất vào trong bóng tối đen kịt đó. Bây giờ thì tôi không muốn gặp phải ai, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Tôi biết rằng những người đánh cá thường đi dọc theo lối này, vì vậy mà tôi cố sức chèo để nhanh chóng đến được nơi tôi muốn mà không bị ai phát hiện ra. Tôi gắng hết sức, đến mức tay chèo cong đi và nước ở mái chèo sủi bọt.

Cuối cùng, con thuyền tiến gần đến một vài cây cột đen, tôi phải dùng hết sức để hãm nó lại, để nó không đâm vào cây cầu khi vẫn trong đà lao đi như cũ. Nhưng mạn thuyền cuối cùng cũng đập mạnh một cái vào thành cầu đánh âm một tiếng. Tôi ngồi yên trong khoảnh khắc và lắng nghe; không có tiếng động nào, vậy tức là quanh đây không có người.

Tôi cột chiếc thuyền bên cạnh vài con thuyền khác, đang nằm yên lặng mờ ảo ở đó. Con thuyền nhỏ của tôi đã làm cho mặt nước xao động, những cái bóng dập dềnh trên mặt nước, tiếng nước vỗ nhẹ nhàng vào những cây cột của cầu tàu. Tôi bước lên cây cầu, cố gắng buộc thuyền lại theo cách để tôi có thể tháo nó ra bất cứ lúc nào.

Rồi tôi nhìn quanh. Kia là những hình bóng đồ sộ tối đen của các thân cây vươn cao lên bầu trời màu xám tro. Tôi cần phải đi gặp một người trong bóng đêm kỳ lạ này, để biết được tên của kẻ giết người.

Bây giờ thì hẳn phải sắp 10 giờ rồi. Một giờ nữa, có thể chỉ nửa giờ nữa thôi, mọi việc sẽ kết thúc. Tôi không hề cảm thấy căng thẳng hay bồn chồn chút nào, nhưng tôi bị thúc giục mạnh mẽ bởi mong muốn được hành động.

Không có gì trên thế giới này có thể ngăn cản tôi được nữa. Tôi nhớ lại, thầm tán dương mình đã hành động kín kẽ như thế nào trong khoảnh khắc này, đã cẩn thận tính toán trước mọi sự bất ngờ ra sao, rằng mọi giác quan của tôi đã căng thẳng như thế nào, cố gắng lắng nghe những tiếng động và tạp âm ra sao. Đầu óc tôi lạnh lùng và hoàn toàn tỉnh táo.

Tôi đi trên cây cầu, những tấm ván kê cột kẹt nho nhỏ dưới bước chân của tôi. Điều đó khiến tôi bực mình. Tôi cố gắng bước đi mà không gây ra tiếng động. Khi lên đất liền, tôi đến một bãi cỏ. Ở đây, tôi đứng yên một lúc và lắng nghe. Hoàn toàn không một tiếng động.

Con đường đó ở đâu? Nhưng trước hết, tôi cần đảm bảo rằng mình sẽ không được phép gặp ai! Đầu tiên, tôi cố gắng định hướng. Ở xa xa, tôi nhận ra hình dáng mờ ảo của một ngôi nhà nhỏ nhô lên trong bóng tối như một khối lập phương màu xám. Ngay trước đó là một khối lớn màu xám với hình thù không rõ ràng. Đó hẳn là một ngôi nhà lớn hơn, có vườn cây ăn trái bao quanh. Ở bên tay phải, như tôi biết, là một ngôi nhà tắm nhỏ, được xây lại từ một ca-bin trên một chiếc thuyền. Người ta chuyển ca-bin từ boong tàu xuống và đặt nó lên mặt nước, dùng những cái thùng phuy rỗng để giữ cho nó nổi trên đó. Ngay khi tôi nhận ra cái ca-bin đó, tôi biết rõ mình phải làm gì. Tôi đã tắm nhiều lần ở đây và biết rằng từ cái buồng này người ta có thể đi trên một cái cầu nhỏ đến vách núi luôn bị mặt trời chiếu vào ở phía dưới con đường núi. Từ đó cho tới những vệt bóng đen tối kia không còn xa nữa.

Tôi cẩn thận đi trên cây cầu, trong lòng hơi lo lắng vì tiếng sỏi đá lạo xạo dưới chân, nhưng tôi vẫn đi tiếp, nhẹ nhàng và cẩn thận hơn, tiếp tục tiến lên như đôi chân sói. Khi đến vách núi, tôi cúi xuống và bò tới bằng cả

tứ chi, không để bóng đen của mình nổi bật lên trên bầu trời được chiếu sáng yếu ớt nơi eo biển.

Cuối cùng, tôi đứng cạnh dốc núi đầy đá dẫn lên con đường đi. Tôi nắm một bụi liễu gai đầy sương, tự kéo thân mình lên cao, với tay nắm được một gốc cây và rồi lại một bụi liễu gai nữa. Cuối cùng, tôi bám vào một tảng đá lớn; suýt chút nữa nó có thể long ra và lôi tôi theo xuống biển.

Tôi quỳ xuống, tựa đầu gối vào để trượt chậm lại và cảm thấy da mình đang rách, máu chảy ra nhớp nháp. Nhưng giờ thì tôi cách con đường đó không còn xa nữa. Tôi thôi không nắm vào hòn đá ấy, để nó nằm lại đó. Tôi đã vui mừng thật sự khi những ngón tay của mình bám được vào một vài cành mâm xôi. Bây giờ tôi đã trèo lên được chỗ cao nhất, cạnh hòn đá chắn ở ven đường. Tôi bám thật chặt vào những cạnh sắc của nó, tới mức móng ở các đầu ngón tay cong lại. Chỉ cần đu nhẹ thân mình, và tôi sẽ lên được tới trên cùng.

Tôi nghe được tiếng bước chân.

Tiếng chân người bước đi!

Tim tôi đập mạnh, giống như một thân cây bị gió bão thổi lung lay. Tôi chưa bao giờ thấy sợ như lúc này. Nó khiến cho toàn bộ sức mạnh cơ bắp của tôi biến mất, và rồi những sợi gân đang căng thẳng bỗng nhiên chùng hẫ xuống. Tôi nghe thấy tiếng chân người bước đi trong bóng tối, những bước chân vội vã đi dọc theo con đường. Trước mặt tôi là một vách núi đá ẩm ướt, nước chảy từng giọt, một hẻm núi khổng lồ tối đen như mực, bóp nghẹt mọi tia sáng. Và tiếng chân người bước đi vang lên trên đó, cạnh con đường trong cái bóng của vách núi đá này. Tôi hoàn toàn không thấy được

gì từ con người ấy. Bây giờ thì người này đã đến gần hơn, bước đi cẩn trọng kỳ lạ, để giày giẫm xuống đất thật mạnh. Trong lúc những bước chân ấy đi ngang qua, tôi tin rằng đó là hai người đang đi dựa vào tiếng động phát ra. Phía trên kia, con đường uốn thành vòng cung quanh núi. Tôi có thể nhìn thấy đường cung rộng của nó nổi bật trên chân trời và nền trời xám xịt. Tôi hồi hộp nhìn đến điểm ấy, vì tôi biết rằng có thể nhìn thấy những người đi bộ ở đó.

Ngay sau đó, tôi nhìn thấy hai người này - đó rõ ràng là hai người. Đầu tiên, tôi nhìn thấy mũ của họ, rồi hình dáng của họ. Họ không nói chuyện với nhau, đi cùng nhịp trên đường như hai người lính mặc đồ đen. Ống quần của họ được buộc quanh mắt cá. Đó là hai người đi xe đạp hồi sáng trên chiếc tàu hơi nước. Không ai nhìn thấy họ suốt cả ngày nay, người ta thậm chí không biết đến sự hiện diện của họ nữa. Tôi cảm thấy thật kỳ lạ khi họ bỗng nhiên xuất hiện bằng cách này, bước đi nhanh nhẹn và lặng lẽ giống như hai người chết. Họ nhanh chóng biến mất ở phía sau vách núi và tiếng bước chân của họ giờ cũng nhỏ dần.

Tôi phải nằm yên một lúc để hồi phục lại sau cơn sợ hãi, nhưng không lâu sau đó, tôi đã bình thường trở lại, vì họ không nhìn thấy tôi. Tôi chờ một phút rồi nhanh chóng đu người lên con đường và bước qua bên vách núi, hòa mình vào trong bóng tối dưới ngọn núi.

Bằng cách này tôi đã may mắn tránh được con đường giữa những ngôi nhà, nơi mà như tôi biết thì lúc nào cũng đối mặt với nguy cơ bị người khác bắt gặp. Giờ tôi chỉ cần đi vài bước nữa là xuống đến những cây to, nơi mà Asbjörn Krag đang chờ. Tôi im lặng đi xuống dưới đó. Chưa bao giờ tôi lại cố gắng bước đi nhẹ nhàng, để không gây ra tiếng động nào như lúc này.

Cuối cùng, tôi đã đứng dưới những tán cây. Nhưng mà con người đó đâu rồi? Sự im lặng nặng nề, đáng sợ vây quanh tôi. Đêm tối nên tôi không thể nhìn thấy gì, hay nghe được một tiếng động nào, ở gần hay từ phía xa. Ngay cả những cành cây cũng không đung đưa, những ngọn cây dường như đã đông cứng lại và biến thành than - tôi có cảm giác như mình đang ở trong một hầm mộ.

Nhưng rồi cuối cùng tôi cũng nhìn thấy gương mặt ấy.

Bất thành linh, gương mặt xương xẩu, trắng bệch, với xương gò má nhô ra và đôi môi mỏng của vị thám tử hiện ra trước mắt tôi. Đôi mắt của ông ta lấp lánh qua mắt kính không gọng. Ông ta bất ngờ đến, có trời mới biết được từ đâu, tựa như bóng tối đã nhả ra. Hay là ông ta đã đi theo sau tôi?! Ý nghĩ này khiến tôi bất giác rùng mình.

Quá bất ngờ, tôi không thể cất lên được lời nào; tôi thậm chí còn không chắc là giọng nói của mình còn đó hay không. Cũng chính trong khoảnh khắc ấy, tôi đã hết sức bình tĩnh nhưng Chúa ơi, tôi vẫn có cảm giác rằng sự hồi hộp luôn rình rập sẵn đó, để chộp lấy và chế ngự tôi mọi lúc có thể.

... Tôi có cảm giác cả một thời gian vô tận đã trôi qua, trước khi nhận ra được giọng nói của vị thám tử. Ông ta nói:

“Tôi đã chờ lâu lắm rồi!”

“Tôi tìm ông trong khách sạn,” tôi trả lời, “và đã chờ nhiều phút trong phòng ông.”

“Chúng ta đi thôi.”

Vị thám tử bước đi vài bước dọc theo con đường núi, tôi cẩn thận đi theo ông ta. Đột nhiên, ông ta như đoán được tôi đang nghĩ gì.

“Ông có thể đi như bình thường,” ông ta nói, “chúng ta sẽ không gặp ai ở gần đây đâu.”

“Ông biết chính xác điều ấy à?”

“Vâng, tôi biết, tôi đã đứng đây một lúc lâu.”

Khi chúng tôi đi đến bóng tối dưới vách núi, vị thám tử đứng lại. Một sự nhạo báng rõ ràng phát ra từ giọng nói khi ông ta hỏi:

“Thật ra thì ông không cảm thấy kỳ lạ khi chúng ta hành động bí mật như thế này sao?”

Câu hỏi làm tôi bối rối. Nhìn từ góc độ của tôi thì hành vi bí ẩn này tương đối dễ hiểu và đúng là cần thiết, nhưng tôi không nghĩ rằng ngay cả Asbjörn Krag cũng có lý do để xuất hiện một cách lặng lẽ như vậy, không để ai nhìn thấy ông ta. Ông ta muốn tiết lộ tên của kẻ giết người cho tôi biết, chỉ có thể. Tại sao ông ta không nói cho tôi biết sớm hơn, hoặc là vào ban ngày? Hay tại sao ông ta không thể nói cho tôi biết ngay trong khoảnh khắc này? Mãi tới bây giờ, tôi mới xâu chuỗi và thấy rõ toàn bộ thái độ kỳ lạ của ông ta trong buổi tối nay, và một sự nghi ngờ ập đến khiến toàn thân tôi ớn lạnh vì sợ hãi: Ông ta liệu có biết ý định của tôi không? Ông ta âm thầm khuyến khích tôi ư? Ông ta quỷ quái tới mức đoán trước được cả việc ấy ư?

Tất cả những ý nghĩ ấy băng qua đầu tôi trong giây lát. Tôi lăm lăm không rõ ràng thay cho câu trả lời:

“Tôi đã không còn,” tôi nói, “hoàn toàn không còn ngạc nhiên về cung cách hành động của ông nữa.”

“Nhưng tại sao chính ông cũng lại hành động bí ẩn như thế? Tại sao ông

lại len lén đi lại như một tên trộm trong đêm tối như vậy?”

“Tôi nghĩ cần phải xuất hiện một cách cẩn thận. Kẻ giết người còn chưa bị bắt kia mà.”

Lúc đó, vị thám tử cười to. Ông ta quay mặt đi và cười to hơn, tiếng cười ấy vang lên như tiếng ngựa hí và đầy chế nhạo, tôi có cảm giác như nó đến với tôi từ trong bóng tối.

Bây giờ, ông ta thân tình khoác lấy cánh tay tôi, chậm rãi cùng tôi đi dọc theo con đường. Chúng tôi nhanh chóng tiến đến chỗ có vách đá dựng đứng cao vài trăm mét hướng thẳng xuống biển.

“Thật tội nghiệp,” ông ta lầm bầm, đầy thương hại. “Ông có vẻ quá hồi hộp và quá sợ hãi đấy! Ông thật sự cần phải nghỉ ngơi, cần một sự thay đổi. Ông sẽ có cả hai điều ấy khi sự việc này được kết thúc một cách tốt đẹp.”

“Ông không muốn đi nhanh hơn một chút à?” Tôi hỏi.

Chúng tôi đến đúng nơi cao nhất, nhìn chăm chăm xuống vực sâu đen ngòm thăm thẳm không đáy đang hà một làn hơi lạnh lên chỗ chúng tôi.

“Vâng, bây giờ thì ông cần phải nghe những gì tôi kể,” ông ta nói, “nhưng tôi phải hỏi ông vài câu. Ông có sẵn lòng trả lời không?”

“Tại sao lại không nhỉ?”

“Tôi thấy giọng nói của ông khàn khàn và bất an, giống như một gã say... Nhưng đó hẳn là sự hồi hộp căng thẳng, có lẽ cũng là sự khó chịu sắp ập vào người ông. Tức là tối nay ông đã vào phòng tôi?”

“Vâng.”

“Ông không ngạc nhiên khi thấy cửa mở sao?”

“Có chứ, tất nhiên rồi.”

“Tôi giải thích cho ông biết rằng tôi đã có dụng ý nhất định với việc ấy.”

“Đúng như tôi nghĩ. Thường thì ông cẩn thận khóa cửa mà.”

Vị thám tử lại cười to.

“Tôi rất tán phục ông,” ông ta nói, “tôi cảm thấy ông đang cố gắng nói thận trọng nhất có thể. Sự tỉnh táo của ông vô cùng ấn tượng đấy. Ông có thể nói cho tôi biết ý định của tôi là gì không?”

“Không!”

“Thế thì tôi sẽ nói cho ông biết. Tôi muốn ông phải nhìn thấy căn phòng của tôi.”

“Tôi?”

“À, giờ thì giọng nói của ông lại đờ đẫn và khàn khàn. Ông không nhìn thấy bàn viết của tôi sao?”

“Có chứ.”

“Ông tìm thấy những gì ở đó?”

“Đủ để tôi cho rằng tôi đã tìm thấy đúng thứ.”

“Ồ, ồ, ông không muốn nói hết ra. Ông tìm thấy những thứ dùng để trang điểm, đúng không?”

“Đúng thế.”

“Và tóc giả với bộ râu?”

“Phải, tôi đã hoàn toàn biết rõ đó chính là ông, ông thám tử ạ, người đã giả làm hồn ma của viên kiểm lâm bị sát hại.”

“Thế ông có tìm ra lý do cho việc ấy không?”

“Ông luôn nói chuyện thật khó hiểu, tôi không hiểu.”

Vị thám tử đặt tay lên vai tôi.

“Này,” ông ta nói, “đường như tôi nghe được...”

Cả hai chúng tôi cố gắng lắng nghe.

Từ tít dưới biển, chúng tôi nghe được tiếng chèo thuyền; người ta đang chèo một chiếc thuyền đi ngang qua trong bóng tối. Tiếng động vang đến chỗ chúng tôi như đi qua một cái loa. Chúng tôi cũng nghe được văng vẳng tiếng người nói, vài từ rời rạc, nghe có vẻ xa xôi yếu ớt kỳ lạ:

“... trong thời tiết thế này thì tốt hơn là...”

Chúng tôi không nghe được nhiều, phần còn lại đã bị bóng tối và vực sâu nuốt chửng.

“Sâu, sâu phía dưới,” vị thám tử lẩm bẩm. Sau khi ông ta lắng nghe một lúc mà không nghe được thêm gì nữa, ông ta tiếp tục.

“Như tôi đã nói, ông bạn thân mến, tôi đã cư xử khác thường trong vụ việc đáng sợ này. Tôi biết rõ rằng viên kiểm lâm hản đã chết dưới tay một người đàn ông trong cơn giận dữ. Đây hoàn toàn không phải là vụ giết người có chủ đích. Tôi nhanh chóng nghĩ đến một vụ ghen tuông. Khi nhìn thấy nụ cười đắc thắng của nạn nhân, tôi thầm nói: *Nếu ông ta cười nhạo tình địch như thế này thì tôi có thể hiểu được là người đó sẽ đánh ông ta ngã xuống ngay lập tức...* Thế đấy! Nhưng tôi cũng nhìn thấy ngay rằng việc thu thập bằng chứng là điều không hề dễ dàng. Người ta có thể củng cố cho sự nghi ngờ, nhưng không thể tìm được bằng chứng cụ thể nào. Trong khi đó, việc phạm tội này chỉ xảy ra tình cờ, một hành động hết sức bất ngờ và thiếu suy nghĩ. Tức là tôi phải tiến hành công việc của mình khác với thông thường. Bây giờ tôi muốn kể cho ông nghe một ví dụ, ông bạn thân

mến ạ. Cách đây hai năm, một người Anh giàu có đã biến mất một cách bí ẩn tại bờ biển vùng Riviera. Công cuộc điều tra cho thấy rằng đây là một vụ giết người cướp của, nhưng không tìm thấy kẻ giết người. Người ta hoàn toàn không có mô tả nào về hắn. Viên thám tử người Pháp nhỏ người khôn lanh chỉ huy cuộc điều tra ấy đã làm gì? Vâng, ông ta đã đóng giả làm nạn nhân! Ông ta hóa trang giống hệt người đó, mặc trang phục giống hệt như người đó và làm một chuyến du lịch quanh tất cả các thủ đô của châu Âu. Ông ta đi dạo trên các con đường lớn nhỏ, nơi có đông người. Cuối cùng, ở St. Petersburg đã xảy ra điều mà ông ta hy vọng. Một người đàn ông giật mình đứng lại khi nhìn thấy ông ta. Đó là tên giết người, kẻ đã tin rằng bóng ma nạn nhân bất chợt xuất hiện, vì vậy mặt hắn đột nhiên trắng bệch và sợ hãi bỏ chạy. Trong khoảnh khắc kế tiếp, hắn đã bị bắt.

“Và đây, ông bạn thân mến ạ, đây là phương pháp của tôi. Chỉ là nó được tiến hành hơi khác một chút. Tôi có những nghi ngờ nhất định và hiểu rằng, bởi vì tôi nhìn rõ hơn tất cả những người khác trong những sự việc như thế này, chỉ có một người duy nhất có thể là kẻ giết chết viên kiểm lâm. Từ lúc đó, tôi đã theo dõi con người đó. Những sự việc bất ngờ như cỗ máy bay và cái chết của ông già Gjaemaes đã trì hoãn công việc của tôi một chút, nhưng không gây hại mà cũng chẳng có lợi cho sự việc.

“Vì thiếu bằng chứng nên tôi phải làm sao cho người ấy tự lộ mình. Tôi phải nhờ đến sự sợ hãi, bằng một cách mà có lẽ là chưa một thám tử nào làm trước đó. Tôi xin lỗi nếu như tôi đã tàn nhẫn, nhưng thật sự là như tôi đã nói, tôi là một người viết nên nỗi sợ hãi. Và tôi đã làm cho tên tội phạm phải tự làm lộ mình... Tôi có cần phải nói cho ông biết ai là kẻ giết người hay không?”

Bàn tay của vị thám tử nặng nề đặt trên vai tôi. Ông ta chắc chắn có thể cảm nhận được thân hình của tôi phập phồng theo tiếng tim đập như thế nào. Tôi nghe được giọng nói của mình, một tiếng động ùng ục thật kỳ lạ:

“Không... không đâu.”

“Thế à? Tức là không à?” Asbjörn Krag cười to. “Kẻ giết người tất nhiên chính là ông. Tôi đã biết điều này ngay từ đầu, ngay từ khoảnh khắc mà tôi nghe thấy rằng ông đứng dưới hàng cây và nhìn thấy viên kiểm lâm, tình địch của ông, bước ra khỏi phòng của cô gái. Khi ông đi qua cánh đồng hoang, chắc chắn ông chỉ cảm thấy vô cùng bất hạnh, ông không nghĩ đến việc giết anh ta, nhưng vẫn coi sự từ chối ở trang trại như một nỗi sỉ nhục to lớn, nhất là khi ông hiểu sai toàn bộ sự việc. Khi ông đến gần viên kiểm lâm, người này nhấc mũ lên để chào ông - đây chế nhạo và đắc thắng - ông đã lập tức giơ cao cây gậy đầu bọc ngà đẹp đẽ của ông và đập vào anh ta. Lúc đó hẳn ông cũng không nghĩ đến chuyện giết chết anh ta, nhưng chuyện đã rồi, ông đập trúng vào sau gáy anh ta, và anh ta chết ngay lập tức...”

Asbjörn Krag dừng lại.

Lời nói của ông ta trôi qua tôi, tôi biết ông ta nói gì, nhưng tôi không thể nhập được vào đầu mình những lời nói ấy. Giọng ông ta trầm, nghiêm trang như đập vào tai tôi một chuỗi âm thanh buồn bã giống như tiếng chũm chọe trong đám tang. Tôi bất chợt lắng nghe tiếng chèo thuyền ở sâu dưới kia, giờ tiếng động ấy đã đi xa hơn, chiếc thuyền đã đi ngang qua. Thời điểm đang đến gần.

Asbjörn Krag nói tiếp:

”Nếu như tôi tàn nhẫn với ông thì tôi xin lỗi ông, nhưng tôi phải hành động như đã định - không có con đường nào khác. Tôi bắt đầu bắt chuyện với ông, rồi làm cho ông bối rối bởi những hành động của mình, và cuối cùng tôi để cho người chết xuất hiện trước cửa sổ nhà ông vào ban đêm. Nếu như ông suy nghĩ thật kỹ, thì toàn bộ cung cách đối xử của tôi đối với ông, từ lời nói của tôi, hành động bí mật và công khai của tôi, đều là một chuỗi thống nhất, một tấm lưới liên tục và được đan kết khéo léo nhằm đạt đến mục đích cuối cùng. Cứ mỗi một ngày trôi qua, tôi lại nhìn thấy ông hồi hộp hơn, hoảng sợ hơn. Cuối cùng, có lẽ ông đã có sự nghi ngờ về mối liên quan giữa các sự việc. Ông có nhớ đến khẩu súng ngắn không. Ông muốn dùng nó để bắn con ma, đúng không? Nhưng tôi đã tháo đạn ra khi tôi ngồi ở chỗ ông một giờ trước đó và trầm trồ khen ngợi món đồ. Lúc đó ông đã tin là thật, đúng không? Tôi có thể nhận ra điều đó ở ông vào ngày hôm sau, cuối cùng thì ông cũng tự làm lộ mình.”

“Tôi đâu có tự làm lộ mình,” tôi thì thào.

“Có, tất nhiên ông đã làm điều đó. Bây giờ thì tôi khuyên ông nên nhận tội.”

“Không bao giờ!”

Vị thám tử bước ra trước tôi, lúc này ông ta đang đứng giữa tôi và vực sâu. Đúng là ông ta đang thách thức tôi mà.

“Chúng ta đứng đối mặt nhau ở đây,” ông ta nói, “ông thật sự muốn tiếp tục phủ nhận sao?”

“Tôi không phủ nhận,” tôi nói thật to, “nhưng không có bằng chứng, và ông sẽ không bao giờ có được bằng chứng!”

“Ông là kẻ giết người!”

Và thời điểm đã đến. Bây giờ tôi muốn hành động như kế hoạch đã lập ra tối nay.

Tôi lao tới ông ta, ôm chặt ông ta với hai cánh tay gân guốc của mình.

Trong khoảnh khắc, một niềm vui nóng rực đến bỏng rẫy tuôn chảy trong người tôi.

Tôi cảm thấy sức lực tuôn trào. Ngay lúc này, tôi sẽ ném ông ta xuống vực sâu, ông ta, người duy nhất biết được sự thật.

Nhưng ngay trong khoảnh khắc quyết định ấy, tôi cảm thấy chính mình bị nắm giữ bởi bốn cánh tay, tôi nghe thấy tiếng kim loại kêu lách cách, và rồi bất thành lình tay tôi bị còng lại đằng sau lưng.

Bây giờ tôi thấy như có một màn sương mù phủ xuống tâm trí. Một cây đèn lóe sáng lên; trong ánh sáng của nó, tôi nhìn thấy hai hình dạng: những người lính mặc quần áo màu đen, những người đi xe đạp... Tôi nghe tiếng Asbjörn Krag cảm ơn họ vì đã hành động nhanh chóng và ra mệnh lệnh...

... Sau đó, tôi có cảm giác như vị thám tử nói với tôi... “Cuối cùng ông đã tự làm lộ mình,” ông ta nói. “Tôi phải thực hiện một kế hoạch mới... và ông, người tin rằng có thể giết được tôi... tôi đã đi theo ông cả buổi tối..... Thủ đoạn của ông với chuyến đi câu cá... Ông làm thế để có chứng cứ ngoại phạm nếu như có ai đó phát hiện ra thì thể giập nát của tôi. Nhưng thay vì vậy, ông bạn thân mến, ông đã hành động đúng theo dự đoán của tôi... Tôi cũng muốn hành động toan giết người này xảy ra, chính vì vậy, tôi đã luôn nói đến nơi nguy hiểm này... Và mọi việc đều thành công hết sức tốt đẹp, ông bạn thân mến ạ, cũng giống như khi khóa chiếc còng này

vậy...”

Tôi nghe giọng nói của vị thám tử càng lúc càng xa dần, cho tới khi nó biến mất trong bóng tối. Rồi một sự yên lặng trống rỗng ập xuống trí óc tôi.

Tôi ngồi trong xà lim với những cảm xúc kỳ lạ và lật những trang giấy này. Những trang đầu tiên được viết với nét chữ vội vàng, không đều đặn, những chữ cái nghiêng ngả, có những từ không thể đọc. Nhưng dần dần, nét chữ trở nên tròn trịa hơn, cũng như tôi đã trở nên bình tĩnh hơn với thời gian mà tôi đã dùng để viết lại câu chuyện.

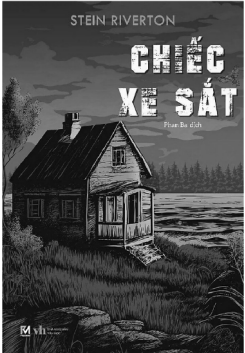
Tôi thật sự đã cảm nhận được cảm giác tuyệt vời đến từ sự bình thản và an toàn. Tôi đang ở trong tù, không còn những ý đồ riêng và cũng không còn nỗi lo âu nào nữa.

Giờ đã là mùa thu. Không khí khá lạnh vào buổi sáng, trước khi lò sưởi kịp thời làm ấm nóng các gian phòng. Những giấc mơ và sự tưởng tượng của tôi giờ đều là về mùa thu. Tôi tưởng tượng mình nhìn thấy thế giới ngoài kia... Cảnh cây trụi lá giống như những ngón tay cháy đen đang giao cao bất động. Bầu trời không xám cũng không xanh; nó không có màu sắc và cũng không phản chiếu xuống mặt đất, mà nằm thấp sát xuống mặt đất. Nó thổi ra những hơi lạnh thấu xương, như thể đó là hơi thở của một tạo vật xấu xa. Sương giá đã đông lại trên những chiếc chuông nhà thờ, tôi có thể nghe được điều đó, vì chúng vang lên thật, những thanh âm tăm tối...

Tôi có thể ngồi đó nhiều giờ liền, nhìn trừng trừng về phía trước mặt. Tôi có cảm giác mình ngày càng rời xa con người, đang giống buồm lướt đi

đến chốn vô tận, đến một cuộc sống khác. Cảm giác đó có lẽ bắt nguồn từ việc tôi biết rằng mình còn nhiều năm ở trong tù, quãng thời gian đó đủ khiến tôi nghĩ đến sự vô tận. Cũng trong sự tưởng tượng của tôi, sự vô tận ấy là một cái gì đó đầy ánh sáng, một thứ ánh sáng xa lạ nhưng tuyệt đẹp, chiếu khắp biển cả bao la, trống trải.

Và tôi như được an ủi, trở nên vui vẻ trong buồng giam của mình. Đây là cái ca-bin của tôi trên tàu và tôi sẽ giong buồm đi một chuyến thật xa. Tôi đã đoạn tuyệt với con người; tiếng cười nói vẫn vọng vào tâm trí tôi như những tiếng sóng vỗ nhẹ nhàng lên bãi cát, nhưng tôi cảm nhận thấy chúng ngày một xa xôi, và không lâu nữa, tôi sẽ lên đường, đến với sự yên tĩnh và lặng im suốt nhiều năm sau đó.



Thời xa xưa, người ta tin rằng khi nghe được tiếng gõ trên tường thì đó chính là tiếng động của chiếc *đồng hồ tử thần* báo hiệu cái chết đang đến gần. Sau này, khoa học mới giải thích đó là tiếng động do một số loài bọ đục gỗ gây ra. Những loài bọ đó được gọi chung là *đồng hồ tử thần* (tên khoa học *Anobium pertinax*). Còn con bọ *Trogium pulsatorium*, cũng có tên là *đồng hồ tử thần*, thì gây ra tiếng động bằng cách đập thân sau xuống sàn. ↩